



Tranh Hương Chủ, tranh thờ Hàng Trống

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|-------------------------|---------------|
| 1 Kinh tế khung lại.... | Bùi Mộng Hùng |
| 4 Tin / Thời sự | |
| 14 Bút ký mùa xuân | Trần Độ |
| 18 Kosovo | Nguyễn Quang |

văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| 19 Đọc Thái Bá Vân | Văn Ngọc |
| 21 Tưởng nhớ Thái Bá Vân | Lê Đạt |
| 23 Nguyên Lê | Nam Trần - Vũ Hồng Nam |
| 25 Một cuộc rong chơi | Phan Tam Khê |
| 27 Con mèo của Schrödinger (2) | Hàn Thuỷ |
| 31 Truyền của “chip” | Phan Huyền Thư |

Phát triển kinh tế khung lại : những vấn đề...

bùi mộng hùng

Suốt từ 1990 cho đến 1997 kinh tế Việt Nam phát triển mạnh, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trung bình tăng 8% một năm. Đang trên đà tốc độ cao, tăng trưởng bị chệch lạc trong năm 1998, GDP chỉ lên 5,8% so với 1997.

Con số chính thức ấy có nhỉnh hơn số liệu của Ngân hàng thế giới (WB), ước tính GDP của Việt Nam tăng khoảng 3,5 - 4,5 % trong năm 1998. Khác biệt là do cách tính toán tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và dịch vụ cùng mức độ ảnh hưởng của sự giảm sút đầu tư nước ngoài và xuất khẩu.

Chúng ta không đi đói co khác biệt đó. Vì rằng dù sao cũng phải nhìn nhận phát triển kinh tế Việt Nam năm 1998 là đáng kể so với các nước trong khu vực đang lặn hụp trong cơn suy thoái kinh tế : GDP của năm nước ASEAN (Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippin) giảm 7%, Nhật giảm 2 %, chỉ có Trung Quốc giữ được tốc độ tăng trưởng 7 %.

Một việc làm có ý nghĩa hơn là thử nhận định nguyên nhân làm cho phát triển kinh tế phải khung lại, và đâu là những vấn đề khúc mắc cần tháo gỡ để thoát ra khủng hoảng.

Những nguyên nhân

1. Hiển nhiên, một nguyên nhân là khủng hoảng kinh tế khu vực Đông Á, trầm trọng và kéo dài.

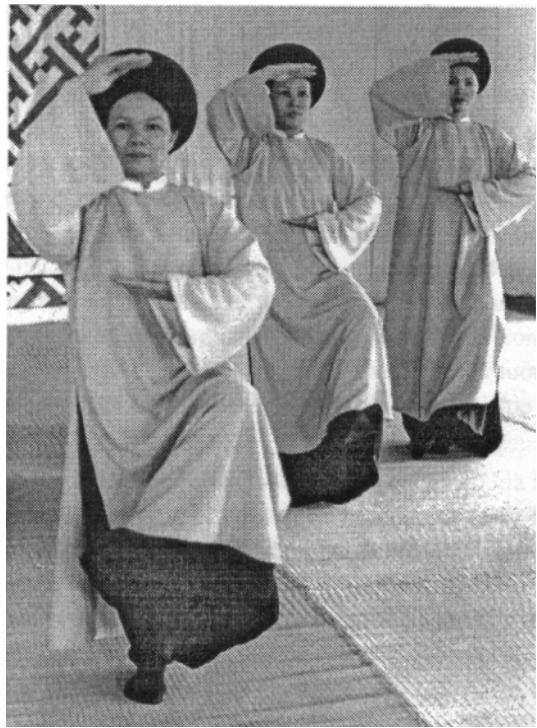
Trong giai đoạn vừa qua đầu tư nước ngoài (FDI) là một nguồn quan trọng cho phát triển kinh tế Việt Nam. Hai phần ba vốn FDI đó đến từ các nước Đông Á, khủng hoảng kinh tế khu vực đã làm cho đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giảm khoảng 60 % trong năm 1998.

(xem tiếp trang 10)

Compagnie EA SOLA

11, rue Git-le-Coeur, F-75006 PARIS
Tel : 33 (0)1 56 24 32 42, Fax : 33 (0)1 56 24 32 43
E-mail : easola@cybercable.fr
trình diễn vở múa mới

Voilà voilà



- BERLIN, Đức (Hebbel Theatre) :**
19-20-21-22 tháng 5.99
- PARIS, Pháp (Théâtre de la Ville) :**
26-27-28-29 tháng 5.99 (giữ chỗ : 01 42 74 22 77)
- MUNCHEN, Đức (Muffathalle/Goethe Institut) :**
7-8 tháng 6.99
- ARHUS, Đan Mạch (Foreningen Freja) :**
19 tháng 6.99
- HAMBURG, Đức (Hammoniale Festival des Frauen) :**
22-23 tháng 6.99
- LUDWIGSBURG, Đức (Ludwigsburg Schlosfeststspiele) :**
26 tháng 6.99
- NEW YORK, Hoa Kỳ (Lincoln Center Festival) :**
7-9-10 tháng 7.99
- MARTINIQUE (4e Biennale Orientale du Marin) :**
14 tháng 8.99
- TOKYO, Nhật (Tokyo Int. Festival of Performing Arts) :**
1-2-3 tháng 10.99
- CHICAGO, Hoa Kỳ (Museum of Contemporary Art) :**
6-7-8 tháng 10.99 (ngày chưa xác nhận)
- ECHIROLLES, Pháp (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) :**
9 tháng 11.99

Trong vở múa này, Nguyễn Thuỷ Ea Sola sử dụng 3 dòng nhạc Việt Nam (chèo, ca trù và tuồng), phối hợp với tiếng nhạc hiện đại của dàn cello.

Bạn đọc và Diễn Đàn

Ulan Bato ở bên Tây ?

Tôi có đọc truyện ngắn Mắt Miền Tây của Võ Thị Hảo trong Diễn Đàn số 83. Hay dở tới đâu, tôi không dám đánh giá, chỉ biết nó đưa tôi đến một môi trường Việt Nam khá xa lạ. Và cho tôi một thắc mắc nhỏ : đọc kỹ truyện ngắn thì rõ nhân vật Chị Hai sinh sống ở “bên Tây” là Ba Lan. Thế mà ở đâu truyện, trang 30, cột 1, lại có câu : “... chị trở thành người bạn hàng nổi tiếng ở Ulan-Bato...”. Tại sao lại có sự đem thủ đô Mông Cổ cắm vào nước Ba Lan ? Tác giả nhầm lẫn địa dư hay là ở Ba Lan cũng có thành phố Ulan-Bato mà tôi không được biết chăng ?

Trương V. Minh (Rennes, Pháp)

■ Bạn không lầm, và chúng tôi cũng không nghĩ rằng tác giả đã di chuyển thủ đô Ulan-Bato từ Mông Cổ sang Ba Lan như Ngu Công dời núi. Không có điều kiện trực tiếp liên lạc với Võ Thị Hảo, chúng tôi xin đưa ra một lý giải như sau : trong ngôn ngữ hàng ngày ở Việt Nam, xuất hiện rất nhiều tiếng lóng (xin xem hai bài Ngôn ngữ Hà Nội “hơi bị” ngữ, DĐ số 84, và bài Dời sống ngôn ngữ, DĐ số 65), một trong những phương pháp sản sinh tiếng lóng là dùng một số nhân danh, địa danh để chỉ những sự vật mà tên gọi có một vài âm tiết tương tự. Thí dụ : Hoàng Diệu = rượu, Yết Kiêu = kiêu căng, làm cao, Lê Đức Thọ : sống lâu,... Nếu chúng tôi không lầm, vì trong tên Ulan-Bato, có hai âm lan và ba, nên nó đã trở thành tiếng lóng ám chỉ nước Ba Lan. Rất mong các nhà ngữ học thực hành và đồng bào ở Ba Lan cho ý kiến.

Nhân dịp, cũng xin bàn thêm về sự chuyển nghĩa của chữ Tây. Đây không nói tới miền Tây, tức là miền Tây Nam Bộ (đông bắc sông Cửu Long) cũng có mặt trong truyện ngắn (và từ đó, có tên truyện là Mắt miền Tây), mà nói tới chữ Tây chỉ chung những vùng đất và con người ngoại quốc. Trước đây, và cho đến thập niên 1950, Tây là từ chỉ chung phương Tây. Nghĩa hẹp, Tây là Pháp, nhưng người Tây thường chỉ riêng đàn ông Pháp (hay phương Tây), đối lập với (bà) Đàm. Nghĩa rộng, Tây bao gồm cả châu Phi và bán đảo Ấn Độ (trong chữ

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Tây đen, Tây rạch mặt, chùa Tây đen...). Ngày nay, dường như chữ Tây đã mở rộng “mặt bằng” (lại một danh từ đang lạm phát trên báo chí Việt Nam) ra hầu hết mặt đất, có lẽ chỉ ngoại trừ mấy nước đồng văn như Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên hay láng giềng gần như Lào, Campuchia, Thái Lan... Theo một vài bạn Hà Nội, thậm chí người Nhật, Philippin... thường cũng được gọi là Tây (cũng như chữ Liên Xô trước đây).

Gái Củ Chi

Tháng tư vừa qua, toà soạn tiếp tục nhận được câu đổi của bạn đọc. Bạn Vũ Xuân Hân (Charlotte NC, USA) đổi

Khai bút đầu xuân Kỷ Mão, bấm chuột gửi meo cho mèo bằng hai câu :

Cạn (Nâng) cốc tiễn biệt Mậu Dần cầu trời phù hộ giúp hổ

Cạn cốc tiễn biệt Mậu Dần nhẹ bước vào hang thăm hổ

Các bạn khác đều để hết tâm trí vào cô gái Củ Chi hiểm hóc

Gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi

Bạn L. Hùng ở Hà Lan gửi thêm một câu :

Trai chống Mỹ chí mỏng ngờ chống Mỹ.

Bạn Hoàng Linh (Budapest, Hungari) gửi meo cho chúng tôi bài báo của Huệ Thiên (tạp chí Kiến Thức ngày nay) cho biết rõ xuất xứ của câu đổi mà toàn văn là

Gái Củ Chi chỉ cu anh, hỏi củ chi

chúng tôi đã in thiếu chữ anh. Đúng là chúng tôi đã sót, nhưng lại hoá hay, vì ngoài cặp củ chi / chỉ cu và sự đa nghĩa của hai chữ củ chi, lại có thêm cái lắt léo của sự đánh vần : cu hỏi củ.

Bạn Hoàng Linh cũng nhắc lại những về đổi đã lưu truyền. Đầu tiên là :

Trai Cù Mông mông cu đành cù mông

Cù Mông là tên cái đèo giữa Bình Định và Phú Yên. Trên diễn đàn vnsa ở Internet, có người đổi :

Trai Giải phóng phỏng dài, chờ giải phóng.

Như mọi cuộc chơi đùa, ngắn hay hơn dài. Vậy xin ngừng ở đây.

diễn đàn trên mạng internet

Báo DĐ thường lên khuôn vào cuối tuần thứ 3 mỗi tháng và tới tay bạn đọc khoảng từ ngày 5 đến ngày 10 tháng sau, do đó, chúng tôi không kịp thông báo những sinh hoạt văn hoá mà chúng tôi được tin quá muộn. Từ nay, trên trang chủ

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

mục sổ tay sinh hoạt sẽ được cập nhật hoá thường xuyên.

Ngoài ra, trong chừng mục có thể, phân tin ngắn cũng sẽ được cập nhật hoá theo yêu cầu của thời sự.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thành, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiên, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 €) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 €).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Tin Tức

Thủ tướng Phan Văn Khải thăm Úc và Nhật

Thủ tướng Phan Văn Khải đã đi thăm Úc 4 ngày kể từ thứ tư 31.3. Đây là lần đầu tiên ông tới Úc, và cũng là lần đầu tiên một nhà lãnh đạo cao cấp của Việt Nam trở sang thăm nước láng giềng giàu có này kể từ năm 1995, với chuyến đi của ông Đỗ Mười lúc đó là tổng bí thư đảng CSVN. Trong chuyến đi của ông Mười, cộng đồng người Việt tại Úc đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình phản đối, có khi biến thành bạo động, và lãnh đạo đối lập Úc lúc đó là ông John Howard thậm chí đã từ chối không gặp ông. Lần này, ông Khải cũng đã phải đương đầu với vài cuộc biểu tình, và ông John Howard nay là thủ tướng làm nhiệm vụ chủ nhà đã không quên phát biểu với khách ý kiến của mình về nhân quyền, song “trong tinh thần tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau”, “chấp nhận những khác biệt để tập trung vào những giá trị chung của hai bên”... Những quan hệ kinh tế giữa hai nước đã tăng lên nhiều trong mấy năm qua, và kim ngạch mậu dịch song phương đã đạt con số 1 tỷ đôla Úc năm ngoái (khoảng 630 triệu Mỹ kim). Ngoài các cuộc hội đàm chính thức với thủ tướng Howard và một số bộ trưởng trong chính phủ Canberra, ông Khải cũng đã đi thăm và gặp gỡ các doanh nhân Úc tại Melbourne và Sydney.

Trước Úc, ông Khải đã sang thăm Nhật trong ba ngày 28-30.3. Tại Tokyo, ông và thủ tướng Nhật Keizo Obuchi đã ký kết một hiệp định theo đó Nhật nhận cho Việt Nam vay 88 tỷ yen nhằm phát triển các cơ sở hạ tầng, với điều kiện Việt Nam tiếp tục nỗ lực đổi mới và hiện đại hóa nền kinh tế. Ngoài ra, một phái đoàn chuyên gia cao cấp của Nhật sẽ được cử sang Hà Nội để xem xét các điều kiện tăng cường viện trợ cho Việt Nam. Tuy nhiên, phía Nhật chưa thoả thuận cho Việt Nam hưởng chương trình viện trợ đặc biệt mang tên Kế hoạch Miyazawa, được đề ra với một ngân sách lên tới 30 tỷ đôla nhằm hỗ trợ một số nước châu Á khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính hai năm qua. (Reuters 29.3 và 1.4)

Quy định mới về việc cử cán bộ đi nước ngoài

Theo báo **Tuổi Trẻ** ngày 16.3.1999, thành uỷ TP HCM vừa ban hành một quy định về việc xét duyệt nhân sự đi nước ngoài, theo đó việc cử cán bộ đi nước ngoài công tác, học tập “phải xuất phát từ yêu cầu thật cần thiết với tinh thần triết để tiết kiệm, đảm bảo an ninh”. Quy định có những điểm như : hết sức cẩn nhắc việc đi nước ngoài do các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ mời, đài thọ ; không xét duyệt đi nước ngoài với những trường hợp nhân sự có quan điểm trái ngược với quan điểm, đường lối của đảng hoặc đang có hành vi phạm pháp ; trừ một số trường hợp cá biệt, nói

chung không giải quyết những nhân sự được nước ngoài mời đích danh ra nước ngoài đào tạo...

Quy định nói rõ việc tuyển chọn cán bộ đi nước ngoài là trách nhiệm của thủ trưởng và cấp uỷ đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ. Trong khi đó, thường trực thành uỷ có trách nhiệm xét duyệt việc đi nước ngoài của các đoàn Đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, viện kiểm sát, toà án, tôn giáo và một số nhân sĩ trí thức tiêu biểu thuộc diện thành uỷ quản lý. Đối với các đoàn kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, các cán bộ đi công tác, học tập, trách nhiệm xét duyệt này thuộc về Uỷ ban nhân dân thành phố...

☞ *Người theo dõi tình hình Việt Nam chắc chắn ai ngạc nhiên về việc thành uỷ TP HCM phân biệt đối xử với những “nhân sự có quan điểm trái ngược với quan điểm, đường lối của đảng”, cũng như việc xếp những người có các quan điểm không chính thống đó với người “đang có hành vi phạm pháp”. Cái lối nhập nhằng phi pháp và bất chấp đạo lý này hiển nhiên không xa lạ gì đối với mọi chính thể độc tài, song từ lâu người ta vẫn biết là các nhà cầm quyền cộng sản đã đạt tới đỉnh cao trong nghệ thuật sử dụng nó. Điều này cũng vừa được chứng thực lần nữa trong việc bắt giữ ông Nguyễn Thanh Giang (xem tin trong số trước và số này). Song, chỉ tập trung vào các khía cạnh đặc thù của quy định (việc xét duyệt đi nước ngoài), cũng cần nêu lên vài điểm khó hiểu.*

Nhiều người còn nhớ, trong một thời kỳ kéo dài, những bạn bè phương Tây muốn hợp tác khoa học, văn hoá hoặc kinh tế với Việt Nam không thể nào mời được đồng nghiệp của họ sang đây. Sau đó tới thời kỳ có thể mời, nhưng phải “mời kèm” một quan chức đi theo. Mãi tới vài năm gần đây, hủ tục ấy mới bị bãi bỏ. Ngày hôm nay, những người lãnh đạo TP HCM lại muốn quay trở về cái thời kỳ đó đá (về phương diện trao đổi tri thức) xưa ?

Về một khía cạnh khác, nếu việc cấp giấy phép đi công cán (dù là trong nước hay đi nước ngoài) đương nhiên thuộc thẩm quyền của các cấp trách nhiệm nơi một cán bộ, công chức đang công tác, người ta có thể đặt câu hỏi về tính hợp pháp của một quy định khi nó được đem áp đặt cho những người không phải là công chức, cán bộ. Một nhà sư, một linh mục hay một trí thức sinh sống ở thành phố HCM đứng về mặt chính trị đối với đảng CSVN là thuộc phạm vi “quản lý” của thành uỷ thành phố. Song họ không nhất thiết là cán bộ, công chức. Vậy khi họ cần đi nước ngoài có cần xin “xét duyệt” của thành uỷ hay không ? Nếu có thì hiểu thế nào về quyết định bãi bỏ thủ tục phải xin thị thực xuất cảnh, vừa được ban hành năm ngoái (xem DĐ số 76) ?

Một vụ án phá rừng

Cuối tháng ba vừa qua, toà án tỉnh Bình Thuận đã xét xử sơ thẩm vụ phá rừng Tánh Linh, gồm có khu bảo tồn thiên nhiên Biển Lạc - Núi Ông và khu phòng hộ Trị An. Đây là vụ phá rừng có tổ chức, nghiêm trọng nhất từ trước tới nay ở Việt Nam, liên quan đến hàng chục cán bộ, đảng viên lãnh đạo chính quyền và ngành lâm nghiệp tỉnh Bình Thuận : chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, bí thư huyện, giám đốc sở nông lâm, chi cục trưởng cục kiêm lâm, trưởng ban và trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng, giám đốc lâm trường và khu bảo tồn thiên nhiên ...

Theo kết quả giám định, 11 trong 15 tiểu khu rừng ở Tánh Linh đã bị khai thác trái phép, thiệt hại 53 492 m³ gỗ - một con số mà dư luận cho rằng còn thấp so với thực tế -, qui ra

tiền là 22,9 tỉ đồng, chưa tính những thiệt hại về môi sinh. Bản án cho rằng việc phá rừng Tánh Linh còn gây ra những hậu quả lâu dài đối với môi trường, hệ sinh thái, và sẽ ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người dân trong vùng.

Phạm nhân chính là ông Đinh Mạnh Hỗ, tục danh “ hùm xám miền Đông ”, 49 tuổi, quê ở Hoa Lư (Ninh Bình), giám đốc xí nghiệp tư doanh Hồng Hà ở Hố Nai (Biên Hòa). Trong vòng bốn năm, từ 1993 đến 1997, nhờ “ chạy ” được tới 19 giấy phép khai thác gỗ của tỉnh, ông Hỗ đã có thể xâm nhập những khu rừng cấm và rừng phòng hộ, ủi hàng trăm cây số đường để chặt hạ hàng chục ngàn m³ gỗ, và xây cả một xưởng chế biến lâm sản ngay tại cửa rừng. Để có được những hồ sơ giả và giấy phép không cho khai thác gỗ, cũng như để hợp thức hoá gỗ khai thác trái phép và đưa trót lọt gỗ ra khỏi rừng, ông ta đã bỏ ra 3,6 tỉ đồng hối lộ 19 cán bộ...

Hội đồng xét xử đã tuyên mức hình phạt đối với 35 bị cáo : Đinh Manh Hỗ 20 năm tù, bồi thường nhà nước 7,6 tỉ đồng ; giám đốc lâm trường La Ngà Đỗ Văn Hương 13 năm tù ; phó quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Biển Lạc - Núi Ông Đỗ Duy Ba 10 năm tù ; phó chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện Tánh Linh Đinh Đây 10 năm tù...

Song điều làm dư luận không khỏi ngạc nhiên là chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận Đặng Văn Hải và bí thư huyện Tánh Linh Huỳnh Quang Hoà chỉ ra hầu toà với tư cách “ nhân chứng ”. Trong khi đó, hội đồng xét xử nhận định rằng ông Đặng Văn Hải đã cố nhiều sai sót như : cho phép thiết kế khai thác gỗ trước khi được phép của bộ lâm nghiệp ; cho các huyện khai thác gỗ để lấy kinh phí xây dựng cơ bản nhưng không kiểm tra ; cho ông Đinh Mạnh Hỗ khai thác gỗ không qua đấu thầu ; miễn cho ông Hỗ khoản phụ thu 10 %, trái với qui định của uỷ ban nhân dân tỉnh ; chỉ xử lý hành chính đối với ông Hỗ trong một vụ phá rừng mà đáng lý ra phải truy tố hình sự... Bản thân ông Đặng Văn Hải đã được chính quyền miễn truy tố hình sự mà chỉ bị kỷ luật hành chính là bãi miễn chức vụ chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh. Tại toà án, bị một luật sư chất vấn : “ Ông có thấy công bằng không khi ông chỉ chịu xử lý hành chính, còn những người thừa hành thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự ? ”. Ông Hải đã trả lời : “ Trách nhiệm của tôi là làm việc có hệ thống những người giúp việc. Nếu có gì sai sót thì các cơ quan phải trình lại để uỷ ban làm đúng. Đó là trách nhiệm của họ ” !

Một điều khác mà dường như phiên toà không mấy quan tâm là, trong vòng bốn năm “ hùm xám miền Đông ” hoành hành ở rừng Tánh Linh, một công dân đồng thời là đảng viên, cựu tù Côn Đảo, ông Nguyễn Tăng Thắng đã phát hiện và tố cáo vụ việc. Ông Thắng đã bị qui kết là “ tố cáo sai sự thật, phá hoại sự đoàn kết trong đảng, phá hoại đại hội đảng sắp được tổ chức ”, bị khai trừ đảng, và suýt thêm một lần đi tù. Cho đến khi những người mà ông Thắng từng tố cáo đã bị khởi tố, người ta mới khôi phục lại đảng tịch cho ông... (Thanh Niên và Tuổi Trẻ từ ngày 29.3 đến 15.4 ; Tuổi Trẻ Chủ nhật 11.4.99)

Đầu tư nước ngoài : những biện pháp mới

Trong cuộc gặp gỡ các nhà đầu tư nước ngoài -150 nhà doanh nghiệp và 50 đại diện ngoại giao - cuối tháng ba vừa

qua tại Hà Nội, chính phủ đã công bố một loạt biện pháp mới nhằm kích thích đầu tư nước ngoài đã giảm nhiều từ hai năm qua : trong khi tổng số vốn đầu tư nước ngoài năm 1996 lên đến 9,2 tỉ USD đăng ký và 2,2 tỉ USD thực hiện ; năm 1997 còn lại 5,6 tỉ USD đăng ký và 3,2 thực hiện ; năm 1998 chỉ còn 4,8 tỉ USD đăng ký và 1,9 tỉ USD thực hiện.

Tám loại biện pháp sẽ được đưa vào áp dụng từ ngày 1.7.1999.

1. Xác lập chế độ một giá dịch vụ không phân biệt đối tượng trong nước hay nước ngoài. Một số dịch vụ như cung cấp nước, lắp đặt điện thoại, tham quan di tích và công trình văn hóa sẽ áp dụng một giá ngay từ ngày 1.7.99. Những dịch vụ khác như điện, điện thoại và viễn thông quốc tế sẽ có lộ trình giảm giá bắt đầu từ 1.7 để dần dần tiến tới biểu giá thống nhất.

2. Giảm hay bãi bỏ những loại phí như phí trước bạ, phí đặt văn phòng đại diện, các phí do các bộ, ngành hay uỷ ban nhân dân ban hành không đúng thẩm quyền.

3. Qui định và trả bằng tiền đồng Việt Nam mức lương tối thiểu và lương của lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Đơn giản hoá thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đến làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư được trực tiếp tuyển dụng lao động, khi tổ chức cung ứng lao động phía Việt Nam không đáp ứng được trong thời hạn 30 ngày.

6. Miễn thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng nhập khẩu để tạo vốn cố định cho doanh nghiệp có vốn nước ngoài như máy móc, phương tiện vận tải hay vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

7. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghệ, khu chế xuất. Những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thuê đất với giá thấp nhất và được giảm tối đa các loại thuế khi xây dựng nhà ở cho công nhân hay công trình ngoài hàng rào khu công nghiệp, như cơ sở giáo dục, y tế hay công trình điện.

8. Quy định những ưu đãi bổ sung nhằm khuyến khích các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đầu tư vào hoạt động xuất khẩu, hoạt động nông nghiệp, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ngành sử dụng nhiều nguyên liệu trong nước, ngành có giá trị gia tăng cao.

Ngoài ra, chính phủ cũng cho biết quyết định sửa đổi pháp lệnh về thuế thu nhập đối với người nước ngoài và người Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài ; sửa đổi nghị định về thị thực nhập cảnh đối với người nước ngoài ; thí điểm cho các nhà đầu tư nước ngoài thuê đất xây dựng nhà ở để bán hay cho thuê ; từng bước mở ngành bảo hiểm cho các công ty nước ngoài hoạt động. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 1.4.99)

Dạy nghề : chính sách khuyến khích tư nhân đầu tư

Đầu tháng tư vừa qua, tại hội nghị toàn quốc về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, họp tại Hà Nội, chính phủ đã trình

bày chủ trương xây dựng hệ thống đào tạo nghề “*theo hướng mở*”, khuyến khích mọi cá nhân và tổ chức, kể cả nước ngoài, đầu tư vào dạy nghề. Trước mắt, chính phủ nhắm nâng tổng số lao động hàng năm được đào tạo nghề từ 500 000 người hiện nay lên 670 000 người năm 1999 và 780 000 người năm 2000.

Theo qui hoạch của chính phủ, các trường đào tạo nghề của nhà nước chỉ có khả năng đảm nhận 15 đến 20 % tổng chỉ tiêu dạy nghề hàng năm. Còn lại, chính phủ sẽ dựa vào tư nhân, doanh nghiệp hay hội đoàn, trong cũng như ngoài nước.

Nhà nước cho biết sẽ tạo thuận lợi về thủ tục, về thuê đất và sẽ ưu đãi thuế những dự án đầu tư dạy nghề. Các đối tác nước ngoài có thể đưa chuyên gia, giáo trình, thiết bị sang thực hiện “du học tại chỗ”, như mô hình thí điểm liên kết với Úc của trường công nhân kỹ thuật số 4 TP HCM ; vừa qua, chính phủ cũng đã cấp giấy phép cho một số người nước ngoài gốc Việt Nam mở trường dạy nghề tại những tỉnh phía Nam. Ngoài ra, chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp đưa công nhân đi đào tạo, thực tập ở nước ngoài, đồng thời sẽ tạo thuận lợi cho những cá nhân đi du học nghề tự túc.

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã có quyết định cho Việt Nam vay 120 triệu USD để nâng cấp hệ thống dạy nghề trong 5 năm 1999-2004. Những dự án được ADB thông qua gồm có : xây dựng 15 trường dạy nghề kỹ thuật cao, đào tạo và đào tạo lại 10 000 giáo viên dạy nghề, thiết lập 10 bộ giáo trình thống nhất cho những nghề quan trọng.

Có thể nói rằng trong thập niên đã qua, hoạt động đào tạo dạy nghề đã bị nhà nước bỏ bê. So với mươi năm trước, hệ thống trường dạy nghề đã giảm từ 366 cơ sở xuống còn 129 cơ sở, và lượng người đào tạo nghề cũng đã giảm tương đương : 75 %. Tỉ lệ chi cho đào tạo nghề trong ngân sách bộ giáo dục - đào tạo vừa thấp lại có xu hướng giảm : năm 1991 là 8,7 %, đến năm 1998 còn khoảng 4 %. Kết quả là ở Việt Nam hiện nay chỉ có 14 % người lao động đã qua đào tạo. Hơn thế nữa, trong tổng số lao động được xác định là đã qua đào tạo thì tỉ lệ đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật là : 1/1,5/3,5. Trong khi, theo các chuyên gia, chuẩn mực về cơ cấu lao động ở một nước đang phát triển phải là : 1 đại học/5 trung học chuyên nghiệp/20 công nhân kỹ thuật. (Tuổi Trẻ 1, 3 và 6.4 ; Lao Động 17.3.99)

Điện ảnh : liên hoan phim được “chỉ đạo” như thế nào ?

Thành phố Huế đã đón tiếp, vào cuối tháng 3 vừa qua, liên hoan phim Việt Nam lần thứ 12. Tổ chức ba năm một lần, liên hoan năm 1999 có 114 phim dự thi thuộc bốn thể loại : phim truyện nhựa (16 phim), phim tài liệu nhựa (13 phim), phim hoạt họa (24), phim truyện video (19), phim tài liệu video (42).

Bông sen vàng phim truyện nhựa được trao cho *Ngã ba Đồng Lộc* (đạo diễn : Lưu Trọng Ninh), và Bông sen bạc cho ba bộ phim *Hà Nội mùa đông năm 46* (Đặng Nhật Minh), *Những người thợ xe* (Vương Đức) và *Ai xuôi vạn lý* (Lê Hoàng). *Những người thợ xe* còn được 5 giải cá nhân về biên kịch (Sơn Trang), quay phim (Vũ Quốc Tuấn), họa sĩ (Nguyễn Quốc Trung), nhạc sĩ (Đỗ Hồng Quân), diễn viên nam (Quốc Trị). *Hà Nội mùa đông năm 46* được ba giải cá nhân về đạo diễn (Đặng Nhật Minh), quay phim (Vũ Quốc Tuấn), họa sĩ

(Phạm Quốc Trung). *Ai xuôi vạn lý* được hai giải cá nhân về quay phim (Phạm Hoàng Nam), diễn viên nam (Công Ninh). Giải thưởng của ban giám khảo được trao cho bốn bộ phim : *BỎ TRỐN* (đạo diễn : Phạm Nhuệ Giang), *Chung cư* (Việt Linh), *Hải Nguyệt* (Mỹ Hà), *Trăng trên đất khách* (Tất Bình).

Những thắc mắc mà danh sách giải thưởng gây lên trong giới điện ảnh và báo chí đã buộc quyền chủ tịch ban giám khảo phim truyện nhựa, đạo diễn Vũ Xuân Hưng (thay thế đạo diễn Mai Lộc bị đau ốm), lên tiếng giải thích thể thức làm việc của “ Ban giám khảo ” (còn có diễn viên Ngọc Hiệp, nhà quay phim Phạm Việt Thành, nhà văn Lê Lựu, họa sĩ Ngọc Tuân, nhạc sĩ Hồng Đăng), và vai trò của “ Ban chỉ đạo ” Liên hoan phim (gồm : bộ trưởng văn hoá - thông tin Nguyễn Khoa Điềm, thứ trưởng phụ trách điện ảnh Trung Kiên, cục trưởng điện ảnh Lưu Trọng Hồng, tổng thư ký Hội điện ảnh Đặng Nhật Minh). Trả lời phỏng vấn của báo chí, đạo diễn Vũ Xuân Hưng cho biết : “ *Chính tôi chưa thoả mãn hoàn toàn với các giải thưởng được trao, về mức độ chính xác tối đa của chúng. Và tôi biết trong nội bộ những người có phim dự thi cũng như báo giới, chưa tâm phục khẩu phục hoàn toàn về giải Bông sen vàng, giải đạo diễn, và có nhiều thắc mắc. Do đó, tôi thấy cần thiết phải nói sự thật để mọi người hiểu và thông cảm với chúng tôi - ban giám khảo những người lần đầu tiên chấm phim ở liên hoan quốc gia* ”.

Trước hết, người đứng đầu ban giám khảo thanh minh : “ *Mọi người đã nhầm khi nghĩ rằng mọi quyết định về giải năm ở ban giám khảo cũng như chủ tịch ban giám khảo là người nắm quyền phán quyết cuối cùng. Quyền phán quyết cuối cùng cũng như biết kết quả giải cụ thể sớm nhất và giữ kết quả ấy đến phút chót là ban chỉ đạo* ”.

Đạo diễn Hưng nói rõ : “ *Chúng tôi phải thảo luận và xét chọn giải trong ngày 25.3 (ngày khai mạc liên hoan). Ban chỉ đạo cử một thư ký để theo dõi hoạt động của ban giám khảo, nên chúng tôi không thể thống nhất giải với nhau, cùng hội ý về giải cụ thể, mà mỗi người chỉ được phát biểu ý kiến của mình rồi bỏ phiếu kín. Trong hoàn cảnh bị sức ép tâm lý - đồng nghiệp thi hy vọng, lãnh đạo thi ra tiêu chí - , lại làm việc theo quy chế bỏ phiếu kín, nên chính mỗi uỷ viên trong ban giám khảo cũng không biết người kia bỏ phiếu cho phim nào. Và cũng do quy chế bỏ phiếu mà tôi, dù danh nghĩa là quyền chủ tịch, cũng không thể có sức nặng trong ý kiến bảo vệ. Phiếu được nộp cho ban chỉ đạo và ban chỉ đạo kiểm phiếu lúc nào, ra sao thì không có một giám khảo nào được chứng kiến, trong khi ban giám khảo làm việc thì lại có thư ký của ban chỉ đạo giám sát. Tôi có hỏi việc này, nhưng ban chỉ đạo báo không cần có giám khảo chứng kiến. Kết quả giải được bảo mật, trước lể bế mạc một tiếng rưỡi, ban chỉ đạo mới cho ban giám khảo được biết, lúc ấy thì có phản đối hay muốn thay đổi cũng bất lực* ”.

Đạo diễn Vũ Xuân Hưng rút ra kết luận : “ *Tôi thấy làm ban giám khảo thật quá khó, làm công việc thay chủ tịch còn khó hơn.. Có lẽ tôi không đủ can đảm, kiểu này thêm một lần nữa, nếu ban giám khảo vẫn không phải là người quyết định tối cao* ”.

Trong thể loại phim tài liệu nhựa, *Trở về Ngu Thuỷ* (đạo diễn : Lê Mạnh Thích) đã đoạt Bông sen vàng, ba bộ phim

Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai (Trần Văn Thuỷ), *Mùa xuân toàn thắng* (Nguyễn Khắc Lợi) và *300 năm Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh* (Thanh An) được Bông sen bạc. Theo báo chí nhận xét, ban giám khảo phim tài liệu, do đạo diễn Ngọc Quỳnh làm chủ tịch, làm việc khá nghiêm túc, cẩn thận, và ngay thư ký của ban chỉ đạo cũng được “lịch sự” mời ra khỏi phòng họp để các giám khảo hội ý riêng. Nói về nhiệm vụ làm giám khảo liên hoan phim Việt Nam, một người trong ngành đã đưa ra nhận định: “*Làm giám khảo ở liên hoan phim quốc tế thì cứ theo tiêu chí nghệ thuật mà chấm. Còn ở liên hoan phim quốc gia thì khó lắm. Nhà nước bỏ tiền cho anh làm phim, bỏ tiền cho anh làm liên hoan phim. Bao nhiêu nghĩa vụ, ràng buộc. Liên hoan xong rồi thì mình vẫn còn đấy, người ta vẫn đấy, không cần thận thì khó ăn khó nói lắm*”. (Tuổi Trẻ 27.3 ; Lao Động 19.3 ; Điện Ánh TPHCM 1 và 11.4.99)

Phim tài liệu về hai cuộc kháng chiến

Nhiều thước phim quay trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sẽ được đem chiếu trong Hội chợ quốc tế về các chương trình truyền hình (MIP TV 99) tại Cannes từ 12 đến 17.4.1999. Đây là kết quả đầu tiên sau 3 tháng làm việc của các chuyên viên của Progress Film, hãng phim Đức đã mua được quyền thương mại hoá toàn bộ lưu trữ phim chiến tranh của Việt Nam, từ tháng 1 vừa qua (xem DĐ số 82). Theo ông Van Dulmen, giám đốc quản lý của hãng, Progress Film đã xem 75 km phim, một phần nhỏ của bộ lưu trữ, nhưng đã tìm được nhiều cuốn phim quý chưa từng được đem chiếu. Ví dụ như những thước phim quay trong 12 ngày Mỹ ném bom Hà Nội cuối năm 1972, hoặc trên đường Trường Sơn, hoặc các phim quay tù binh chiến tranh Mỹ v.v... Nhiều thước phim cũng cho thấy mức độ dữ dội của cuộc chiến trong những năm 1973-75, sau khi quân đội Mỹ đã rút khỏi Việt Nam.

Tại MIP TV 99, Progress Film chưa kịp có danh mục đầy đủ của những thước phim đã được khôi phục, và cũng chưa đem bán từng đoạn phim, nhưng qua những đoạn đem chiếu sẽ tìm cách tranh thủ một khách hàng lớn để nhượng lại quyền sử dụng đầu tiên trên thế giới ngoài nước Đức. Khách hàng lý tưởng, theo ông Van Dulmen, là một nhà làm phim muốn sản xuất một phim tài liệu đầy đủ về chiến tranh Việt Nam dưới một góc độ mới mà bộ lưu trữ có thể đem lại.

Ngày 8.5 tới, tại Berlin, Progress Film sẽ tổ chức một hội thảo mang chủ đề “Những góc nhìn mới về chiến tranh Việt Nam”, quy tụ các nhà nghiên cứu, nhà báo và quan chức của các bên tham chiến. (Reuters 6.4.1999)

TIN NGẮN

Đối ngoại

* Cuộc gặp gỡ Á-Âu (ASEM) cấp bộ trưởng ngoại giao lần thứ hai đã diễn ra tại Berlin ngày thứ hai 29.3.1999. Tham dự có 15 nước Liên hiệp Châu Âu (EU) và 10 nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và 7 nước thuộc ASEAN trước năm 1996 là Brunei, Indonesia, Malaysia, Philipin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam). Một hội nghị ngoại trưởng các nước EU và ASEAN được dự trù sau đó đã bị bãi bỏ vì nước chủ nhà, đương kim chủ tịch luân lưu của EU, nhất trí

với các nước bạn trong EU, nhất định không chịu cấp chiếu khán nhập cảnh cho các quan chức của Myanmar, mặc dù Hà Nội đã cố nài.

* Việt Nam và Nga đã thoả thuận thành lập một uỷ ban hỗn hợp cấp chuyên gia để tìm cách giải quyết vấn đề nợ của Việt Nam đối với Liên Xô cũ mà nay Nga thừa kế. Món nợ lên tới khoảng 10 triệu rúp trong những năm 1980, khi Liên Xô là nước viện trợ chính cho Việt Nam. Vấn đề là đồng rúp lúc ấy không chuyển đổi được, và hai bên không đồng ý về giá trị hiện nay của nợ là bao nhiêu. Thoả thuận đạt được trong chuyến đi thăm Việt Nam cuối tháng 3 vừa qua của phó thủ tướng Nga Vadim Gustov.

* Theo bộ quốc phòng Philipin, Việt Nam đã chấp thuận đề nghị của Philipin để tổ chức một cúp đá bóng hữu nghị giữa bộ đội hai nước đang đóng trên quần đảo Trường Sa. Lượt đi sẽ đá trên đảo Pagasa, nơi Philipin có quân đóng, thời điểm chưa định, nhưng lượt về sẽ đấu tại Hà Nội trong ngày Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12).

* Trong một cuộc gặp báo chí ngày 8.4, bộ trưởng ngoại giao Cam Bốt Hor Namhong cho biết lễ kết nạp Cam Bốt vào ASEAN đã được án định chắc chắn vào ngày 30.4 tại Hà Nội, với sự có mặt đông đủ của các ngoại trưởng ASEAN, và chính ông sẽ dẫn đầu phái đoàn Cam Bốt di dự. Thứ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Tam Chiến đã xác nhận tin này ngày 14.4. Như vậy, Cam Bốt sẽ là thành viên thứ 10 của ASEAN.

* Lãnh tụ Palestine Yasser Arafat đã đến thăm Việt Nam lần thứ 7 trong hai ngày 8, 9.4 vừa qua và đã được đón tiếp như một nguyên thủ quốc gia. Chuyến đi này nằm trong một vòng đi nhiều nước của ông Arafat nhằm giới thiệu kế hoạch tuyênl bố Palestine độc lập, được dự tính vào ngày 4.5 tới song có thể phải hoãn lại vì cuộc bầu cử ngày 7.5 ở Israel. Ở Hà Nội, ông đã hội đàm với chủ tịch Trần Đức Lương, tổng bí thư Lê Khả Phiêu và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm.

Chính trị - tôn giáo

* Theo bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao, ông Nguyễn Thanh Giang, bị bắt tháng trước (xem DĐ số 84), sẽ bị đưa ra toà xử về tội “lạm dụng các quyền dân chủ” ghi trong điều 205a của bộ Luật hình sự. Theo điều này, ông Giang có thể bị kết án tối 3 năm tù ở. Ngày xử chưa được biết. Điều 205a là một trong những điều Luật mà chế độ tạo ra để trấn áp mọi tiếng nói đòi dân chủ của người dân.

* Giáo hoàng La Mã Jean Paul II đã phong phó giám mục Đà Lạt Paul Bùi Văn Đốc làm giám mục địa phận Mỹ Tho, thay thế cho giám mục André Nguyễn Văn Nam xin nghỉ hưu vì già yếu. Tân giám mục Mỹ Tho năm nay 55 tuổi, đã học thần học và triết học tại đại học Roma, nơi ông thụ phong linh mục năm 1970.

* Giữa tháng ba vừa qua, ông Đoàn Mạnh Giao, phó chủ nhiệm văn phòng chính phủ, đã được bổ nhiệm làm bộ trưởng chủ nhiệm thay ông Lại Văn Cử. Ông Cử đã xin nghỉ để chữa một căn bệnh mắt khiến thị lực giảm thấp.

* Uỷ ban nhân dân TP HCM trong tháng ba vừa qua đã bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Ánh làm chủ nhiệm Uỷ ban người Việt Nam ở nước ngoài TPHCM, thay cho ông Nguyễn Ngọc Hà

nghỉ hưu. Ông Ân nguyên là đại sứ Việt Nam tại Anh.

* Dự thảo pháp lệnh về thư viện, đang được chính phủ trình uỷ ban thường vụ quốc hội, cho phép người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành lập thư viện tại Việt Nam. Theo pháp lệnh này, hệ thống thư viện Việt Nam sẽ gồm 5 loại hình : của nhà nước, của tổ chức, của dân lập, của tư nhân, của tổ chức và cá nhân nước ngoài và người Việt ở nước ngoài.

* Chính phủ Hoa Kỳ cho biết chương trình ra đi có trật tự ODP, sau 20 năm hoạt động ở Việt Nam, sẽ chấm dứt vào ngày 30.9.1999. Sau ngày đó, việc công dân Việt Nam muốn sum họp gia đình sẽ chuyển sang thủ tục di dân bình thường và Mỹ sẽ áp dụng luật nhập cư giống như đối với công dân của các nước khác.

* Chủ tịch uỷ ban nhân dân và phó bí thư quận uỷ quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, ông Huỳnh Văn Thành, và phó tổng giám đốc ngân hàng Vietcombank, ông Bùi Thế Cường, vừa bị khởi tố trong vụ án Minh Phụng - EPCO, đưa tổng số bị can lên 79 người (trong đó có 62 người bị tạm giam). Theo dự kiến, phiên tòa xét xử vụ án sẽ họp vào ngày 4.5 và sẽ kéo dài từ 42 đến 45 ngày.

Kinh tế - xã hội

* Theo dự báo của ESCAP, uỷ ban kinh tế - xã hội châu Á - Thái Bình Dương của Liên hiệp quốc, khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ đạt tốc độ tăng trưởng (tổng sản phẩm quốc nội) 3,6 % năm 1999, so với 0,2 % năm 1998. ESCAP cho rằng Việt Nam sẽ có tỷ suất tăng trưởng 4,6 %, cao hơn các quốc gia ASEAN khác.

* Sau khi hai công ty Petronas (Malaysia) và Japan National Oil (Nhật) rút khỏi dự án khai thác mỏ dầu Đại Hùng, các chuyên gia ngành dầu khí cho rằng qui mô mỏ dầu nhỏ hơn dự kiến ban đầu chỉ là một lý do để các nhà thầu rút lui. Một lý do khác là mỏ Đại Hùng nằm ở khu vực nước sâu, việc khai thác dầu đòi hỏi qui trình công nghệ phức tạp và tốn kém ; trong khi đó, giá dầu trên thế giới giảm liên tục, tạo thêm gánh nặng cho những công ty khai thác.

* Một đường xe nối Quảng Nam với tỉnh Sekong của Lào vừa được khánh thành ngày 23.3. Về phía Việt Nam, đoạn đường số 14B nối Quảng Nam tới biên giới Lào-Việt dài 76,8 km, phí tổn xây dựng khoảng 1,5 triệu đôla nhưng còn cần khoảng 20 triệu đôla nữa để mở rộng mặt đường ra tới 7,5 mét. Phía Lào, đoạn từ Sekong tới biên giới dài 146 km, phí tổn khoảng 174 triệu đôla.

* Cuối tháng 3.1999, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã ký văn bản tài trợ 140 triệu đôla cho dự án hiện đại hoá đoạn đường số 1 nối thành phố HCM tới Phnom Penh thành xa lộ. Các công trình sẽ được khởi sự vào tháng 10 năm nay. Hai nước Việt Nam, Campuchia sẽ phải hoàn lại ADB ngân khoản 140 triệu này (100 triệu cho Việt Nam và 40 cho Campuchia) trong 40 năm, với lãi suất 1 % trong 30 năm sau 10 năm đầu được miễn.

* Chính phủ Úc đã giúp Việt Nam 1,1 triệu đôla úc trong chương trình thử nghiệm hình thức đấu thầu nhằm đẩy nhanh việc cổ phần hóa các công ty quốc doanh nhỏ. Thành phố Hải

Phòng đã được chính phủ giao cho thực hiện chương trình này. Khoảng một nửa trong số 61 công ty quốc doanh thuộc quyền quản lý của thành phố sẽ được đấu thầu trong vòng 18 tháng tới, trước khi hình thức cổ phần hóa này được thực hiện rộng rãi trên cả nước.

* Công ty Microsoft vừa tổ chức một hội thảo quốc tế ở Việt Nam về bản quyền, nhằm thúc đẩy việc thực hiện hiệp định Việt-Mỹ về quyền sở hữu trí thức. Hội thảo được tổ chức tại khách sạn New World, thành phố HCM, đã quy tụ hơn 100 đại diện của các cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và các công ty công nghệ thông tin Việt Nam. Theo đại diện của Microsoft tại hội thảo, ước tính 97 % phần mềm ở Việt Nam là được sao chép không trả bản quyền. Con số tương ứng ở các nước Đông Nam Á là khoảng 80 %.

* Từ đầu năm nay, đồng bằng sông Cửu Long chứng kiến một phong trào cán bộ đảng viên thi đua tổ chức đám cưới rình rang : 1300 người dự tiệc đám cưới của phó giám đốc công an tỉnh Bạc Liêu (Đoàn Ngọc Khuê), 1500 người khách dự lễ cưới con gái của chủ tịch hội đồng nhân dân, phó bí thư thường trực tỉnh uỷ Cà Mau (Trần Thanh Khiêm), 2000 khách tại đám cưới con gái của chủ tịch uỷ ban nhân dân, phó bí thư tỉnh uỷ Sóc Trăng (Mai Hồng Thái)...

* Ngày 13.4 vừa qua, một vụ cháy lớn tại chợ Cầu Ông Lãnh, quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, đã thiêu huỷ 213 căn nhà thuộc 258 hộ dân (1267 người). Theo các công ty bảo hiểm, hầu như không có hộ nào trong vụ cháy này mua bảo hiểm hỏa hoạn nhà tư nhân và hàng hoá kinh doanh trong chợ.

* Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cho biết tình hình mài dâm ở thủ đô đang phát triển không kiểm soát được : so với năm 1993, số cơ sở hoạt động mài dâm tăng 784 %, và trong 5000 người đang hành nghề các cơ quan hành chính chỉ quản lý được khoảng 800 người. Uỷ ban nhân dân vừa đề ra biện pháp mới là công khai hoá trên các phương tiện thông tin đại chúng tên của những mua dâm bị bắt quả tang.

* Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho biết chỉ quản lý được khoảng 20 % số người mài dâm, được ước tính là 15 000 người trên địa bàn thành phố. Hiện nay, hoạt động bán dâm diễn ra ngày càng công khai : người mài dâm tiếp thị khách bằng cách in danh thiếp, cho số điện thoại, đến "phục vụ" tận nhà...

Thể thao - văn hoá - giáo dục...

* Bộ giáo dục - đào tạo vừa công bố một dự thảo điều lệ trường đại học dân lập theo đó bộ có thể giải thể những trường không chiêu sinh được (sau 2 năm hoạt động) hay không có đội ngũ giáo viên hữu cơ đảm bảo một tỉ lệ trong khối lượng giảng dạy từ 50 % (sau 3 năm hoạt động) đến 70 % (sau 5 năm). Hiện nay, có 16 trường đại học và cao đẳng dân lập đang hoạt động với hơn 65 000 sinh viên, và bộ giáo dục - đào tạo còn tiếp nhận hồ sơ xin thành lập thêm 36 đại học khác.

* Giám đốc đại học Huế thừa nhận ông Ngô Văn Quý, cán bộ giảng dạy môn "Mác-Lênin" ở trường đại học Khoa học, đã nhận hối lộ của các tập thể sinh viên thi môn học nói trên. Hội đồng kỷ luật của trường đã quyết định kỷ luật người thầy bắn điểm thi theo hình thức : "cảnh cáo" !

* Cuối tháng ba vừa qua, hai uỷ ban Olympic của Hoa Kỳ và Việt Nam đã ký kết hợp tác về thể dục thể thao. Theo bản thỏa thuận, Hoa Kỳ sẽ đón tiếp và tài trợ những vận động viên Việt Nam sang tập huấn tại các trung tâm thể thao Colorado và San Diego trong hai bộ môn điền kinh và bơi lội.

* Hãng thuốc lá Dunhill sẽ tiếp tục tài trợ bóng đá Việt Nam trong 5 mùa bóng 2000-2005 : khoảng tài trợ năm đầu tiên sẽ lên đến gần 800 000 USD, cao gấp đôi so với trước đây (470 000 USD), và sẽ tăng dần mỗi năm (dự kiến không dưới 14 triệu USD trong 5 năm). Các khoản tài trợ của Dunhill

sẽ dành cho 3 giải bóng đá chính của Việt Nam (Cúp Độc Lập, Giải vô địch quốc gia, Cúp quốc gia) và cho đội tuyển bóng đá Việt Nam (thù lao cho huấn luyện viên nước ngoài, chi phí bồi dưỡng thêm cho tuyển thủ).

* Ông John Chittick, một nhà nghiên cứu về bệnh Sida ở đại học Harvard, đã bắt đầu từ Việt Nam một cuộc di bộ xuyên lục địa (qua Cam Bốt, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, sang châu Âu, rồi châu Phi, Nam Mỹ), để vận động dư luận liên kết chống Sida. Ông Chittick dự tính cuộc di sẽ kéo dài 18 tháng.

Đọc báo trong nước

Bằng giả lạm phát, bằng thật không hợp lệ !

LTS : Mới khảo sát ở 9 trường, tức là một nửa số trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, và đại học ở địa bàn tỉnh Thái Nguyên, người ta đã phát hiện gần 200 trường hợp sinh viên dùng bằng giả. Một con số không nhỏ, cho thấy tình trạng dùng bằng giả vô tội vạ đã đến mức báo động. Chúng tôi trích đăng lại dưới đây một bài điều tra trên báo *Tuổi Trẻ* ngày 23.3 vừa qua.

Đây là nạn bằng giả ở Thái Nguyên, còn ở những trung tâm giáo dục lớn nhất đất nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh - nơi đã phát hiện không ít lô sản xuất bằng giả - thì liệu có bao nhiêu tấm bằng giả được sử dụng hợp pháp ? Câu hỏi này dường như sẽ không bao giờ được trả lời bởi trong thực tế chỉ có tỉnh Thái Nguyên thực hiện thanh tra bằng giả. [...]

Giám đốc sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên cho biết : “ Trước thực trạng có quá nhiều đơn khiếu kiện về việc sử dụng bằng giả, mới đây uỷ ban nhân dân tỉnh và sở giáo dục Thái Nguyên đã tổ chức đợt thanh tra ở 9 trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đóng trên địa bàn. Kết quả cho thấy có 88 sinh viên của tỉnh Thái Nguyên sử dụng bằng tú tài dởm. Đây là những trường hợp có bằng tốt nghiệp với con dấu, chữ ký thật của giám đốc sở giáo dục, nhưng không có trong danh sách học sinh đậu tốt nghiệp lưu hành năm. Những tấm bằng này được tẩy, rửa tinh vi bằng các phương pháp hoá học, cơ học, sau đó viết lại tên, họ...[*].

[...] Nếu như những tấm bằng tú tài giả dễ dàng lọt qua con mắt kiểm duyệt của các trường cao đẳng, đại học thì, trái lại, trong thực tế lại có không ít những tấm bằng tú tài thật bị gạt bỏ phũ phàng. Đó chính là số phận của những tấm bằng tốt nghiệp bậc trung học nghề và tốt nghiệp phổ thông trung học kỳ 2.

Nguyên là do mấy năm gần đây, bộ giáo dục - đào tạo chủ trương nâng số các môn thi tốt nghiệp phổ thông trung học lên 5 rồi 6 môn, trong khi chưa có các biện pháp đảm bảo đủ số giáo viên và giờ học của tất cả các môn thi ở nhiều vùng, địa phương, dẫn tới tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp lớp 12 quá thấp. Để giải quyết sức ép của dư luận, bộ lai tiến hành tổ chức kỳ thi tốt nghiệp phổ thông kỳ 2 vào cuối tháng tám cho những học sinh thi trượt lần 1. Tấm bằng tú tài đợt 2 này vì thế chỉ có giá trị an ủi người học nhiều hơn là giá trị thực. Khác với tấm bằng tú tài đợt 1, những học sinh có bằng tú tài kỳ 2 sẽ

không được tham dự kỳ thi vào các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trong cùng năm đó. Các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học cũng không chấp nhận cho sinh viên sử dụng những tấm bằng tú tài đợt 2 được vào học.

Vụ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề của bộ giáo dục - đào tạo cho biết : “ Mới đây, một trường trung học chuyên nghiệp cấp tỉnh, sau khi bổ nhiệm hiệu trưởng mới, đã tiến hành đuổi 28 học sinh do sử dụng bằng tú tài đợt 2. Sau khi đoàn công tác của bộ về kiểm tra, phát hiện thêm 4 trường hợp nữa, nâng tổng số học sinh bị đuổi khỏi trường lên 32 em. Mặc dù tất cả những học sinh này đều vượt kỳ thi tuyển sinh vào trường ”. Những học sinh này đã rất ngạc nhiên khi biết tấm bằng tú tài đợt 2 của họ bị coi là không hợp lệ, và liên tục đi khiếu kiện. Họ không hiểu nổi tại sao cùng là bằng tú tài cấp trong cùng một năm lại có giá trị khác nhau. đương nhiên theo quy định của bộ giáo dục - đào tạo, những học sinh này đã sai phạm, nhưng liệu để tồn tại hai loại bằng cùng một trình độ là có nên hay không ? Liệu có nên tồn tại một loại bằng mà hiệu quả sử dụng đối với cả người nhận và đối với xã hội là rất thấp ?

Còn một loại bằng tốt nghiệp bậc trung học nữa mà ít người biết đến : đó là bằng trung học nghề. Cũng vì tên tuổi khiêm nhường của nó nên ngay cả những người trong ngành là cán bộ, giáo viên ở các trường cao đẳng, đại học cũng coi những học sinh có bằng trung học nghề không đủ tiêu chuẩn vào trường. Mặc dù theo quyết định của thủ tướng chính phủ, những học sinh có bằng trung học nghề hoàn toàn được phép thi vào các trường cao đẳng, đại học. Vụ trung học chuyên nghiệp - dạy nghề của bộ giáo dục - đào tạo thường xuyên nhận được khiếu kiện từ những sinh viên có bằng trung học nghề, thi đỗ mà không được nhận vào trường cao đẳng, đại học. Hiện nay, tuy hệ thống các trường trung học nghề không còn nữa, nhưng những tấm bằng trung học nghề thì vẫn còn mãi...

Hoàng Hoa

[*] Theo báo *Lao Động* ngày 15.3 1999, số trường hợp sử dụng bằng giả bị phát hiện ở Thái Nguyên lên đến 260, gồm 111 sinh viên trong tỉnh và 149 sinh viên ngoài tỉnh - trong đó có cả hai trường hợp của H.T.C. là con của hiệu trưởng trường đại học Y Thái Nguyên, và N.T.H. là con của hiệu trưởng trường Xây lắp điện Thái Nguyên !

Kinh tế khụng lại... (tiếp theo trang 1)

Chiến lược phát triển lấy xuất khẩu làm động lực chính kéo kinh tế đi lên. Xuất khẩu tăng trưởng hàng năm 25 %, chiếm hai phần năm GDP. Một phần lớn - 70 % - hàng xuất của Việt Nam bán ra cho các nước châu Á. Đang bị suy thoái kinh tế, sức nhập các nước trong khu vực đã giảm sút. Lại thêm tỷ suất hối đoái tiền tệ các nước này hạ thấp rất nhiều so với đồng đôla, mặc dù đồng Việt Nam đã giảm 17 % sau ba lần phá giá, trong thực tế giá hối đoái vẫn còn cao khoảng 10 % so với thời kỳ trước khủng hoảng. Sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam một phần vì thế mà suy yếu. Năm 1998 luồng xuất khẩu từ trong nước sang khu vực Đông Á giảm 20 %. Hàng hoá nhập lậu từ các nước láng giềng đang tăng vọt và lấn chiếm thị trường của hàng nội địa.

Nói chung, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế Đông Á lên đầu tư nước ngoài và xuất khẩu ở Việt Nam, theo ước lượng của Ngân hàng thế giới, là tương đương với 3 tỉ USD, bằng 12 % GDP (ĐĐ số 82, 2.99, tr. 2-3).

2. Nguyên nhân thứ hai làm cho phát triển khụng lại phải tìm trong cấu trúc nội tại của nền kinh tế Việt Nam, đã bắt đầu trì trệ, đuổi hơi từ trước cuộc bùng nổ khủng hoảng tài chính Đông Á vào tháng 6 năm 1997.

Khủng hoảng chỉ làm nổi bật và trầm trọng thêm những mặt yếu kém của một mô hình, gấp thuận lợi đã phát triển với tốc độ cao, nhưng thiếu cân bằng, tạo ra hố phân cách mỗi ngày mỗi sâu hơn trong kinh tế và xã hội.

2.1. Thiếu cân bằng trong sử dụng vốn đầu tư, hiệu quả kinh tế và hiệu quả tạo công ăn việc làm thấp. Khu vực quốc doanh tuy nhà nước không còn bao cấp qua ngân sách như xưa nữa nhưng vẫn được ưu tiên vay vốn, bóp nghẹt sức phát triển các khu vực khác. Doanh nghiệp nhà nước chiếm hơn 50 % tín dụng của hệ thống ngân hàng nhưng chỉ tạo ra không được tới 10 % công ăn việc làm. Và, theo báo cáo năm 1998 của bộ tài chính, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của 6000 doanh nghiệp quốc doanh ngày càng giảm : 5,7 % năm 1995, 4 % năm 1996, 3 % năm 1997. Số xí nghiệp làm ăn có lãi vào khoảng 25 %, số thua lỗ chiếm 28 %. Nếu các doanh nghiệp này phải tính đủ mọi chi phí, kể cả khoản dự phòng và tổn thất (công nợ khó đòi, hàng hoá mất phẩm chất, tài sản mất mát...) thì tỷ lệ bị lỗ lên đến trên dưới 50 % (Thời báo kinh tế Sài Gòn 19.3 và 2.4.98, ĐĐ số 74, 5.98, tr. 7).

2.2. Cũng chính vì trọng tâm đặt cả vào doanh nghiệp nhà nước mà nông thôn hầu như bị bỏ rơi trong giai đoạn vừa qua. Hố cách biệt vẫn có giữa thành thị và nông thôn đang sâu thêm.

Nông nghiệp tạo ra hơn một phần tư GDP, nhưng chỉ nhận được 7,5 % đầu tư của nhà nước. Doanh nghiệp tư nhân không thể phát triển ở nông thôn tạo ra của cải và công ăn việc làm ngoài nông nghiệp vì thiếu vốn trầm trọng. Trong khu vực tư nhân, không tới 15 % doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận với hệ thống tín dụng, và 70 % nhìn nhận rằng họ muốn vay vốn mà không vay được (Tuổi Trẻ 13.12.98, ĐĐ số 82, 2.99, tr. 3).

Đời sống nông thôn bế tắc, tìm công ăn việc làm khó khăn, thu nhập quá thấp.

Theo ông Nguyễn Trọng Phu, giám đốc Trung tâm thông tin về việc làm của bộ Lao động thì năm 1998 có khoảng 10 triệu trên 28 triệu người trong tuổi lao động ở nông thôn chỉ đủ công việc làm cho 72 % thì giờ lao động của họ.

Điều tra của Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) cho biết thu nhập bình quân người nông dân là khoảng 100 000 đồng/ một tháng. Mỗi năm có hàng trăm nghìn người từ nông thôn di dân lên Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội : ra thành phố kiếm ăn thì được hàng tháng khoảng 471 000 đồng (AP 12.10.98, ĐĐ số 79, 11.98). Có tiền dành dụm gửi về cho gia đình, góp phần nhất định vào việc xoá đói giảm nghèo ở nông thôn (Đại Đoàn Kết 3.1.98).

Không nên quên là 80 % dân số nước ta sống ở nông thôn. Kinh tế có phát triển nhưng xã hội Việt Nam còn nghèo, mà nông thôn thì rất nghèo. Năm 1993, theo định nghĩa của WB, 50 % người dân ta sống trong cảnh nghèo khổ. Số liệu sơ bộ của cuộc khảo sát mức sống ở Việt Nam 1997-1998 cho thấy tỉ trọng người nghèo khổ ngày nay giảm xuống còn 30-35 %. Đó là một điểm son cho cuộc phát triển đất nước trong mấy năm qua, nhưng 30 % người nghèo vẫn còn là một tỉ số quá cao. Và nên nhớ 90 % người nghèo này sống ở nông thôn.

2.3. Tỷ trọng người nghèo làm cho thị trường nội địa Việt Nam không tương xứng chút nào với một quốc gia trên 70 triệu dân. Bao nhiêu năm dồn vốn liếng, công sức cho xuất khẩu, đột nhiên luồng ngoại thương bị sa sút, thị trường nội địa không tìm ra sức tiêu thụ để bù vào hụt hẫng vì hàng hoá không bán được ra nước ngoài.

Một giải pháp về lâu dài cho bế tắc hiện tại là củng cố và phát triển thị trường nội địa, với biện pháp trọng tâm đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ ở nông thôn, nghĩa là cho 80 % xã hội Việt Nam.

3. Khủng hoảng kinh tế ở Đông Á và ở Việt Nam còn kéo dài, chưa đoán chắc được cho đến bao giờ. Chỉ biết rằng động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam cho trước mắt và cho lâu dài để lộ những dấu hiệu đáng lo ngại :

- xuất khẩu không tăng,
- sức đầu tư trong nước giảm từ 27 % GDP xuống còn 20 %,

- năm 1977 khả năng tạo việc làm bắt đầu sụt, nhất là trong nông nghiệp (-6,2 %) và công nghiệp (-5,6 %), không còn tăng cùng nhịp với dân số lao động như trước,

- ngân sách nhà nước từ tỉ suất 24 % GDP năm 1977 sụt xuống 21 %, đầu tư cho khả năng phát triển về lâu dài của dân tộc là ngân sách cho giáo dục và y tế bị cắt giảm (Thời báo kinh tế Sài Gòn 7.1.99, ĐĐ số 82, 2.99, tr. 3).

Ngân hàng thế giới dự đoán năm 1999 kinh tế Việt Nam, trong điều kiện đẩy mạnh cải cách và tình hình khu vực không xấu đi cũng không phát triển hơn được mức năm 1998, và không loại trừ khả năng tăng trưởng chỉ đạt 0 - 3 %.

Cải thiện hiệu năng và sức cạnh tranh kinh tế là công việc cấp bách để tăng trưởng đang đuổi hơi hồi sức lại. Công cuộc chỉnh đốn nền kinh tế này dĩ nhiên cần có bối cảnh kinh tế vĩ

mô ổn định. Và, tìm lại được sức tăng trưởng thì phát triển cần phải hướng theo một phương thức vững bền, quân bằng và công bằng hơn trong giai đoạn trước đây.

Cải thiện hiệu năng và sức cạnh tranh kinh tế

Đây là tiền đề tất yếu cho tăng trưởng và cũng là điều kiện khách quan để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

1. Biện pháp chính là chuyển hướng sử dụng vốn đầu tư vào những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả kinh tế và tạo ra công ăn việc làm : cải tổ khu vực quốc doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân phát triển. Hai vấn đề này đã đặt ra từ lâu, nhưng gặp khủng hoảng trở thành cấp bách.

Cần phải nói ngay rằng việc nhà nước đầu tư vốn kinh doanh tự nó không có gì trái ngược cho sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Đối với một quốc gia nghèo, tư bản bản địa èo uột không tầm vóc thì nhà nước dồn vốn để chủ động phát triển những khu vực thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân là việc cần làm và nên làm.

Tất cả vấn đề là xí nghiệp nhà nước có phải thực sự đương đầu với qui luật thị trường hay chăng ? Vì rằng có chịu sự điều tiết khắt khe của thị trường tự do thì mới có sàng lọc chọn lựa những doanh nghiệp lành mạnh, mới có loại trừ không nương tay mọi cung cách làm ăn yếu kém lạc hậu.

Doanh nghiệp quốc doanh Việt Nam được ưu đãi về vốn, về cơ chế về chính sách... Phải chăng chính vì được nhà nước bao che nhiều mặt mà kết quả đi ngược lại ý đồ của chính quyền, cho thành lập vào những năm 1990-91 một loạt tổng công ty, ước mong chúng trở thành những tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế ?

Thủ tướng Phạm Văn Khải trong hội nghị về mô hình tổng công ty nhà nước họp tại Hà Nội đầu tháng 3. 99 vừa qua thừa nhận những chuyện hiển nhiên trước mắt mọi người :

- Doanh nghiệp quốc doanh Việt Nam làm ăn thiếu hiệu quả kinh tế : “*Cả vốn cố định lẫn vốn lưu động đều sinh lời rất thấp, năng suất lao động chỉ bằng 1/200 so với Nhật Bản và thấp hơn hàng chục lần so với các nước trong khu vực. (...) Hiện nay giá đường của ta cao hơn các nước, giá xi-măng cũng cao hơn, giá thép cũng cao hơn... Tôi thấy rất ít sản phẩm thuộc lợi thế của chúng ta có thể cạnh tranh được.*”

- Thế độc quyền của công ty nhà nước kìm hãm sức phát triển của cả nền kinh tế quốc dân : “*Ngành điện trước đây dân tình kêu rát dữ, gần đây quốc hội có ý kiến, hội đồng nhân dân có ý kiến, cửa quyền có bớt đi, nhưng vẫn một mình một chợ. Butu chính viễn thông cũng một mình một chợ, người nước ngoài kêu, dân trong nước cũng kêu giá cước cao quá...* ” VÀ thủ tướng khẳng định : “*Độc quyền sẽ làm cho những nhân tố tích cực, những người làm ăn giỏi không ngóc đầu dậy được.*”

Những lời lẽ nghe như tiếng kêu báo động của người cầm đầu chính phủ thấy nhà nước yếu thế trước những trở lực nội tại sau một năm đương đầu với thực tế nhằm thể hiện chủ trương kinh tế nêu ra lúc lên chấp chính.

Khi lên nắm quyền thủ tướng, ông Phạm Văn Khải chủ trương tăng cường khả năng cạnh tranh kinh tế, không phân biệt đối xử các doanh nghiệp thuộc thành phần khác nhau, cải

cách khu vực quốc doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm ăn... (Tuổi Trẻ chủ nhật 5.10.97, DĐ số 68, 11. 97, tr. 5)

Những chủ trương đúng đắn. Cả vấn đề là thực hiện và thực hiện với nhịp độ nào. Mọi con mắt - trong và ngoài nước - đổ dồn vào đây mà đánh giá ý chí chính trị của chính quyền. Chờ xem thực hiện cụ thể ra sao mà nhận định đảng cầm quyền có hay không quyết tâm cải cách kinh tế. Và theo đó mà người đầu tư yên tâm bỏ vốn ra làm ăn kinh doanh hay giữ vốn làm chuyện khác. Cái yếu tố tâm lý chủ quan thay đổi không chứng chẳng khác gì thời tiết nắng mưa này, ngày nay trong kinh tế không còn ai dám coi nhẹ nữa.

Tới nay các giới đầu tư vẫn chờ tín hiệu có sức thuyết phục của nhà cầm quyền. Kiên trì chờ đợi chẳng phải là đức tính của giới đầu tư thế giới, chân trước chân sau sẵn sàng rút vốn bỏ rơi nơi ít lợi để chuyển qua bất cứ nơi nào trên thế giới có triển vọng lợi nhuận cao ; và họ chưa hết phân vân nghi ngờ khả năng khu vực Á Đông khôi phục lại được sức tăng trưởng của thời trước khủng hoảng.

2. Cải tổ khu vực quốc doanh của Việt Nam là một vấn đề nhì khó khăn thật, tuy nhiên so với Trung Quốc thì tương đối còn nhiều thuận lợi hơn. Trong những năm qua số lượng doanh nghiệp được xếp lại đã giảm từ 12 300 trước 1990 xuống 5 790 vào năm 1997. Trong toàn khu vực quốc doanh số công nhân viên từ 2,7 triệu người hiện còn 1,7 người.

Ý định của chính phủ là thực hiện cổ phần hoá và xử lý các doanh nghiệp thua lỗ để từ đây đến năm 2000 giảm tối thiểu 1 000 doanh nghiệp. Nếu có quyết tâm thực hiện thì mục tiêu đề ra cũng không phải là cao. Nhưng - tuy số lao động mất việc chưa thấm vào đâu so với Trung Quốc - cũng không dễ tránh tác động về mặt xã hội mà cái giá phải trả tuy thuộc không ít vào hiệu năng các chương trình phụ trợ : xếp đặt lại công ăn việc làm cho người mất việc, đào tạo nghiệp vụ để họ đổi nghề, cấp vốn cho họ mở doanh nghiệp tư nhân, v.v...

Trong những năm trước đây, cải cách doanh nghiệp nhà nước đã đưa được khoảng một triệu lao động ra ngoài khu vực quốc doanh. Nhưng đó là vào thời kỳ sức tăng trưởng đang mạnh, và phát triển kinh tế gia đình đã thu hút được một số lớn lao động. Hiện nay tăng trưởng đình trệ, kinh tế gia đình lộ dấu hiệu giảm sút từ trước khủng hoảng mà chưa có được hình thức doanh nghiệp khác tiếp sức. Chính vì thế, phát triển một khu vực doanh nghiệp tư nhân phong phú song song với phát triển nông thôn là những vế cần được đẩy mạnh để hỗ trợ cho cải cách doanh nghiệp nhà nước. Nếu không, thì chỉ riêng tác động xã hội đã có thể làm nhà cầm quyền chùn bước cải tổ quốc doanh với những ảnh hưởng dây chuyền tai hại cho cả nền kinh tế quốc dân.

Phát triển doanh nghiệp tư nhân và phát triển nông thôn

1. Khu vực tư nhân trong năm 1997 có 21 360 doanh nghiệp hoạt động, 99 % thuộc cỡ vừa và nhỏ, vốn dưới 5 tỉ đồng và nhân công không tới 200 người. Số mới thành lập mỗi năm mỗi giảm, 6370 năm 1993, 4319 năm 1994, 2228 năm 1997. Một khu vực nhỏ hẹp, èo uột, bẹp dí dưới cơ chế và chính sách. Thành lập một doanh nghiệp tư nhân đòi hỏi

không biết bao nhiêu là công sức, tiền bạc. Thủ tục nhiêu khê chậm chạp, phải xin đủ 20 loại giấy tờ khác nhau, bình quân mất một thời gian là 6 tháng. Và tốn kém 10 triệu đồng chi phí (Tuổi Trẻ 2.4.98, DĐ số 74, 5.98, tr. 7). Cái nạn quan liêu sách nhiễu, thủ tục hành chính phiền phức thì đến cả nhà đầu tư nước ngoài được ưu đãi hơn người trong nước cũng phải ngao ngán đến ngần ngại bỏ vốn vào Việt Nam.

Những trở ngại làm cho khu vực doanh nghiệp tư nhân không ngóc đầu dậy nổi : thủ tục hành chính rườm rà ; thế độc quyền của doanh nghiệp nhà nước đã vậy còn được biệt đãi vay vốn ngân hàng, sử dụng mặt bằng đất đai ; pháp lý không rõ ràng thay đổi bất thường... những trở ngại ấy nằm trong tay chính quyền. Nhà nước có tỏ quyết tâm tháo gỡ, doanh nhân mới bớt e ngại, thôi không theo phuong châm “ ba không ” loan truyền trong giới : không làm lớn, không làm lâu dài, không làm công khai.

2. Doanh nghiệp tư nhân có phát triển rộng ra nông thôn thì mới thực sự thành một nhân tố mạnh thúc đẩy tăng trưởng. Và tạo ra công ăn việc làm ngoài nông nghiệp, giúp cho nông thôn sung túc lên, trở nên một thị trường nội địa đáng kể.

Tuy nhiên phải có cơ sở hạ tầng : đường giao thông thuận tiện, đủ điện với giá phải chăng thì nông thôn mới phát triển, doanh nghiệp mới bám rễ được.

Viện trợ quốc tế đã giúp Việt Nam sửa sang lại các trục quốc lộ lớn. Nhưng còn thiếu một mạng lưới đường giao thông tốt đến tận làng xã xa xôi. Nông thôn cũng chưa có mạng đường dây phân phát điện hiệu năng, điện không bị thất thoát quá nhiều như hiện nay.

Mở hệ đường xá nối thôn quê vào quốc lộ, tạo dựng hệ phân phối điện kinh tế đến mọi nhà ở nông thôn là hai công trình đáng được đầu tư với ngân sách xứng đáng : đó là đầu tư cho phát triển trước mắt và lâu dài và khởi đầu tạo thêm việc làm ở nông thôn.

Ngoài những điều kiện nói trên, doanh nghiệp muốn phát triển được ở nông thôn còn cần phương tiện viễn thông hiện đại, nhân sự có trình độ, người nông dân có mài lực đáng kể.

Phương tiện viễn thông ngày nay bù đắp được những bất lợi vì xí nghiệp toạ lạc xa đô thị. Dĩ nhiên là phải đặt hệ thống điện thoại, khá dày, vận hành tốt, giá cả phải chăng. Và không ngần ngại đưa dần mạng lưới internet vào nông thôn. Đó là một phương tiện để ra khỏi hiện trạng kinh tế Việt Nam - theo UNDP “ là một trong những nền kinh tế trên thế giới đang thiếu đối thông tin nhất ”.

Chính vì phải dùng kỹ thuật hiện đại mà đào tạo nhân sự là điểm quan trọng. Bằng cách đưa dạy nghề về nông thôn, kể cả nghề quản trị, điều hành xí nghiệp nhỏ và vừa. Vấn đề là dạy thực dụng, có hiệu năng, giá cả phải chăng với túi tiền người ở thôn quê. Xin đừng quên cái hố phân cách thành thị và nông thôn rất sâu, đối với thu nhập ở nông thôn thì số tiền phải đóng góp cho con đi học tiểu học đã là một chi phí lớn gấp bội so với người thành thị.

Nhân đây xin mở đầu ngoặc, theo quỹ nhi đồng liên hiệp quốc UNICEF 43 % trẻ em Việt Nam không hoàn thành tiểu học (DĐ số 80, 12.98, tr. 10) . Đó là con số đáng buồn cho nền

giáo dục và đáng lo cho sức phát triển về lâu về dài của dân tộc. Vì rằng nếu ngừng ở trình độ học vấn ấy thì không dễ gì mà đào tạo nên tay nghề hội nhập được vào một nền kinh tế hiện đại.

3. Điều kiện cho doanh nghiệp phát triển là có thị trường. Luồng ngoại thương giữa các nước Á Đông hiện đang đình trệ, nhưng có dự đoán ngay cả khi khu vực tìm lại được phát triển, trao đổi hàng hoá trong vùng cũng sẽ khó mà đạt được mức độ như trước khủng hoảng. Vì vậy công cuộc xây dựng một thị trường nội địa có tầm vóc là phần quan trọng trong chiến lược phát triển, bổ sung cho hướng mở thêm thị trường xuất khẩu ở Âu châu và Mỹ châu.

Thị trường nội địa tuỳ thuộc vào sức mua của dân chúng. 70 % người dân Việt Nam làm nghề nông, thu nhập của họ khẩm khích lên thì thị trường nội địa sẽ khởi sắc ngay.

Trong những năm qua người nông dân đã đưa nước ta từ tình trạng thiếu ăn phải nhập lương thực lên hàng thứ ba về xuất khẩu gạo trên thế giới. Nhưng riêng họ thì sức mua cứ sa sút : nông phẩm không ngừng mất giá đối với các mặt hàng khác. So với 1990 thì tới 1997 lúa gạo mất 10 % đối với các loại hàng hoá không phải lương thực, 34 % đối với dịch vụ. Nhiều khi được mùa, thu nhập nhà nông đã không tăng mà lại giảm.

Thật ra họ là những kẻ bị chẹn cổ ở cả đầu vào lẫn đầu ra. Đầu vào (phân bón, thuốc trừ sâu...) thường là những sản phẩm công nghiệp, luôn luôn họ phải mua với giá đắt. Lợi tức bán sản phẩm ra bị hớt trên tay chiếm đoạt gần hết : theo Chương trình vì phát triển của Liên hiệp quốc PNUD, người nông dân Việt Nam chỉ hưởng được 16 % lợi nhuận do hoạt động sản xuất gạo của họ sinh ra. Phân còn lại về những người khác, công ty quốc doanh thu mua lấy 44 %, người bán buôn 16 %, người bán lẻ 9 %, người xuất khẩu 15 % (DĐ số 71, 2.9, tr. 7).

Chỉ cần để cho nông dân hưởng được phần xứng đáng với công khích của họ, tức thì thu nhập của họ tăng ngay.

Xét theo số liệu của UNDP ở trên thì việc chính phủ chấm dứt độc quyền xuất khẩu gạo của quốc doanh, cấp giấy phép xuất khẩu gạo cho bốn công ty tư nhân đầu năm 1999 là một bước trong hướng đúng đắn. Tuy nhiên không giải quyết gì tình trạng bóc lột nông dân. Và dù tước bỏ cả độc quyền thu mua của quốc doanh cũng chưa đủ : nông dân chỉ là những nhà sản xuất nhỏ, lẻ loi, công ty mua bán - nhà nước, tư nhân chằng khác gì nhau - muôn buộc sao cung đành chịu vậy.

Một cách để nông dân đối phó với sức ép của các công ty là cho họ được tự do hiệp hội - dĩ nhiên với tinh thần khác hẳn hợp tác xã thời nào - đứng ra thương thuyết giá mua đầu vào, giá bán sản phẩm làm ra. Như vậy nhà nông mới có cơ đương đầu được với các công ty thương mài, mới không bị bóc lột mất phần lớn của cải họ lao lực làm ra.

Nông dân khâm khích lên được, thị trường nội địa khởi sắc lên theo. Nhờ đó cách biệt giữa thành thị và nông thôn có cơ giảm bớt, có điều kiện thuận lợi để tăng chất lượng giáo dục và y tế ở thôn quê hiện quá yếu kém.

Điều kiện môi trường thiết yếu cho công cuộc cải thiện kinh tế

Kinh tế vĩ mô ổn định, hệ thống ngân hàng và tài chính có hiệu năng và vững mạnh, cơ quan hành chính làm việc hiệu quả nhanh chóng, đó là những điều kiện môi trường thuận lợi cho việc cải cách kinh tế.

1. Ổn định kinh tế vĩ mô hiện nay của Việt Nam có thể bị khủng hoảng khu vực đe doạ.

Khả năng trả nợ nước ngoài là một khâu bối cảnh. Cuối 1997 tổng số nợ ấy là 5,7 tỷ US đôla, bằng 23 % GDP. Chưa kể nợ Liên Xô cũ 10 tỷ rouble nay chuyển cho Liên bang Nga, nếu tính một rouble là 1 đôla, cả vốn lắn lời cộng lại lên tới 16 tỷ đôla, nhưng tính theo tỷ giá hối đoái hiện nay thì chỉ là 1,6 triệu, số nợ này còn trong vòng thương thuyết.

Gánh nợ đối với các ngân hàng tư nhân quốc tế đã được giảm nhẹ sau thoả ước Việt Nam ký với Ủy ban tư vấn ngân hàng về Việt Nam (Bank Advisory Committee of Viet Nam, thường được gọi là Câu lạc bộ Luân Đôn). Món nợ này, 851 triệu đôla gồm cả vốn lắn lời, được xoá đi một nửa, phần còn lại trả bằng "cổ phiếu Brady" giá trị 30 năm.

Cho tới nay nợ nước ngoài còn chống đỡ được, miễn sao kiểm soát nghiêm ngặt không cho nợ nước ngoài tăng lên bất ngờ, như vụ phải thanh toán món nợ 200 triệu đôla tín dụng thư đã quá hạn trong năm 1988.

Cán cân vãng lai xuất nhập thường thâm hụt, Việt Nam vẫn bù đắp được bằng nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA). Nếu FDI giảm sút quá nhiều vì một lý do đó, chẳng hạn như tình hình khu vực xấu đi, thì cán cân thanh toán có nguy cơ khủng hoảng. Mất ổn định kinh tế vĩ mô vì thế mà không thể loại trừ.

2. Hệ ngân hàng Việt Nam vốn đã có nhiều mặt yếu kém trở ngại cho phát triển kinh tế, lại chịu tác động của khủng hoảng khu vực gây khó khăn cả bản thân nhà băng lẫn khách hàng. Nợ khó trả tăng nhanh, cuối 1997 lên hơn 12 % số nợ đến kỳ hạn phải trả. Tỷ suất nợ và tồn khoán đến cuối 1997 là 112 %, tương đương với mức độ ở các ngân hàng trong khu vực gấp khó khăn thanh toán khi khủng hoảng xảy ra.

Nhược điểm lớn của hệ ngân hàng Việt Nam là liên hệ hữu cơ với doanh nghiệp quốc doanh, tài chính yếu ớt và khả năng vận động tiết kiệm của nhân dân quá giới hạn.

Cần cải tổ sâu rộng : cải tạo ngân hàng cổ phần, chấm dứt tình trạng ngân hàng thương mại dành vốn cho doanh nghiệp nhà nước vay, thiết lập qui tắc giám sát và khả năng kiểm soát ngân hàng, gia tăng tính trong suốt của hoạt động tài chính ngân hàng, gia tăng khả năng nghiệp vụ và bớt tính quan liêu của quyền của nhân viên mọi cấp...

Cải tạo ngân hàng liên quan mật thiết với cải tổ doanh nghiệp nhà nước. Có chuyển đổi khu vực quốc doanh thì mới chặn đứng được tình trạng vốn thất thoát vì làm ăn lỗ lõi, mới thu hồi được một phần nợ khó trả, mới giải phóng vốn đầu tư cho các doanh nghiệp - nhà nước và tư nhân - làm ăn ra lợi, đầu tư vào nông thôn ...

3. Cải tạo ngân hàng cũng như phục hồi tăng trưởng kinh

tế đều liên hệ chặt chẽ với công cuộc cải thiện bộ máy hành chính mọi cấp.

Trong cuộc họp báo hồi đầu tháng 7. 98, bộ trưởng văn phòng chính phủ Lại Văn Cử cho biết thủ tướng Phan Văn Khải không hài lòng về sự yếu kém của bộ máy nhà nước đã làm cho đường lối, chính sách của chính phủ không đến được với dân và các nhà doanh nghiệp : “ *Càng đi xuống càng bất cập, một số người thi hành vừa không đạt yêu cầu về năng lực, vừa kém về phẩm chất, tiêu cực nhũng nhiễu (...)* ” (Tuổi Trẻ 4 và 7.7.98, DĐ số 77, 9.98, tr. 6).

Chính bộ máy hành chính thiếu nghiệp vụ, quan liêu nhũng lạm dùng thủ tục phiền toái, luật lệ không rõ ràng, thông tin bưng bít là những yếu tố làm cho Việt Nam đứng đội bảng 58 nước trong một cuộc khảo sát toàn diện về sức cạnh tranh một số quốc gia trên thế giới gần đây.

Thay lời kết

Con đường vượt qua khủng hoảng kinh tế đầy trắc trở chông gai. Tuy nhiên Việt Nam có hướng thoát ra giai đoạn khó khăn này và từ đó xây dựng một nền kinh tế quân bình hơn vững chắc hơn, một xã hội công bằng và bình đẳng hơn ngày nay. Nhưng phải kinh qua cải cách sâu rộng, từ cấu trúc kinh tế qua hệ ngân hàng đến bộ máy hành chính.

Nhiều chủ bài để thực hiện cải cách đưa đất nước qua khủng hoảng nằm trong tay đảng cầm quyền. Tuy nhiên, công cuộc cải tổ đụng chạm đến quyền lợi không ít những kẻ có quyền có thể.

Những nhà cầm quyền hiện nay thuộc thế hệ đi sau, không còn hào quang của những người trực tiếp lãnh đạo giành độc lập thống nhất đất nước. Họ cũng không đề ra được một lý tưởng kết hợp văn hoá truyền thống với tri thức hiện đại cho tương lai dân tộc. Chẳng phải vì Việt Nam không có trí thức. Chỉ vì chính quyền khai thác tri thức kỹ thuật thì có, nhưng cấm đoán ngặt nghèo công dân đem tâm tư về đất nước dân tộc của họ ra thảo luận tự do và công khai.

Và đó là nhược điểm lớn của nhà cầm quyền hiện nay. Thiếu hào quang giải phóng đất nước, không lý tưởng, điểm tựa duy nhất cho quyền lực của họ có vẻ nào chính đáng là phát triển kinh tế.

Tăng trưởng mạnh trong những năm vừa qua nhất định phần lớn là công lao của người dân Việt, một phần nhờ vào tình thế thuận lợi. Bao nhiêu là về tác động của chính quyền xin dành cho sứ gia phán xét. Chỉ biết rằng nhà cầm quyền hiện nay buộc phải bám vào phát triển kinh tế mà giữ lấy quyền bính. Dân làm ăn được thì họ tạm yên, đời sống khó khăn bao nhiêu thì quyền thế của họ lung lay theo bấy nhiêu.

Chính vì vậy, mặc cho bụng một số người có quyền có thể chẳng muốn gì hơn là cứ giữ không thay đổi tình trạng ngày nay, chính thể dù muốn dù không cũng phải cải thiện một số mặt không sao để ý như hiện trạng được nữa.

bùi mộng hùng (Paris, 4.1999)

BÚT KÝ

XUÂN KÝ MÃO 1999

Một tháng sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam khai trừ tướng Trần Độ (xem Diễn Đàn số 82), ông tiếp tục dòng suy nghĩ của mình và an nhiên phát biểu qua bài viết BÚT KÝ XUÂN KÝ MÃO 1999. Bài này gồm năm phần. Vì khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo, chúng tôi xin đăng dưới đây toàn văn các phần 3, 4 và 5.

Như đã đưa tin trong số trước, ngày 4.3.99, nhà cầm quyền đã bắt giam nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, viện có ông là đầu mối "tán phát" tài liệu ra nước ngoài.

Chúng tôi đã nhận được bài bút ký của Trần Độ qua hai kênh khác nhau, một lần trước và một lần sau khi bộ máy đàn áp tướng rằng đã bịt được "đầu mối".

III. Cảm xúc xuân về đất nước ra sao ?

Đất nước Việt Nam có 4 000 năm lịch sử có những thành tích dựng nước và giữ nước, có những thành tích văn hoá tinh thần cao đẹp. Đó là những điểm rất đáng kính trọng, và thế giới đã từng ngưỡng mộ. Trong thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam và đảng cộng sản đã lập những công tích rực rỡ xứng đáng với cha ông. Một thành công, thắng lợi, ta đã nói khá nhiều, sự khen tặng của thiên hạ, của bản thân ta cũng đã khá nhiều. Nhưng hình như ta chưa quan tâm đúng mức tới các mặt trái của cuộc sống. Ví dụ thắng lợi vĩ đại của cách mạng và chiến tranh đã có một hậu quả hết sức nặng nề : sự tàn phá, sự kiệt quệ tài nguyên, sự tổn thất và mất mát của hàng triệu gia đình, hàng triệu bà mẹ. Ngày nay, sau thắng lợi, ta phải chịu một gánh nặng hết sức lớn về những vết thương và tổn thất chiến tranh, gánh nặng phải đền bù những sự hy sinh, phục hồi những tàn phá, tổn thất. Và đó là một điều kiện khó khăn rất lớn cho việc phát triển kinh tế xã hội, và sự hàn gắn đoàn kết dân tộc.

Sự hạn chế về trình độ, về kinh nghiệm của lực lượng lãnh đạo trong phát triển kinh tế xã hội, không được coi trọng phân tích và khắc phục. Cái kiểu tư duy : "đã anh hùng trong chiến tranh và đã thắng được kẻ thù hùng mạnh, thì bất kể khó khăn phức tạp nào cũng dùng chủ nghĩa anh hùng đó khắc phục dễ dàng". Đó là một thứ men say nguy hiểm !

Hiện nay ta đang đứng trước một loạt nghịch lý của đời sống xã hội và sự quản lý xã hội. Những nghịch lý này đang làm đau đầu bộ phận lãnh đạo và làm day dứt, trăn trở hàng chục triệu con tim. Một loạt vấn đề về lý luận cơ bản và tư tưởng chính trị đặt ra mà chưa có phương hướng lý giải. Ý định của lãnh đạo là phải xác định mày nguyên tắc đã định từ trước, **rồi thôi không thảo luận nữa**, ai tuân theo thì được, không tuân theo thì bị trừng phạt. Tôi vô cùng lo sợ cho cái ý tưởng này. Và điều đáng lo sợ không phải là lo sợ cho lực

lượng lãnh đạo, mà lo sợ cho triển vọng của nhân dân, đất nước. Như thế, lãnh đạo không làm việc dẫn dắt đất nước đi lên, mà đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm.

Tình hình đất nước phải là một cảm xúc đầu xuân lớn nhất.

Ta đang sống trong một loạt nghịch lý hay mâu thuẫn như sau :

a - Trước hết là nghịch lý càng chống tham nhũng bao nhiêu thì tham nhũng vẫn tồn tại và phát triển ngày càng nghiêm trọng.

Về mặt chống tham nhũng thì sự lên án đã hết mức nghiêm khắc : "quốc nạn", "nội xâm"... Về mặt tổ chức thì có các ban chống tham nhũng gồm những người quan trọng. Về luật pháp thì đã có luật, pháp lệnh. Quốc hội thì kỳ họp nào cũng đầy dư luận phẫn nộ.

Thế mà nạn tham nhũng càng ngày càng rộng, lan ra khắp các ngành kể cả những ngành xã hội tốt đẹp của ta là giáo dục, y tế ; lan ra các địa phương, ngóc ngách. Những vụ án tham nhũng ngày càng lớn. Tiền mất vào tham nhũng gần ngang ngân sách quốc gia : hàng chục nghìn tỷ đồng, nạn tham nhũng còn leo lên ở cấp cao nhất, ở đây có những vụ việc, nhân dân đòi phải giải trình mà chưa ai giải trình, hoặc chỉ giải trình nội bộ. Trong khi lại có những vụ kỷ luật rất ghê.

Chưa ai dụng được đến **nguồn gốc nguyên nhân của tham nhũng. Không tìm đến nguồn gốc thì không chống được**. Tôi vừa mới được tin ở một xã ở Nam Định có mấy nghìn dân mà từ năm 1990 đến 1998 tham nhũng đã vét của dân hai nghìn tấn thóc, một trăm cây vàng (kém một chỉ), 6,2 tỷ bạc. Đây có phải là bóc lột không ? Có nặng không ? Và ai bóc lột ai ở đây ? Có phải **chống tham nhũng là chống bóc lột không** ?

b - Ta hô hào và kêu gào mãi tinh giản biên chế cho bớt công khen, đỡ cho ngân sách, thì thứ năm 1993 đến 1998 biên chế nhà nước lại tăng 11 %. Nhà nước biết là lương cán bộ nhân viên thiệt nhiều : hơn 30 %, nhưng ngân sách chỉ bù được 20 %. Cần giảm biên chế, nhưng yêu cầu giảm người mà tổ chức cứ tăng lên. Thêm đầu mối, thêm đơn và lại thêm xây dựng và mua sắm. Một bài báo ở báo Nhân Dân 1991 nói về tình trạng tài sản cố định của khu vực hành chính sự nghiệp cho biết số tài sản này chiếm 27 % so với khu vực kinh doanh sản xuất, nhưng có những nhà cửa hư hỏng chưa sửa chữa được chiếm 700 000 m², 2,25 % tổng diện tích nhà cửa. Thế mà học sinh trung học có được 2,4 m²/đầu học sinh, còn học sinh tiểu học thì chỉ có 0,15 m²/đầu học sinh. Mới đây nghe nói Thủ tướng lại quyết định cho mỗi huyện đều được xây nhà tạm giam (có người cho là đó cũng là nhà tù) thì sẽ có ít nhất là thêm 500 nhà tù. Ngày xưa ta lên tiếng chửi đế quốc Pháp cai trị ta là "nhà tù nhiều hơn trường học". Nay giờ ta lại làm cái việc mà ta đã chửi.

Ta hô hào nhân dân tiết kiệm : "Tiết kiệm là nghĩa vụ của toàn dân". Tôi nghĩ dân nói chung có gì đâu mà tiết kiệm. còn chỗ nhà nước có tiền thì tiêu vô tội vạ mà tiền đó cũng là của dân đóng góp.

Tại sao bộ máy đã công khen lại cứ phình ra. Ngân sách đến bao giờ mới chịu đựng nổi sự tốn phí của bộ máy. Gốc gác vấn đề là ở chỗ cơ cấu bộ máy. Sao chưa bàn tới ? Lại nữa, ta nên khẩu hiệu cải cách hành chính, thực hiện "một cửa, một

con dấu ” mà bộ máy lại quá nhiều cửa, nhiều con dấu. Thế thì làm sao ???

c - Càng ngày xã hội càng nhiều tệ nạn, ta càng chống tệ nạn càng phát triển. Các tệ nạn phổ biến là : buôn lậu, trộm cắp, ma tuý, thất nghiệp, mại dâm, trẻ em lang thang ăn mày.

Mỗi tệ nạn lại có một quyết định chống, lại có tổ chức chống và kinh phí chống. Đặc biệt có hai tệ nạn : thất nghiệp và mải dâm, trước đây ta cho nó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Ở ta không có chủ nghĩa tư bản mà hình như cái tệ nạn ấy phát triển không kém (có khi còn hơn) các nước tư bản chủ nghĩa. Nghịch lý này có là tại sao ???

d - Tại sao xã hội ta nhiều sự khiếu kiện, tố cáo. Đó là chưa kể ý kiến đóng góp kiến nghị mà đại diện chính phủ nói là mỗi năm có hàng chục nghìn.

Rất nhiều giai thoại và “ bi thoại ” về đơn từ khiếu tố. Số đơn được giải quyết quá ít, số đơn lâu không giải quyết bị “ hoá bùn ” quá nhiều.

Hiện tượng khiếu tố, tố cáo ngày càng nhiều nói lên tình hình gì ? rõ ràng đó là tình hình “ **lòng dân không yên** ” . Các nhà tư tưởng “ *nói láy được* ” sẽ giải thích “ *đó chỉ là hiện tượng, hiện tượng áy không phản ánh bản chất chế độ ta* ” . Ô ! Thế nó phản ánh bản chất gì ? và “ **bản chất tốt đẹp** ” của chế độ ta nó biểu hiện ra hiện tượng gì ?

Tôi không muốn và không dám, cũng không thể nói hết cảm xúc đối với toàn diện tình hình đất nước. Tôi chỉ muốn nói đến một số **diễn biến nổi bật, rõ ràng, hiển nhiên** ai cũng thấy, cũng day dứt lo lắng và muốn lý giải.

Trước tình hình phức tạp như vậy, **tình hình tư tưởng chính trị của xã hội không thể ổn định**. Nó tất yếu phải có diễn biến và diễn biến phức tạp. Tôi cũng đã biết có nhiều cách nhận xét, đánh giá. Đại khái có cách nhận xét đánh giá theo công thức cổ điển :

Đại đa số yên tâm, phấn khởi, tin tưởng. Có một số ít ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác chao đảo, dao động, giảm lòng tin. Kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống ta.

Công thức này mơ hồ nhưng rất cần thiết đối với một số người, không ai bác bỏ được và do đó nó rất không đúng và không dùng vào việc gì được.

Tôi nghĩ có lẽ có nhiều người có thể có nhiều ý kiến khác nhau nhận xét đánh giá. Tôi có được đọc một bản ý kiến của một vị lão thành tôi không quen biết. Vị ấy có cách đánh giá, tóm tắt như sau :

Tình hình tư tưởng chính trị trong đảng viên có 5 loại :

- loại nhiệt tình
- loại ngoan đạo, chỉ biết yên tâm theo cấp trên
- loại giảm lòng tin
- loại cơ hội
- loại đi ngược.

Ông cho rằng **loại nhiệt tình** là người tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng và học thuyết. Nhưng những người này quá trứn một tí thì rơi vào **loại đi ngược**. Loại đi ngược quá đi một chút thì trở thành thù địch, cả năm loại đều có sự xen kẽ và chuyển hoá, chứ không thể phân biệt rạch rời. Ông ước lượng : loại nhiệt tình có khoảng 10-15 %, loại ngoan đạo có đến 50 %, loại giảm lòng tin có 10-15 %, loại cơ hội có đến hơn 20 %,

loại đi ngược có rất ít.

Tôi thấy cách đánh giá này có một hệ quy chiếu cũ và cứng nhắc, và cũng không giúp ta rút ra được vấn đề gì !

Tôi thì tôi thấy tiêu chí để đánh giá nhận thức, tư tưởng chính trị hiện nay phải là tình hình **nhận thức và suy nghĩ, có sự đổi chiếu với tình hình thực tiễn xã hội ta và thực tiễn diễn biến của thế giới**. **Những thực tiễn đó cần đổi chiếu với những nguyên lý và dự đoán mà ta đã học tập và thẩm nhuần**.

Sự đổi chiếu này sẽ làm bật ra những sự khập khênh nghiêm trọng. Nó đặt vấn đề ta phải nhận thức thực tiễn như thế nào. Tôi quan sát và theo dõi thì tôi thấy có ba loại nhận thức :

- a) Có người đã thấy rất rõ là **những nguyên lý và dự đoán cũ đã sai lạc hoàn toàn với tình hình thực tiễn trước mắt**. Những màu sắc lý tưởng đẹp đẽ trước kia đã bị phai lạt hết và bị thay thế bằng những hiện thực rất chua chát và mỉa mai. Cách nhận thức này đi đến tâm trạng phẫn nộ và xuất hiện **yêu cầu phải lý giải chính xác tình hình, đưa vào kho tàng tri thức của loài người** ở cả Tây và Đông, cả kim và cổ để tìm hướng đi tương đối chính xác và thiết thực, không thể bám vào những giáo điều cứng nhắc và cũ kỹ.
- b) Loại thứ hai là những người nhận thấy những mặt, những bộ phận, những khía cạnh thực tiễn mâu thuẫn với các giáo điều. Nhưng lại cho rằng đó là do **thực tiễn mới diễn biến và phát triển không đúng như nguyên lý đã có**, nên xảy ra tiêu cực. Những nguyên lý cũ vẫn đúng. Phương hướng khắc phục hiện nay là phải kiên trì trở lại các nguyên lý đã có.
- c) Có những người chỉ có một hệ quy chiếu duy nhất và cố định là **những nguyên lý giáo điều đã hình thành ít nhất 50 năm trở về trước. Họ tuyệt đối và thành thật tin vào hệ quy chiếu đó, và do vậy chỉ có khả năng khuôn khổ tất cả thực tiễn hiện nay vào những nguyên tắc, quan điểm đã có**. Có thực tiễn nào khác với nguyên tắc và quan điểm cũ là **do lỗi của thực tiễn**. Họ muốn bắt thực tiễn phải được sửa chữa cho phù hợp với nguyên tắc và quan điểm đã có. Những người này có điểm giống với những người ở điểm (b) nên chiếm một số đông tuyệt đối. Còn thái độ của các người nói trên cũng có chỗ khác nhau.

Trong các loại người (a) và (b) thì có người nhận thấy những sai lệch giữa nguyên lý và thực tiễn, thì thẳng thắn và phản nổ nói lên những điều đó. Có những người khác thì ấm ức trong lòng, nhưng không nói ra, giữ im lặng, để chôn chặt trong lòng tâm sự của mình.

Có người không dám nói ra, không muốn nói ra, vì phải giữ vững các điều kiện tồn tại và tăng tiến của mình. Cũng có người thì không thèm nói ra, vì cho rằng nói ra không có ai nghe, nói ra vô ích và có hại cho mình. Thế nhưng những người này cứ ôm lấy mối day dứt trong lòng, cứ có những câu hỏi “ **tại sao** ” , “ **làm thế nào** ” ? và không lời giải đáp. Thế là có một sự im lặng đáng sợ. Sự im lặng này cứ tiếp tục tiếp nhận các sự giảng giải giáo điều và dốt nát. Những người này cũng khó xếp vào loại “ **ngoan đạo** ” hay “ **cơ hội** ” . Có người ngoan đạo chẳng, thì cũng **ngoan đạo giả** vờ, mà ngoan đạo giả vờ thì cũng ít nhiều **cơ hội** rồi. Tôi không thể ước lượng

được tỷ lệ các loại nhận thức. Nhưng qua sự quan sát và tiếp xúc của tôi, tôi đoán chắc rằng thực sự có những loại nhận thức khác nhau như vậy. Tình trạng tư tưởng chính trị như vậy, không được giải quyết đúng đắn, thì hậu quả của nó khó lường trước được thế nào.

Cho nên vấn đề quan trọng, then chốt và thiết yếu là vấn đề đối chiếu thực tiễn với lý thuyết. Sự đối chiếu này không thể thực hiện tuỳ tiện và không thể giao cho bất cứ một người hoặc một nhóm người nào, nhất là những người mà trong thực tiễn tỏ ra bị hạn chế và thậm chí ngu dốt. Làm việc này, chỉ có thực hiện một sinh hoạt dân chủ đúng đắn và trung thực. Bất cứ một sự không trung thực nào đều không tìm được ra chân lý và chắc chắn sẽ bị trừng phạt.

III Cảm xúc xuân hướng vào mùa xuân nào ?

Ta đang ở năm 1999 Kỷ Mão, là năm cuối cùng của thế kỷ XX. Ta chờ đợi năm 2000. Năm 2000 là năm **giao thưa** giữa hai thế kỷ. Thông thường, ta đều mong muôn và chúc tụng nhau năm sau tốt đẹp hơn năm trước, gấp năm gấp mười lần. Năm 2000 là năm con Rồng. Theo biểu tượng thì từ con Mèo mà trở thành con Rồng, sự lớn mạnh đó phải gấp trăm, gấp nghìn lần. Ta không nên ảo tưởng như vậy, mà ta thử nhìn qua lại một cách bình tĩnh và thực tế xem Việt Nam ta trong năm con Mèo như thế nào ?

Tôi được biết và được tiếp xúc với nhiều ý tưởng nhận định đánh giá thực trạng nước ta, thực trạng bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta. Tôi chưa tổng hợp được, tôi muốn ghi lại một số ý tưởng đáng chú ý để tiếp tục suy nghĩ và trông chờ có sự thảo luận tổng hợp cho cẩn thận. Đây là những ý tưởng của sự khai quát tóm tắt, chứ không phải sự nhận định mô tả. Về bộ máy lãnh đạo và quản lý xã hội thì có nhận định rằng bộ máy của ta có 3 đặc điểm : (1) **công kenneh** quá, (2) **quan liêu** quá, (3) **bất lực** quá. Tôi quan sát thấy đúng như vậy. Chả thế mà nó tốn kém quá, nó chiếm nhiều tài sản của nhà nước quá (nhà cửa, trụ sở, phòng họp, nhà khách, thiết bị giải trí, xe cộ sang trọng, đồ dùng hàng "xịn"). Có người đã quan sát thấy quan chức nước ta sống sang hơn các nhà tư bản các nước lớn. Chả thế mà nó không đủ sức nắm thực trạng tình hình, không phân tích và dự đoán được tình hình một cách chính xác, nó cứ phải thay đổi ý kiến luôn luôn. Nó cứ tồn tại, trong khi nhân dân gặp những khó khăn của mình, phải kêu oan khiếu tố, nó không giải quyết hoặc không giải quyết được. Thì ra Nó (bộ máy) **chỉ vì nó thôi**, nó ít tác dụng **vì dân, do dân**.

Đó là thực trạng đáng buồn. Trong bộ máy, nạn tham nhũng rất phổ biến. Mà tham nhũng thì có thể có 3 cấp : **Cấp thấp** là những người lương không đủ sống, phải xoay sở, kiếm chác ít nhiều để sống và để nuôi gia đình. **Cấp vừa**, là đủ sống rồi, nhưng muốn xoay sở để đời sống được cải thiện hơn, sung túc hơn một chút.

Cả hai cấp này đều có thể nguyên lượng và thông cảm, chỉ cần khiếu trách cảnh cáo và phải có phương sách cải thiện đời sống toàn diện, chứ không phải chống tham nhũng mà giải quyết được. **Cấp cao** là những người có đời sống đủ cao rồi, nhưng còn muốn cao hơn, còn muốn chu cấp cho họ hàng, muốn dành cho con cháu của cải dồi dào. Bản thân thì có nhâ

rồi muốn nhà sang hơn, có xe rồi muốn có xe nữa "xịn" hơn. Đô dùng cũng cần nhiều và sang hơn, tiếp khách cũng cần tiếp khách sang trọng, hào hiệp hơn, làm ăn thì cần thu lợi nhuận ngày càng lớn hơn, tài sản tích trữ ngày càng nhiều hơn.

Trọng điểm chống tham nhũng là ở cấp cao này, nhưng lại rất khó chống vì những người này bản thân đã là cấp cao, ít nhất cũng là thân tín của cấp cao. Cho nên không tính đến nguồn gốc thì dứt khoát là không chống tham nhũng được, đành phải nhìn bọn tham nhũng phá đất nước đến tan tành và rồi cùng nhau... chết hết ! **Muốn chống được tham nhũng phải cải cách bộ máy từ cơ cấu, vận hành và chất lượng, nhân sự**.

Lại nói về tính chất của xã hội Việt Nam hiện nay :

* Có phải là nước xã hội chủ nghĩa không ? Hiển nhiên là chưa phải, chỉ là một nước lạc hậu, nghèo đói, đang bắt đầu phát triển thôi.

* Có phải là nước đi theo con đường tư bản không ? Cũng không phải. Lực lượng lãnh đạo hiện nay đang cương quyết định hướng cho nó tránh con đường tư bản chủ nghĩa.

Nhưng trong xã hội hiện nay rõ ràng là đang có những yếu tố tư bản, lại có những yếu tố xã hội chủ nghĩa. Quả là nước ta có những thành tích về giáo dục, y tế mà thế giới kiêng nể. Những thành tích đó đã xếp nước ta kinh tế thì nghèo nàn vào loại nhất nhì, nhưng về xã hội thì lại vào loại trung bình. Chúng ta lại có nhiều chủ trương trong các vấn đề xã hội như **đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo, từ thiện, lá lành đùm lá rách, nhà tình nghĩa, quỹ tình nghĩa, quỹ cứu đói, quỹ cứu nạn...**

Đó là những yếu tố xã hội chủ nghĩa rất đáng trân trọng. Ta chủ trương kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường, học tập và sử dụng nhiều phương pháp tư bản chủ nghĩa, làm cho kinh tế trong một số năm phát triển khá nhanh. Đặc biệt ta có một thành tích kỳ diệu là từ chỗ thiếu gạo ăn trở thành nước xuất khẩu gạo thứ nhì thế giới. Điều đó thực chất là do nông dân **được làm ăn tự do hơn**, họ được tự làm chủ trong làm ăn hơn. Quyền đó của nông dân được lãnh đạo chấp nhận. Cho nên ở đây cần thấy là lãnh đạo thấy được quyền làm ăn của dân mà công nhận quyền đó thì sẽ có thành tích lớn ngay. Bác Hồ xưa kia đã nói đến mấy chữ "**tự do làm ăn**". Bảo đảm quyền ấy cho dân thì lĩnh vực nào cũng sẽ có những thành tích phi thường cả, đặc biệt trong khoa học và văn học nghệ thuật. Chứ lãnh đạo có tài thánh cũng không làm ra được một tấn gạo hay một bài hát, thậm chí có tài thánh cũng không định hướng hướng dẫn cho từng ngành, cho các ngành được. Cái quyền tự do làm ăn là kiểu tư bản hay kiểu xã hội chủ nghĩa. Tôi thấy **nó là cả hai** và nó cũng **không phải là cả hai**. Nó là **đạo lý thông thường của người đời** mà thôi.

Gần đây tôi tình cờ bắt gặp một ý tưởng và một khái niệm thú vị. Đó là khái niệm "**tư bản quyền lực**" và có người nói "**tư bản quan chức**" (capitalisme nomenklatura).

Thì ra ngoài tư bản là tiền của ra, có cái quyền lực cũng trở thành tư bản (vốn) được. **Là quan chức thì có quyền lực, mà quyền lực lại là cái vốn để làm ăn.**

Nước ta hiện nay chưa xã hội chủ nghĩa được, nhưng có những yếu tố tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, không phải tư bản,

nhưng rõ ràng là có cái thứ tư bản quyền lực và tư bản quan chức và đó là thứ tư bản quan liêu, tư bản hoang dã, dã man. Đó cũng là một sự thật. Có lẽ nhiều người sợ cái sự thật này. Nhưng tôi không có lý do gì để sợ nó cả.

Nhìn nhận tình hình đất nước hiện nay nhất thiết phải tìm kiếm phân tích cái sự thật này !

IV. Mùa xuân đi về đâu ?

Tôi đã được biết rất nhiều người sốt ruột với những lời kêu ca và lèn án các hiện tượng tiêu cực, cho rằng “biết rồi, khổ lắm, nói mãi ! ” vấn đề là phải làm thế nào ? Có giải pháp để ra khỏi tình trạng này ? Đúng, đây là vấn đề hết sức bức xúc. Các cơ quan lãnh đạo cũng đã nhiều lần cảnh báo rằng tình hình sẽ ngày càng khó khăn hơn, nhiều thử thách nghiêm trọng hơn, gay gắt hơn. Tình hình đất nước đứng trước thử thách gay gắt thật. Mỗi người đều có một số ý kiến về giải pháp. Nhưng xét ra các ý kiến giải pháp (kể cả ý kiến giải pháp của lãnh đạo) đều khó thực hiện và khó có hiệu quả, vì nó chưa xuất phát từ những phân tích khoa học, mới mẻ, sâu sắc và chính xác. Nó còn xuất phát từ sự nôn nóng, bức xúc, sốt ruột và nó còn mang nhiều nét tư duy cũ. Cho nên nó chưa hứa hẹn một triển vọng nào và nó chưa đưa lại cho mọi người một hào hứng nào. Tôi không có điều kiện để đề xuất một ý kiến giải pháp nào. Tôi chỉ ghi lại hai ý kiến cảm xúc xuân như sau :

1 - Giải pháp sắp đưa ra phải là giải pháp chiến lược, nó phải là vấn đề đường lối khái quát bao trùm, nó sẽ làm phương hướng cho sự giải quyết các vấn đề cụ thể như phát triển kinh tế, quan hệ đối ngoại, cải cách bộ máy chống tham nhũng...

Đường lối mới ấy phải là **đường lối xây dựng và phát triển đất nước**, lấy đất nước, dân tộc, tổ quốc là đối tượng cao nhất, mục tiêu cao nhất, nó phải thoát **ra khỏi những loay hoay về định tính : xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, tả hay hữu, đỏ hay trắng, phản động hay cách mạng**. Đường lối ấy là một đường lối đưa đất nước vượt qua thử thách, thoát khỏi khó khăn để đi lên để phù hợp với đặc điểm phát triển của thế giới, hòa nhập với những bước đi của khu vực và thế giới, **phát huy được những yếu tố tốt đẹp xã hội chủ nghĩa đã có ở trong nước và những phương pháp, những công nghệ và kinh nghiệm của thế giới tư bản chủ nghĩa, của các nước dân chủ xã hội, khắc phục kiểu tư duy biệt phái “ không phải là ta thì là địch ”**. Phải thực sự tôn trọng và thực hiện khẩu hiệu rất hay đã có là “ *Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người* ”.

Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược đó là cao nhất, nó cao hơn và bao hàm cả **những nguyên tắc đã có như là : kiên trì lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin ; vai trò của Đảng cộng sản....**, chứ không ra ngoài và không ngược lại. Đảng cộng sản cần phải thu hút trí tuệ toàn dân để bồi bổ cho trí tuệ của Đảng và làm cho Đảng xứng đáng vai trò tác giả, tiên phong và tham mưu cho toàn dân tộc. Tôi cho đó là phương hướng tốt đẹp nhất.

Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược phải đi đôi với vấn đề chiến lược nhân sự, chiến lược nhân tài. Chiến lược phải bảo đảm sự tuyển chọn được người có thực tài ở những vị

trí thích hợp. Hiện nay ở rất nhiều vị trí có những người không xứng đáng, trái ngành nghề, không được đào tạo chuẩn bị, thậm chí có nhiều chỗ người kém lại lãnh đạo chỉ huy người giỏi. Đó là vì công tác tổ chức nhân sự tập trung vào công tác tổ chức của Đảng, lại quá phụ thuộc vào tiêu chuẩn chính trị và yêu cầu chính trị. Chiến lược nhân sự mới nên phát huy truyền thống của dân tộc : thực hiện phổ biến chế độ khảo thí, sát hạch, thi tuyển, dành cho dân quyền giám sát, quyền có ý kiến, có thông tin nhân sự, quyền nhận xét và tham gia chọn lọc. Nhân sự không nên là vấn đề bí mật của một nhóm người.

2 - Sau khi đã xác định mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược rồi, thì nó sẽ là căn cứ, là chỗ dựa vững chắc để chỉ đạo tư tưởng cho các chính sách cụ thể : về kinh tế, về đối ngoại, về văn hoá, về an ninh quốc phòng, về các vấn đề xã hội và những chính sách cụ thể về hoà hợp, đoàn kết dân tộc một cách nhất quán cả nói và làm.

Được như thế, sẽ mau chóng khôi phục lòng tin và tinh thần đoàn kết toàn dân, tạo nên hào hứng mới và sức mạnh mới.

Trong tình hình có rất nhiều mặt mâu thuẫn, có rất nhiều mối quan hệ phức tạp, ta phải dự đoán mỗi chính sách, mỗi giải pháp đều sẽ có mặt được, mặt không được (hoặc là mặt thiệt, mặt mất) mặt phải trả giá. Có khi mặt được lớn hơn, mặt mất nhỏ hơn. Nhưng cũng có khi mặt được nhỏ hơn, nhưng lại không có không được, thì vẫn phải chấp nhận. Cần có những dự đoán như vậy để cân nhắc mỗi chính sách, cố đạt được mặt được lớn tối đa và mặt mất, thiệt nhỏ đến mức thấp nhất. Phải dự đoán mỗi chính sách của ta được cái gì đó, thì cũng có phải trả giá một cái gì đó. Ta cần cân nhắc tính toán để sự trả giá là nhỏ ở mức ta chịu đựng được, xứng đáng với cái ta được. Cái được và cái phải trả giá phải có được sự đồng thuận của nhân dân và của đối tác. Tuyệt đối không nên áo tưởng là mỗi chính sách ta đưa ra là chỉ có được và hoàn toàn được, không muốn trả giá chút nào. Ví dụ tự do ngôn luận có nhiều cái được, nhưng cũng phải trả giá là có nhiều khó chịu. Tự do bầu cử cũng có nhiều cái được và cũng phải có cái phải trả giá là ta không thể tự tung tự tác 100 %...

Chấp nhận như thế thì khi định chính sách mới mau quyết đoán dứt khoát và quyết đoán dứt khoát thì thu phục được lòng tin lớn hơn.

Tôi viết bài bút ký xuân này để trút nỗi niềm tâm sự, để tỏ lô những ý tưởng, kết quả của suy tư và những ý tưởng thu lượm được của bạn bè và của sách vở, biến thành của mình. Tôi cho là văn chương không phải chỉ hạn chế trong sự bắt chước hiện thực và phản ánh, mô tả hiện thực. Mỗi nhà văn là một nhà tư tưởng. Tôi đã từng ngạc nhiên và khâm phục những tư tưởng của các nhà văn trong nước và thế giới. Tôi cho rằng văn chương là tiếng nói, nói lên những ý tưởng và cảm xúc của người viết đối với hiện thực. Vì vậy tôi viết những dòng này để chào mừng mùa xuân và cũng để làm công việc của một hội viên Hội nhà văn và để báo đáp nhân dân và tổ quốc. Tôi thân ái tặng cho các bạn bè.

TRẦN ĐỘ

Viết xong ngày tiễn ông Táo lên trời
23 tháng chạp Mậu Dần
8.2.1999

Nguyễn Quang

KOSOVO : *dường đi đúng hướng, bước đầu trượt chân*

Sau hai lần làm ngòi nổ cho chiến tranh thế giới, khu vực “bàn cờ oan nghiệt” Balkan đã trở thành chiến địa của cuộc xung đột vũ trang cuối cùng của thế kỷ XX. Sau một tháng oanh tạc với sự tham gia của 800 máy bay thuộc 18 nước khối NATO (Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương, tên tắt tiếng Pháp là OTAN), tình hình vẫn bế tắc : một bên là chế độ Milosevic và dân tộc Serbia, đồng minh trong chủ nghĩa quốc gia ; bên kia là Liên minh Đại Tây Dương mà uy thế bị thử thách ; và ở giữa là 600 000 người Kosovo bị đầy ải. Do đó, một cuộc tấn công trên mặt đất đường như trở thành một điều khó tránh khỏi, với nguy cơ là Nga sẽ can thiệp. Vì sao cho đến nỗi này ?

1) Mục tiêu của cuộc xung đột

Mục tiêu tuyên bố của “Lực lượng Đồng minh” thoạt tiên rất minh bạch : buộc chính quyền Beograd chấp nhận sự tự trị ở Kosovo và sự hiện diện của một lực lượng can thiệp quốc tế với nhiệm vụ ngăn chặn sự “thanh lọc sắc tộc” mà người Kosovo đang phải chịu đựng. Kết quả thế nào, mọi người thấy rõ sau một tháng ném bom : không những dân tộc Serbia đã đoàn kết trở lại chung quanh Milosevic, mà cuộc thanh lọc sắc tộc lại tăng tốc, đạt tới một quy mô chưa từng thấy từ sau thời Hitler và Stalin. Và trong quá trình leo thang, các mục tiêu nói trên có vẻ như đã thay đổi : người ta có cảm tưởng mục tiêu các cuộc oanh kích đang tăng cường là chính chế độ Milosevic. Cho là được đi, nhưng có cần phải bóp nghẹt Serbia để bóp cổ tên độc tài đó chăng ? Từ 10 năm nay, ở Kosovo, người ta đã thấy rõ kịch bản một cuộc chiến tranh được báo trước (1). Các cuộc “thanh lọc sắc tộc” ở Croatia, rồi Bosnia hiển nhiên là những cuộc tổng dượt cho “tai họa nhân đạo” hôm nay ở Kosovo. Thế mà người ta vẫn liên tục ve vãn Milosevic, hết thương lượng lại đàm phán với hắn “bởi vì Milosevic vừa là vấn đề vừa là giải pháp của vấn đề”. Bây giờ mới ngã ngửa : hắn không chịu thương lượng. Đối với dân tộc Serbia, Kosovo có lẽ là vùng đất thánh, gắn liền với huyền thoại lập quốc. Điều chắc chắn là đối với Milosevic, đó là “giao kèo giữa Faust và Mephisto”, là mảnh đất *khỏi nghiệp* của tên độc tài (1). Không hiểu vì sao mà các chuyên gia, các nhà chiến lược và quân sự của NATO lại có thể nghĩ rằng Milosevic có thể nhân nhượng về Kosovo ? Thế là rốt cuộc, NATO đã can thiệp. Nhưng quá ít, và quá muộn. Đối khi chiến tranh không tac cũng có tác dụng sư phạm. Trên đất nước Nam Tư cũ, mục tiêu oanh tạc của phương Tây chính là những lâm lạc của chính họ.

2) Tính hợp pháp và tính chính đáng

Quả bom đầu tiên mà NATO ném xuống Nam Tư đã có ít nhất một nạn nhân : Liên Hiệp Quốc. Cho dù ông Tổng thư ký

LHQ vẫn có thể sẽ đứng ra làm trung gian (biết đâu ?), song sự thật chua chát là từ một tháng nay, đại biểu của “vạn quốc” đã ngồi nhìn “Lực lượng Đồng minh” trên màn ảnh tivi. Mặc dù chương VII Hiến chương LHQ có thể làm cơ sở cho sự can thiệp vũ trang chống Milosevic, Hội đồng Bảo an đã bị qua mặt bởi một tổ chức quân sự mà đứng đầu là ba thành viên thường trực là Hoa Kỳ, Anh và Pháp. Cảnh tượng cởi quần áo của ông vua vốn đã trần truồng là một cảnh tượng không mấy phấn khởi. Càng không phấn khởi chút nào khi người ta chứng kiến cái cảnh NATO, nguyên thuỷ là một liên minh chính trị - quân sự có tính chất phòng thủ (2), biến thành sen đâm “toàn cầu” [“global gendarm”] bất cần được sự ủy quyền của LHQ. Việc NATO can thiệp quân sự không tuyên chiến với Serbia, một quốc gia có chủ quyền, về một vấn đề nội bộ của Serbia là Kosovo, đúng là một sự vi phạm luật pháp quốc tế, nếu ta căn cứ vào câu chữ văn bản. Chính vì thế mà bộ máy tuyên truyền của Serbia có thể thao thao bất tuyệt : “Nếu mai kia người Arap thành đa số ở Marseille và đòi độc lập, liệu người ta có ném bom Paris để áp đặt quyền độc lập của Marseille không ?”.

Trả lời câu hỏi ấy chính là mấu chốt của vấn đề. LHQ đã được thành lập trong bầu không khí hô hởi đầy lý tưởng sau Thế chiến II với mục đích điều hoà quan hệ giữa các quốc gia dân tộc. Cho dù “cái đồ ấy” [“le machin” là lối gọi tên LHQ của tướng De Gaulle] đã mất giá đi nhiều, song cái trào lưu để ra LHQ cũng đã để lại dấu ấn của nó vào mặt kỷ XX : cao vọng phổ quát về các Quyền con người, với hệ quả tất yếu là *quyền can dự* (*droit d'ingérence*) vào công việc nội bộ của mỗi nước khi nhân quyền bị chà đạp nghiêm trọng. Quyền can dự ấy, cách đây chưa đầy mươi năm, còn chập chững và chưa được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế, nay đã trở thành nền tảng chính đáng cho cuộc chiến tranh chống các “tội phi nhân”. Mới đây, Marek Edelman, nhà lãnh đạo cuối cùng còn sống sót của cuộc khởi nghĩa ở biệt khu Do Thái tại Warsaw, đã viết trên tờ báo Ba Lan : “Giữa giải pháp ‘không chấp nhận chiến tranh’ và giải pháp ‘không chấp nhận Auschwitz’, tôi chọn giải pháp thứ nhì”. Bàn về sự can thiệp của NATO, ông nói thêm : “Lần đầu tiên trong lịch sử có một cuộc chiến tranh mà mục đích không phải để chiếm lĩnh lãnh thổ hay tranh giành quyền lực, cũng chẳng phải để bảo vệ những quyền lợi kinh tế (3). Lần đầu tiên, thế giới đã tuyên chiến vì lý do nhân đạo”. Cố nhiên, quyền can dự sẽ đáng tin hơn nhiều nếu như nó được áp dụng ở bất cứ nơi nào có một Nhà Nước đàn áp một dân tộc : Israel đàn áp người Palestine, Trung Quốc đàn áp người Tây Tạng, Thổ Nhĩ Kỳ đàn áp người Kurdistan... Song cái gì cũng phải có bước đầu.

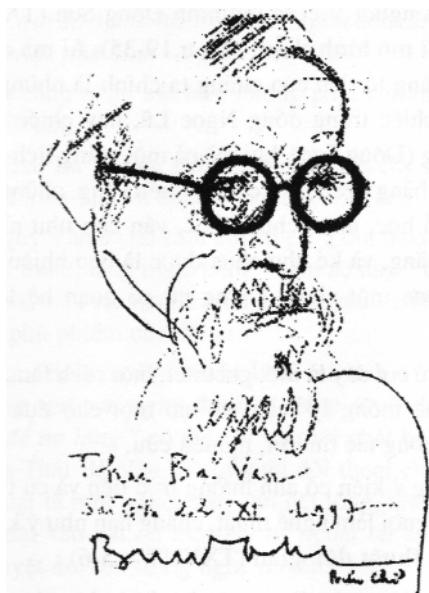
3) Đối tượng được thua

Những người hoài nghi, không tin rằng cứu cánh của cuộc chiến tranh này là lý do nhân đạo, sẽ biện luận rằng các chế độ dân chủ thường rất “hèn”, chỉ tham chiến khi nào họ phải bảo vệ những quyền lợi sống còn của họ thôi [mà đúng như thế]. Vậy thì đối tượng được thua (enjeu/stake) của cuộc xung đột này là gì ? Muốn có một ý niệm về điều này, trước tiên ta hãy xem thành phần của phe “phản chiến”. Cuộc khủng hoảng Nam Tư phức tạp đến mức nó đã đảo lộn ranh giới các (xem tiếp trang 22)

Đọc Thái Bá Vân Tiếp xúc với nghệ thuật

NXB Viện Mỹ thuật Việt Nam, 1997

Văn Ngọc



Như chính ông đã nói, Thái Bá Vân làm công việc khảo luận và bình giải nghệ thuật chủ yếu dựa trên sự am hiểu về lịch sử mỹ thuật. Theo ông : “Không có một kiến giải nào, một lý thuyết nào, một phát hiện nào là nằm ngoài lịch sử (nghệ thuật) cả.” (TXVNT, tr.72-76, **Sử học mỹ thuật như một hệ thống** – Tham luận tại Hội thảo khoa học **Bàn về nghiệp vụ nghiên cứu mỹ thuật**, Hà Nội, 11-1993).

Tuy nhiên, nếu không phải là một nghệ sĩ đích thực, hay ít ra là một người có tâm hồn nghệ sĩ, thì chắc cũng khó mà ông có thể đảm đương được cái công việc mà ông đã tận tụy làm trong suốt đời mình.

Cũng như, nếu không say mê – thậm chí đam mê – thì ngay cả cái việc nghiên cứu lịch sử nghệ thuật cũng đã không phải là dễ dàng rồi, nhất là trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi phương tiện.

Trên thực tế, lãnh vực nghiên cứu nghệ thuật tạo hình là một lãnh vực liên ngành. Ngoài những bộ môn kể trên, nó còn đòi hỏi ở người làm công tác này nhiều kiến thức khác nằm ngoài phạm vi nghệ thuật.

Có thể nói rằng Thái Bá Vân đã đáp ứng được khá đầy đủ những điều kiện này. Ông là một con người tài hoa về nhiều mặt, kể cả về mặt văn chương. Thật thế, người ta không thể nào thờ ơ được trước những câu văn sắc bén đến độ ngỗ ngược, độc đáo đến độ gân như lập dị, thậm chí phi văn phạm của ông, dù cho đó là một bài khảo luận, phê bình, hay dịch thuật.

Tôi không bảo đó là những mẫu mực hoàn hảo (mà chưa chắc gì tác giả đã tìm sự hoàn hảo !), bởi vì nhiều khi đó là những bài tham luận ở các hội nghị, câu chữ không phải lúc nào cũng được trau chuốt, tuy rằng văn của ông bao giờ cũng phong phú và chính xác về mặt từ ngữ ; sâu sắc, cô đọng, mà vẫn không thiếu chất lảng mạn về ý nghĩa.

Vào những năm 70-80, trong bối cảnh tình hình nghệ thuật, chủ yếu là ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vẫn còn đương tiếp tục bị bế tắc cả về mặt sinh hoạt, lẫn về mặt lý thuyết, thì Thái Bá Vân đã có những đóng góp quí báu trong lãnh vực lý luận nghệ thuật.

Trong khi nghệ thuật chính thống vẫn được quan niệm như một “công cụ sai bảo” để minh họa cho chế độ và cho lý thuyết “hiện thực xã hội chủ nghĩa” (nền lý thuyết nghệ thuật này thực ra chưa bao giờ được định hình, cũng như chính bản thân chủ nghĩa xã hội hiện thực) ; trong khi người ta vẫn tiếp tục gửi các văn nghệ sĩ đi thực tế nhằm mục đích nắm bắt cái thực tế đó, để thể hiện nó qua tác phẩm (nói nghe đơn giản, nhưng thực ra không hẳn là như vậy), thì ông là một trong những người đầu tiên gióng lên tiếng chuông báo động, vạch ra sự sai lầm của những luận điểm và cách làm trên.

Bài tham luận của ông tại “**Hội nghị khoa học bàn về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa trong nghệ thuật tạo hình**” tổ chức tại Hà Nội, tháng 5-1981, nêu lên những nhận xét và suy nghĩ của ông về quan niệm **hiện thực** trong nghệ thuật :

“... (Có) sự hiểu nhầm rằng : họa sĩ vẽ những gì mắt ta nhìn thấy. Và, vẽ đúng như, giống y như cái ta nhìn thấy, là chân thực. Cây phải đúng như cái cây. Sự tương tự bê ngoài trở thành một căn cứ, thậm chí mục đích của nghệ thuật.

Trong nhiều năm, có người coi đó là một giá trị của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, thậm chí giá trị thứ nhất. Tôi cho đó là một điều nhầm và trái ngai (...).

Nếu nghệ thuật có mục đích tìm ra chân lý, thì chân lý đó phải thể nhập vào ta trước đã. Chủ nghĩa xã hội phải ở trong lòng ta trước đã. Nghệ thuật không suy luận dông dài để tìm ra chân lý, mà chân lý tự thức tinh tiêm tàng trong nghệ thuật (...).

Từ tờ giấy trắng mà vẽ nên tranh, từ hòn đất mà làm nên tượng, đó là từ trong trắng mà đi tới hạnh phúc, là thiết lập cái không vào cái có, là giới hạn cái vô hạn vào cái hữu hạn, là trách nhiệm và lòng tin của ta, không phải vào cái ai cũng nhìn thấy bằng con mắt, mà là, vào cái ta quan niệm trong lòng”.

(TXVNT, tr. 13-18, **Hiện thực không phải là cái ta nhìn thấy bằng con mắt, mà là cái ta quan niệm bằng tâm tưởng**, Tham luận tại Hội nghị đã dẫn, 5-1981).

Nhà thơ Lê Đạt, trong lời bạt cho cuốn TXVNT, cũng có dành mấy câu cho vấn đề này :

“ (...) Xét cho cùng, người vẽ cũng không phải đã rũ sạch hỉ lụy. Cái hỉ lụy đó là cái hiện thực hiểu theo nghĩa tự vị của nó.

Nghệ thuật vẫn chưa hoàn toàn tự giải phóng khỏi ách thuộc địa của cái thực. (...)

Tôi mến Thái Bá Văn ở chỗ mấy chục năm đối thoại nghiêm khắc với nghệ thuật, lắng nghe tiếng nói im lặng của đường nét, màu sắc, hơn là những lời ôn ào, những ý nghĩa hoa mỹ của đê tài.” (TXVNT, tr.483)

Trong lời bạt của G.S. Trần Quốc Vượng, cũng có một nhận xét tinh tế, góp phần minh họa thêm cho điểm này :

“Tôi rất quý Thái Bá Văn với cái nhìn thẩm mỹ không chỉ bằng mắt mà bằng cái Tâm, cái Tình, cái Tính của từng hoa sỹ, nhà điêu khắc... mà anh gọi là tâm tưởng.” (TXVNT, tr. 488)

Có lẽ cũng bởi vì Thái Bá Văn có một cái nhìn thẩm mỹ rất người, rất nhân hậu, tình cảm, cho nên trong lãnh vực phê bình nghệ thuật, ông đã có phần nào thiếu nghiêm khắc với một số tác phẩm và các tác giả của chúng ?

Ở Hội nghị khoa học **Kế thừa và phát triển truyền thống văn hóa các dân tộc** – Hà Nội, 10/1986, trong bài tham luận của ông về **Phản nhân loại trong truyền thống**, Thái Bá Văn cũng đã đem lại cho khái niệm *truyền thống* một cái nhìn tiến bộ, mới mẻ. Ông cho rằng “ *khẩu hiệu Dân tộc – Hiện đại thiếu chính xác và hoàn chỉnh, ngay ở mặt tu từ* ”. (...) Nó “ *thiếu cái hàm ý nhân loại trong truyền thống (dân tộc)* ”. Theo ông :

“Hàm lượng nhân loại là một biện chứng của nghệ thuật, phải có, để nghệ thuật không trở thành bơ vơ, mà là cái ám hưởng chung, dính líu đến mọi tiếng nói, qua mọi không gian và thời gian, đặc biệt được rút ngắn và cô đọng trong hiện tại này... ”. (TXVNT - tr. 58-64)

Trong lãnh vực lịch sử nghệ thuật, Thái Bá Văn cũng đã có những đóng góp có giá trị , đó là cái công lao dịch thuật đồ sộ, đã đem đến cho giới làm nghệ thuật ở trong nước những thông tin quý báu về các nền văn hóa, nghệ thuật khác nhau.

Người ta không thể không biết ơn ông về tất cả những đóng góp đó.

Tuy nhiên, cũng như mọi lãnh vực nghiên cứu khác, lý luận và phê bình nghệ thuật là những lãnh vực trong đó người ta không sao tránh khỏi được những sai lầm, cũng như những sự bất đồng ý kiến. Người xưa chẳng đã có câu : *nghệ thuật là chủ quan sao ?* Điều quan trọng là dám đưa ra những ý kiến của mình, dù cho những ý kiến đó chỉ là những giả thiết, đồng thời dám đối thoại với người khác.

Những loại ý kiến như : “ *Mỹ thuật Lý là cổ điển* ” (TXVNT, tr. 288-299) nghe có vẻ như *không tiền khoáng hậu*, nhưng thật ra khó mà có thể khẳng định được rằng nó sai, hay đúng. Muốn bác lại không phải là dễ. Biết nói gì khi cả sử học, lão khảo cổ học đều thiếu chứng cứ, tài liệu về những gì đã thực sự tồn tại trước đời nhà Lý ? Đến ngay cả những gì thuộc đời Lý, ta cũng không có được là bao nhiêu !

Thái Bá Văn đã đưa ra ý kiến về sự khác nhau giữa lịch sử (nói chung) và lịch sử nghệ thuật :

“Lịch sử nói chung phán xét những gì đã qua, nhưng lịch sử nghệ thuật thì phán xét những gì còn lại. (...) Đối tượng phán xét là một xác chết, hay đối tượng phán xét là một đời sống, cần được tiến hành trên những tương quan nhân bản và nghệ nghiệp hoàn toàn khác nhau, là bởi nó nhằm những yêu

cầu và mục đích người khác nhau. Thái độ của những bác sĩ mổ xác chết để truy tìm căn bệnh không phải là thái độ người thầy thuốc mổ một mạng người để cứu chữa và kéo dài sự sống.” (TXVNT, **Tính lịch sử riêng của nghệ thuật**, tr. 3-7 - Tham luận tại Hội thảo **Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa**, Hà Nội, 11/1087).

Đó cũng là một loại ý kiến *không tiền khoáng hậu*, cố để gợi ý và đối thoại, hơn là để khẳng định. (Xem phản ứng của G.S. Trần Quốc Vượng trong lời bạt của ông, tr.488).

Cũng như ý kiến của tác giả cho rằng mô hình thẩm mỹ đầu tiên của người Việt là mô hình Đông Sơn (TXVNT, **Hai lần thay đổi mô hình thẩm mỹ**, tr.19-35). Ai mà dám khẳng định được rằng tổ tiên của chúng ta chính là những người đã chế tạo ra chiếc trống đồng Ngọc Lũ, hay chiếc bình đồng Lạch Trường (Đông Sơn), khi mà cả một mảng lịch sử của dân tộc Việt dài hàng ngàn năm còn bị thiếu vắng, những phát hiện của khảo cổ học, nhân chủng học, vẫn còn như những khúc đoạn đứt quãng, và kể như chưa được là bao nhiêu, để có thể thiết lập được một chuỗi chứng cứ có quan hệ lô gích với nhau ?

Nhưng cứ coi đây là một giả thiết, một cách làm, nhằm xây dựng một hệ thống lý luận, và tạo một chỗ dựa về mặt lý thuyết cho công tác tìm tòi, nghiên cứu.

Có những ý kiến có ảnh hưởng trực tiếp và cụ thể hơn đối với những người làm nghệ thuật, chẳng hạn như ý kiến của tác giả về **nghệ thuật dân gian** (TXVNT, tr.5-6) :

“ (...) người ta có nói rằng, nghệ thuật dân gian là cái nằm bên lề lịch sử, là có nghĩa, về cốt bản, nó vẫn vậy qua thời gian của nhiều lớp văn minh. Nếu tranh lồng Hồ là có từ thế kỷ 18, thì dù có những nhúc nhích về đê tài, về thủ pháp, v.v..., nó vẫn đứng yên ở một điểm thẩm mỹ, không phát triển. Trên thế giới chưa ai viết được lịch sử của nghệ thuật dân gian là bởi vậy. Nó nằm ngang, trong khi lịch sử là trực dọc. Người nào định lấy nghệ thuật dân gian làm thước đo chiều dọc của lịch sử nghệ thuật, thì người đó sẽ không bao giờ làm được.”

(TXVNT, tr. 3-6, **Tính lịch sử riêng của nghệ thuật** - Tham luận tại Hội thảo **Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa**, do Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương tổ chức tại Hà Nội, 11-1987).

Những khẳng định trên, chắc hẳn đã dựa vào cái thực trạng đáng buồn ở nước ta : nghệ thuật dân gian, nói chung, đang tàn lụi, chứ không còn “ *nằm ngang* ” nữa ! Nhưng đó không phải là vì một bản chất ù lì vốn có nào của chúng – nói như thế oan uổng – mà là vì những nguyên nhân kinh tế, xã hội khác. Coi đó là một nguyên lý nghệ thuật là sai.

Chúng ta thừa biết rằng : tranh Đông Hồ, tranh Hàng trống, tranh Kim Hoàng, v.v... nếu không thất truyền, thì cũng đã xuống cấp lắm rồi. Nét khắc, nét vẽ, màu sắc, chất liệu không còn như xưa nữa ! Những đồ hàng mã (tiến sĩ giấy, voi ngựa giấy, v.v...), đồ chơi Tết Trung Thu (đầu sư tử, đèn kéo quân, đèn con thiền thờ, v.v...), cũng vậy thôi.

Tuy nhiên, tất cả những loại nghệ thuật dân gian này không phải lúc nào cũng tàn lụi như thế.

Tranh Tết và tranh thờ, chẳng hạn. Ở vào một thời điểm

Tưởng nhớ THÁI BÁ VÂN

LTS. Rạng sáng ngày 11-4-99, nhà phê bình mỹ thuật có uy tín ở Việt Nam Thái Bá Vân đã từ trần ở tuổi 65.
Đài RFIC có mời nhà thơ Lê Đạt hiện có mặt ở Paris nói về người đã khuất. Sau đây là toàn văn bài phát biểu.

Borges, nhà thơ lớn Nam Mỹ, đã có một nhận xét thật ác khẩn : “ Một số người mê thơ bị tình phụ dốc tất cả lòng hồn học vào việc phê bình và giảng dạy thơ ”.

Tôi e rằng nhận xét trên không phải chỉ áp dụng riêng với ngành chữ.

Về Thái Bá Vân ta khỏi lo. Đó là một cây bút phê bình mỹ thuật hiểu biết và thật sự yêu mến cái đẹp.

Tôi quý Vân ở chỗ suốt đời cố gắng đối thoại nghiêm túc với nghệ thuật, lắng nghe tiếng “ tâm sự đáy ” của đời sống đường nét, màu sắc hơn là những lời tuyên ngôn âm ĩ, những ý nghĩa phù phiếm của đề tài.

Và câu nói của Bùi Xuân Phái mà anh trích dẫn trong cuốn *Tiếp xúc với nghệ thuật* : “ Họa sĩ vẽ không phải để nói mà để im lặng ” có thể coi như lời phát biểu của chính bản thân Thái Bá Vân. Một người đối thoại chân chính với nghệ thuật là một người dân chủ hết lòng, không trói buộc nghệ thuật vào bất cứ một giá trị ngoại lai nào khác, một người tuyệt đối tôn trọng nghệ quyền.

Chính vì vậy mà Vân được đa số giới sáng tác mỹ thuật yêu mến.

Hầu hết các nghệ sĩ đàn anh như Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng đều quý Vân như một người em út.

Trong tiếp xúc với họ, tôi thấy Vân có một thái độ trân

lịch sử nào đó, cả hai loại tranh dân gian này bắt buộc đã phải “ nhúc nhích ” cả về đề tài, thủ pháp, lẩn thẩn mĩ, một khi có nhu cầu của thị trường, có sự cạnh tranh, dù chỉ là giữa những gia đình làm tranh trong một làng, hay một phường tranh. Nghệ thuật làm tranh dân gian ở Việt Nam át hẳn đã có một quá trình phát triển, đến một đỉnh cao nào đó, rồi nó mới “nằm ngang”, và rồi nó mới tàn lụi. Điều đáng tiếc là chúng ta đã không biết đến cả cái niên đại đích xác, khi nó xuất hiện !

Một thí dụ khác, có lẽ rõ ràng và chính xác hơn, nêu rõ khả năng phát triển của nghệ thuật dân gian, đó là tranh khắc gỗ Nhật Bản (Ukiyo-E). Nền tranh này đã phát triển liên tục trong suốt mấy trăm năm, về cả các mặt kỹ thuật và thẩm mĩ, trong một hướng đi lên rõ rệt, từ Moronobu (1631-1694), đến Hiroshige (1797-1858), đây là chưa kể những tác giả vô danh bắt đầu khắc tranh từ thế kỷ 16, cũng như không kể giai đoạn chuyển tiếp đi từ nghệ thuật khắc ván in tranh Phật (thế kỷ 10) đến tranh Ukiyo-E.

Tranh khắc gỗ Nhật Bản tàn lụi và biến chất dần vào cuối thế kỷ 19, nhường chỗ cho những kỹ thuật khắc và in mới, tối tân hơn, nhưng ảnh hưởng của nó về mặt thẩm mĩ lên nền hội họa ấn tượng và nền hội họa hiện đại, nói chung, đã rất sâu

trọng, ân cần nhưng đĩnh đạc khác hẳn thái độ ôn ào hơi bị sót sáng thường thấy ở những vệt tinh tú bạ quanh các ván nghệ sĩ có tên tuổi.

Một lần Nguyễn Sáng đã nói với tôi về Thái Bá Vân : “ Thẳng áy chơi được ”. Một lời nói như vậy ở miệng một nghệ sĩ khó tính và thất thường như Sáng phải được coi là một lời tán thưởng ở mức cao.

Tôi vẫn biết cuộc đời nhiều ngang trái. Và nỗi khổ đau càng tăng âm theo độ nhạy cảm của tâm hồn.

Nhưng chẳng lẽ không còn cách giải quyết nào khác là đánh chìm chúng xuống đáy cốc rượu. Tôi không trách gì Vân. Mỗi người đều có quyền chọn lựa cách sống cũng như cách chết của mình. Nhưng tôi buồn. Cũng như ngày nào cách đây bốn năm tôi vĩnh viễn chia tay với Phùng Quán. Đây ảm đạm tràn gian đã không đánh bại được trái tim dũng cảm của Quán. Song rượu đã làm tan nát buồng gan của nhà thơ khí phách này. Giờ lại đến lượt Vân. Giận một chút có được phép không ?

Trong lần vĩnh biệt Phùng Quán tôi có nói lúc hạ huyệt : “ Chết không phải là hết. Chết là chuyển sang một cuộc sống khác dưới sự kiểm chứng khắt khe và vô tư của lịch sử ”.

Mong rằng một khi tất cả những eo sèo, tị nạn nhỏ nhen nơi trần thế đã tan thành tro bụi cùng với tất cả những vàng mã hư danh của cuộc đời, gương mặt của Thái Bá Vân sẽ sáng đẹp mãi ở một cõi bên kia có thể còn mỹ thuật hơn ở cõi bên này.

LÊ ĐẠT

đậm.

Xem thế, đủ thấy rằng khái niệm *truyền thống*, cũng như khái niệm *dân gian*, có một quan hệ hữu cơ, trực tiếp, với khái niệm *hiện đại*. Không thể nào đặt chúng “ nằm ngang ”, bất di bất dịch, và bên lề lịch sử nghệ thuật, mà ngược lại, nên coi chúng là những cơ sở, những bài học quý báu cho sự phát triển của cái hiện tại.

Nói đến những truyền thống khác, như điêu khắc đình chùa, nếu chúng vẫn “ nằm ngang ” từ nhiều thế kỷ nay, thì cũng dễ hiểu thôi, vì không xây đình chùa, thì làm sao có được điêu khắc đình chùa ? Thật ra, điêu khắc đình chùa đã phát triển theo cả hai trực dọc và ngang, ít ra từ các đời Lý, Trần, đến Lê. Kịp đến khi những điều kiện kinh tế, xã hội đổi thay, truyền thống đó mới bị mai một đi.

Nói chung, một truyền thống nghệ thuật, có thể phát triển trong cùng một phong cách (theo trực ngang), trong hàng mấy thế kỷ liền, như nghệ thuật điêu khắc Roman, chẳng hạn. Kịp đến khi có những đổi thay về mặt nội dung đề tài, nhịp điệu và kích thước kiến trúc, cường độ của ánh sáng, v.v... nền nghệ thuật ấy mới chuyển mình, để thích nghi với những nhu cầu

mới, và trở thành một phong cách mới : phong cách điêu khắc Gothic.

Khi tác giả nói : “*Trên thế giới chưa có ai viết được lịch sử của nghệ thuật dân gian*” (TXVNT, tr. 5-6), thì tôi chưa dám khẳng định rằng điều này đúng hay sai, vì không có sẵn tài liệu để đối chứng, nhưng tôi chỉ nghĩ một cách đơn giản rằng, sở dĩ người ta không viết được lịch sử nghệ thuật dân gian của một dân tộc nào đó, ở một giai đoạn lịch sử nào đó, chính là bởi vì người ta đã không viết được lịch sử nói chung (lịch sử tổng thể) của dân tộc đó, ở cái giai đoạn đó, hoặc khảo cổ học đã không phát hiện được những di vật của nền nghệ thuật đó, ở cái giai đoạn đó, mà thôi.

Trong lãnh vực nghệ thuật, có nhiều khái niệm, nhiều quan niệm luôn luôn thay đổi với thời gian, với những trào lưu, trường phái, những luồng tư tưởng mới mẻ nối tiếp nhau. Không thể nào khẳng định, như định đóng cột, một sự thật, coi nó như là bất di bất dịch.

Trong một bài tham luận tại Hội nghị khoa học **40 năm nền nghệ thuật cách mạng** do Viện Mỹ thuật tổ chức năm 1983 tại Hà Nội, với tựa đề **Tiếp xúc với tác phẩm**, Thái Bá Văn nói :

“*Nội dung của một tác phẩm không phải là ở cái kết cấu vật thể của nó, mà chính là ở cái hình tượng nghệ thuật mà nó chuyên chở.*” (TXVNT, tr. 8-12)

Và tác giả quan niệm *đời sống vật thể* và *đời sống hình tượng* của một tác phẩm như sau :

“*Vô tình tôi có một tác phẩm : Em Thuý của Trần Văn Cẩn chẳng hạn. Tác phẩm đó là một, không thay đổi. Tuy nhiên tôi nói rằng nó có hai đời sống, hai tồn tại. Một là sự tồn tại vật thể, như một đời sống đồ vật. Một khác, là sự tồn tại tinh thần như một hình tượng nghệ thuật, của giá trị thẩm mỹ. (...) Mục đích bao la của tác phẩm nghệ thuật (...) xưa nay vẫn là ở chỗ vượt lên trên đời sống cơ bản có thật của mình để đạt tới cái đẹp của hình tượng, như một giá trị tinh thần, nhiều khi còn mơ màng, xa xôi cũng được.*” (TXVNT, tr. 8-12)

Xem như vậy, thì cái quan niệm được trình bày ở trên không khác gì quan niệm của hội họa cổ điển, và hoàn toàn trái ngược với quan niệm của hội họa hiện đại. Hội họa cổ điển tối kị sự hiện diện của *cái biểu đạt* (mặt vải, chất liệu, thậm chí đường nét, màu sắc) và chỉ muốn nhìn thấy, thông suốt qua *cái biểu đạt, cái được biểu đạt* (hình tượng được thể hiện trên tranh : nhân vật, phong cảnh, truyện tích, v.v...). Ngược lại, hội họa hiện đại, từ Gauguin, Van Gogh trở đi, và nhất là hội họa trừu tượng, không còn phân biệt *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* nữa : cái đẹp không còn phải là cái đẹp của *hình tượng nghệ thuật* xa vời – còn được gọi là *ảo ảnh* – mà là cái đẹp *cụ thể* của toàn bộ bức tranh, kể cả chất liệu của nền vải.

Văn Ngọc

Bước đầu vấp váp ở Kosovo...

(tiếp theo trang 18)

xu hướng biểu hiện trong chiến tranh Việt Nam hay chiến tranh Vùng Vịnh : những người trước đây phản chiến nay lại chủ chiến. Có ý nghĩa hơn nữa là tình hình chính trị ở Pháp : phe “chống chiến tranh” và phe “chống châu Âu” hầu như là một. Nói chính xác hơn, đó là những người “bảo vệ chủ quyền dân tộc” chống lại một quan niệm “siêu quốc gia” nào đó. Và mọi sự trở thành sáng tỏ : cuộc khủng hoảng ở khu vực Balkan thực chất chẳng phải là một cuộc khủng hoảng có tính chất quốc gia chủ nghĩa đó sao ? Một cách tóm lược, có thể nói rằng các nước vùng Balkan, vì những lý do lịch sử (lần lượt chịu sự thống trị của đế chế Ottoman, rồi đế chế Áo - Hung), đã tiến hành quá trình phức tạp, khởi đi từ một tộc dân, một nền văn hóa chung, để hình thành một Nhà nước - dân tộc, chậm nhiêu thế kỷ so với khu vực Tây Âu. Bởi vậy mà ta phải kinh hoàng chứng kiến những cuộc xung đột sắc tộc mà sự bạo liệt tưởng đã thuộc quá vãng xa xôi : tàn phá thủ tiêu các chứng tích lịch sử của đối phương (tượng đài, đền thờ, nghĩa trang), di chuyển dân cư. Cuộc chiến tranh ở bán đảo Balkan những năm 1912-13, cuộc đánh đổi dân cư năm 1923 giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, cuộc thanh lọc sắc tộc ở Croatia và Bosnia (200 000 người chết, 2 triệu người tị nạn)... còn nguyên vẹn trong ký ức của mọi người... Song cái ám ảnh xây dựng một quốc gia “thuần chủng” (một dân tộc, một Nhà nước) không còn tương hợp với quan niệm dân chủ hiện đại nữa. Mà Âu châu ngày nay đã được xây dựng từ sau Thế chiến II trên nền tảng dân chủ, chủ yếu là để chống lại các chủ nghĩa quốc gia. Trong ý nghĩa đó, có thể nói hiện nay, ở hai đầu lục địa, cách nhau 2 giờ bay, hai quan niệm về châu Âu đang đụng đầu với nhau. Joschka Fischer, bộ trưởng ngoại giao Đức, nói : “*Slobodan Milosevic là đại diện cho châu Âu của thập niên 30. Đó không phải là châu Âu của chúng ta*”. Cái *enjeu* của chiến tranh Kosovo chính là ở đó : hoặc nó sẽ là yếu tố tăng tốc cho sự hoà nhập Âu châu (đặc biệt về mặt phòng thủ quân sự) hoặc nó là hoá chất hoà tan làm triệt tiêu ý niệm châu Âu.

Nguyễn Quang

(1) Điều nghịch lý là người Serbia lại chọn sự thất bại ở Cánh đồng chim sáo (tại Kosovo) năm 1389 trước quân Thổ làm mốc cho sự lập quốc của Serbia. Và cũng tại Kosovo, năm 1988, mà ông *đại cán* Milosevic đã bắt đầu sự nghiệp quyền bính bằng cách bảo vệ thiểu số người Serbia ở vùng này. Ngay khi lên nắm chính quyền, Milosevic đã bãi bỏ quy chế tự trị của Kosovo mà Tito đã thiết lập từ mấy chục năm trước.

(2) NATO ra đời cách đây đúng 50 năm nhằm “phòng vệ chung” nếu có cuộc xâm lăng của khối Đông Âu.

(3) Một vài chính khách, do phản xạ có điều kiện, đã lớn tiếng tố giác Hoa Kỳ đeo đuổi quyền lợi kinh tế ở Kosovo, và Đức có ý đồ mở rộng ảnh hưởng quân sự - chính trị ở vùng Balkan !

PHỎNG VẤN NGUYỄN LÊ



Nguyễn Lê (tên Nguyên, họ Lê, con trai của nhà sử học Lê Thành Khôi) sinh trưởng ở Paris sau khi tốt nghiệp cử nhân lịch sử nghệ thuật và chuyên tu (*maîtrise*) về triết học, đã chọn con đường âm nhạc. Từ nhiều năm nay là ngôi sao sáng trên bầu trời nhạc Jazz hiện đại : anh vừa là nhạc sĩ guita kiệt xuất, vừa là nhà soạn nhạc và phổi âm đa dạng và độc đáo, phiêu du trên khắp nẻo đường âm nhạc thế giới để làm giàu nhạc Jazz hôm nay. Đặc biệt với đĩa CD *Tales from Vietnam*, Nguyên đã “về nguồn” âm nhạc Việt Nam, tạo nên một cuộc giao duyên kỳ thú giữa nhạc Việt và Jazz. Dưới đây là bài phỏng vấn anh dành riêng cho Diễn đàn. Kèm theo là sơ lược danh sách các đĩa nhạc đã xuất bản và chương trình lưu diễn xuân & hè 99 của Nguyên Lê với ban nhạc Maghreb & Friends và Trio Nguyên Lê.

Diễn Đàn : Xếp loại một tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng giản lược hoá tác phẩm, nhưng mặt khác, nó cũng có thể giúp những người ngoài nghề tìm hiểu. Cho nên, chúng tôi xin bắt đầu bằng một câu hỏi : anh “định vị” ra sao đối với các trào lưu lớn của nhạc Jazz ? Có người xếp Nguyên Lê vào trào lưu World Music (Nhạc Toàn cầu), anh nghĩ sao ?

Nguyễn Lê :

Tôi tự xác định là một nhạc sĩ Jazz của ngày hôm nay, với tất cả ý nghĩa gọi mở của chữ Jazz. Thật vậy, Jazz là một nền âm nhạc mở : ra đời trong lòng một cộng đồng ly hương (của người nô lệ da đen ở châu Mỹ), nó được nuôi dưỡng bằng nhiều nguồn đa tạp (hoà âm của nhạc Pháp thế kỷ 19 – Debussy, Ravel, âm nhạc Brasil, âm nhạc Phi châu - Cuba, vân vân...). Về mặt ứng tú (improvisation) và giao tú (improvisation) và giao tú giữa các nhạc sĩ, khía cạnh cốt yếu của Jazz, thì phải nói đó là một trong những loại hình âm nhạc *cởi mở* nhất, *thoáng* nhất. Tôi nói Jazz của ngày hôm nay, vì tuy rằng tôi đã học nhạc Jazz cổ điển (các loại standards và be-bop), song tôi muốn sáng tạo ra một thứ nhạc vừa phản ánh những gì tôi sống hàng ngày, vừa gợi mở một viễn ảnh sẽ có, hay cần phải có, của thế giới ngày mai. Hai chữ “World Music”, cách đây hai ba năm, tôi còn rất ghét. Bởi vì lúc ấy, và bây giờ đôi khi cũng còn thế, đó

là một “phi vụ” thương mại của những nhà sản xuất Tây phương đi tìm cái mới lạ bằng cách chụp giật, cướp phá văn hoá của các nước Thế giới thứ ba. Bây giờ tôi nghĩ khác vì ngày nay, “World Music” thực thụ là do chính các nhạc sĩ Thế giới thứ ba, sống ở nước mình hay ở các nước phương Tây, sáng tạo ra, họ chiếm lĩnh nhạc cụ và phương thức phương Tây để tạo ra một nền văn hoá hiện đại mới, khởi đi từ truyền thống của mình.

ĐĐ : Kể từ album “Tales from Vietnam”, trong các sáng tác của anh, có một sự “giao duyên” giữa Jazz và âm nhạc truyền thống Việt Nam : lần đầu tiên có sự gặp gỡ đó. Hai phương trời âm nhạc thoạt trông rất xa lạ với nhau, anh đã “hợp” lại được cái gì ? “nối lại gần nhau” những cái gì ? Phản đóng góp cá nhân của anh vào sự gặp gỡ ấy là gì ?

Nguyễn Lê : Khi bắt đầu làm “Tales from Vietnam”, ý định đầu tiên của tôi là tìm lại cội rễ, tìm cái “phân Việt Nam” trong con người tôi, cái phân mà tôi đã đánh mất, vì tôi sinh trưởng ở Pháp, vì tôi không hiểu về chính mình, vì tôi hòa đồng vào xã hội Pháp. Những bài nhạc đầu tiên mà tôi chọn, do đó, là những làn điệu mà tôi đã “thuộc lòng” đâu đó, vì thuở nhỏ được ru hay được mẹ tôi hát cho nghe. Tôi lấy những bài ấy, và viết phối âm (một mình, hoặc với sự cộng tác của cô bạn tôi là Dominique Borker) theo ngôn ngữ Jazz. Chủ ý của tôi là làm sao giữ đúng được nhạc truyền thống, càng nguyên chất càng tốt và đặt nó trên một cái “nền” hoà âm và tiết tấu của Jazz. Gặp Hương Thanh và Hạo Nhiên, làm việc cùng với họ, phải nói đó là yếu tố quyết định để thực hiện được ý hướng nói trên, và khi cần thiết, điều chỉnh các bản phối âm. Nhạc Việt Nam sử dụng ngũ cung : trong Jazz cũng có âm thức này, do đó khả năng hoà âm được mở rộng. Trong nhạc Việt Nam còn có những xúc cảm rất gần gũi với Blues, thể hiện những nỗi buồn thương da diết đồng thời lại thăng hoa những tình tự ấy thành mỹ cảm. Phản đóng góp của tôi là : làm “kiến trúc sư” cho sự giao duyên của hai nền nhạc, cho sự giao tú giữa các nhạc sĩ. Công việc viết nhạc của tôi là mở đường cho sự gặp gỡ đó, để trong bối cảnh chung ấy, mỗi người có thể thi thoát hết sở trường của mình.

ĐĐ : Đưa nhạc Việt Nam vào tác phẩm của mình cũng tựa như một cuộc viễn du văn hoá về quê cha đất tổ, về một đất nước mà hâu như đến bây giờ anh mới khám phá. Có lẽ cuộc du hành là vận hội để anh xây dựng bản sắc Việt Nam. Xin hãy tạm ra khỏi lãnh vực âm nhạc để hỏi anh câu này : trong cuộc đi tìm này, anh đã vui điều gì, buồn hay thất vọng điều gì ?

Nguyễn Lê : Trong cuộc du hành văn hoá ấy, tôi chỉ gặp những chuyện vui : vui được gặp và làm việc cùng với Hương Thanh và Hạo Nhiên, tức là niềm vui có bạn mới ; niềm vui giới thiệu Việt Nam với các bạn nhạc sĩ Pháp, với cả công chúng tới dự các buổi hoà nhạc hay mua đĩa CD của tôi (số đĩa *Tales from Vietnam* bán trên thế giới, ở Âu & Mỹ, lên hơn 15 000) ; niềm vui khi được biết bác Trần Văn Khê, hiện thân của nhạc truyền thống, lại rất thích đĩa nhạc ấy. Thất vọng duy nhất và rất lớn của tôi là đã không đi được Việt Nam để trình tấu.

ĐĐ : Trước *Tales from Vietnam* và sau đó, cây ghi-ta của

anh đã giang hồ trên những miền nhạc hết sức đa dạng : nhạc gốc Phi ở quần đảo Antilles, nhạc Ấn Độ, Triều Tiên, Bắc Phi... Đì nhiều thì tát giàu thêm, nhưng cũng có nguy cơ làm cho mình quá phân tán chứ ? Trong một cuộc phỏng vấn, anh có nói : “ Tôi muốn phát ra từ cây ghita những âm hưởng sắc tộc, chứ không chỉ đơn thuần Việt Nam ” khi đề cập tới việc anh hợp tác với nhạc sĩ bộ gõ Karim Ziad, người Angieri, sau khi anh đã hoàn thành đĩa Tales from Vietnam. Anh có thể triển khai thêm cái ý đó không ?

Nguyễn Lê : Xin trở lại việc định nghĩa World Music : WM chân chính, thực ra nền âm nhạc mà “ thế hệ thứ hai ” trong các cộng đồng di dân của Thế giới thứ ba (mà tôi là một thành viên) đang tạo ra. Bởi vì thế hệ chúng tôi sinh để hay lớn lên ở đây, nên chúng tôi không còn là người Việt, người Phi, hay người Ấn nữa... Chúng tôi là những người Việt, Phi, Ấn mới... Bản sắc của chúng tôi, cẩn cước của chúng tôi, chúng tôi phải xây dựng nó từ nghiệm sinh hôm nay của chúng tôi, cho nên nó sẽ không bao giờ là bản sắc, cẩn cước của thế hệ cha mẹ. Thế hệ mới có biết bao nhiêu điều để nói ra, để chia sẻ. Tôi tích luỹ thật nhiều kinh nghiệm liên văn hóa, trước hết vì các nền văn hóa khác bao giờ cũng cuốn hút tôi ; tiếp xúc với chúng, tôi học hỏi rất nhiều, và trong giao lưu liên văn hóa, có một bầu không khí anh em thú vị, và có những sự tương ứng bất ngờ giữa những người cùng thế hệ. Vả lại, có những bối cảnh âm nhạc trong đó tôi không thể chơi nhạc Việt Nam một cách “ bộc tuệ ” được, nên tôi phải mượn phong thái của những nền văn hóa khác để biểu lộ xúc cảm riêng của mình. Tóm lại, tôi cảm nhận mình là người Việt, mà là người Việt của ngày hôm nay : nghĩa là tôi phải biết các nền văn hóa khác, chính là trong sự cọ xát với những cái lạ, cái khác, mà tôi cảm thấy mình Việt nam hơn.

ĐĐ : Xin anh nói đôi điều về cái CD sắp phát hành.

Nguyễn Lê : Đĩa Moon and Wind (Trăng Gió) phát hành tháng 9 này không mang tên tôi mà mang tên chị Hương Thanh. Tôi sản xuất toàn bộ đĩa này trong studio nhà tôi. Chơi nhạc trong đĩa này có Hạo Nhiên, Dương Tâm (nhạc sĩ Việt Nam sống ở Mỹ) và một vài nhạc sĩ Jazz. Nhưng đây không phải là một đĩa nhạc Jazz với những độc tấu và tiết tấu “ buông thả dây cương ”. Mà là những phối âm Jazz trên những làn điệu dân ca Việt Nam, và đơn giản hơn Tales from Vietnam. Qua tác phẩm này, tôi muốn làm nổi bật giá trị của Hương Thanh, và di sát ý nghĩa của mỗi bài Cò lả, Ru con miền Bắc, Sấm huê tình, Bài ca trên núi, Lý Qua câu, Bài ca ru con, Lý con sáo, Hò Huế...

ĐĐ : Còn những dự án hiện nay của anh ?

Nguyễn Lê : Tôi đang viết cho một CD mới. Bây giờ còn quá sớm để nói gì cụ thể. Chỉ biết là tôi muốn mời nhạc sĩ mọi nước tham gia vào nhạc tôi. Đĩa CD này sẽ phát hành vào tháng 1 năm 2000. Ngoài một số buổi hòa nhạc cùng với nhóm hiện nay của tôi, Maghreb and Friends, tôi sẽ đi một vòng các nước Đức, Thuỵ Sĩ, Áo (tháng 5) cùng với nhóm Tam tấu (xem khung kèm theo).

(1) AFAA (Association Française d'Action Artistique) là một hội đoàn qua đó Bộ ngoại giao và Bộ văn hóa Pháp tổ chức trao đổi nghệ thuật với các nước (chú thích của tòa soạn).

ĐĐ : Bao giờ mới có một buổi hòa nhạc Nguyễn Lê ở Việt Nam ?

Nguyễn Lê : Đó là điều tôi mong muốn đến mức tuyệt vọng. Nhất là nhiều bạn tôi (Sixum, Michel Portal, Laurent de Wilde...) đều đã đi Việt Nam qua tổ chức AFAA (1). Từ năm 1979 đến nay, tôi chưa có dịp nào. Biết đâu bài phỏng vấn này sẽ lọt vào đúng lỗ nhĩ của ai. Về phần tôi thì tôi sẵn sàng !

(phỏng vấn bằng tiếng Pháp do Vũ Hồi Nguyễn và Nam Trần thực hiện, Kiến Văn biên dịch. Toàn văn song ngữ được đưa lên mạng internet : <http://perso.wanadoo.fr/diendan>).

CHƯƠNG TRÌNH LƯU DIỄN CỦA NGUYỄN LÊ

Cùng với **Trio “ Sand ”** (Renaud Garcia Fons & Patrice Héral) :

- 12.05. Ansbach, Đức (phòng Kammerspiele)
- 13.05. Darmstadt (Centralstation)
- 15.05. Berlin (Haus der Kulturen der Welt)
- 16.05. Bremen (Kito)
- 17.05. Bremen (Workshop Musikhochschule)
- 18.05. Bremen (Workshop Musikhochschule)
- 19.05. Lübeck (Werkhof)
- 21.05. Innsbruck, Áo (Treibhaus)
- 22.05 Zürich, Thuỵ Sĩ (Moods)

Cùng với **Trio “ Sand ”** (Renaud Garcia Fons & Tino di Geraldo) :

- 01.07. Glasgow, Anh (Jazz Festival)

Cùng với ban nhạc “ **Maghreb & Friends** ” :

- 28.05 Le Havre (Le Bateau Feu)
- 02.06 Amiens (Maison de la Culture)
- 22.07. San Sebastian, Tây Ban Nha (Jazz Festival)
- 28.09. Frankfurt, Đức (Brotfabrik)
- 29.09. Leipzig (Jazztage)
- 30.09. Vlotho (Jazztage)
- 01.10. Siegen (Oase)
- 02.10 Munster

Độc tấu :

- 3.06 Nantes (Pannonica)

DANH MỤC ĐĨA ĐÃ XUẤT BẢN(trích)

- PROGRAMME JUNGLE, Ultramarine (1985) Bloomido BL 001
- DÉ, Ultramarine (1989) Musidisc 500052
- STRONG LOVE AFFAIR, Ray Charles (1996) Qwest/WB 9362 46107-2
- MELI MELI, Cheb Mami (1998) Totem/Virgin 724384 548421
- ANYWAY, Michel Portal (1993) Label Bleu 6544
- CINEMAS, Michel Portal (1995) Label Bleu 6574
- ANGEL, Paolo Fresu 4tet (1998) BMG 743215 58642
- METAMORFOSI, Paolo Fresu "Angel" 4tet (1999) BMG
- MOON and WIND, Hương Thanh (1999) ACT / Night & Day
- MIRACLES, Nguyễn LE (1989) Musidisc 500102
- ZANZIBAR, Nguyễn LE (1992) Musidisc 500352
- MILLION WAVES, Nguyễn LE (1995) ACT 9221-2 /Mediaset
- TALES FROM VIET NAM, Nguyễn LE (1996) ACT/Dreyfus-FDM36700-2
- 3 TRIOS, Nguyễn LE (1997) ACT 9245-2/Dreyfus-FDM
- MAGHREB & FRIENDS, Nguyễn LE (1998) ACT 9261-2/Night & Day

Một cuộc rong chơi

Phan Tam Khê

Hãy tóm lược cho mẹ nghe là sự phân phôi về của cái của tạo hoá có được hoàn hảo chẳng khi thì người này được một phần hết sức lớn, phần người kia thì ít hơn, người thứ ba hâu như không có gì và người thứ tư thì chẳng có gì cả.

Thư của George Sand gửi cho con trai

Chúng tôi đi Ireland, phía bắc. Nhiều người ngạc nhiên hỏi : “ Ba mươi năm nội chiến từng ngày ”, chưa ờn sao mà còn tìm đến cái xứ mìn gài tú hướng ? Thế nhưng cuộc rong chơi này có nhiều động cơ thúc đẩy, và chúng tôi không thể “ chuyển bến ”.

Kể ra thì câu chuyện rất dài dòng. Vào những năm 60, những năm của “ autostoppeur ” [1] chúng tôi đã làm quen với một người đàn bà trên tuyến đường Paris-Amsterdam. Sau nhiều năm “ con cò lặn lội bờ sông ” để đưa đẩy bốn người con trai thành người, bà ta đã rời Hà Lan để qua sinh sống trong một cộng đồng chuyên lo cho những người khuyết tật ở bắc ái Nhĩ Lan. Người bạn của chúng tôi năm nay tuổi đã cao và hơn 20 năm nay chúng tôi không có dịp gặp nhau, đó là động cơ thứ nhất.

Vào những năm 80 khi các con chúng tôi ở vào tuổi dậy thì, cái tuổi của trời long đất lở, chúng tôi đã gửi các cháu về đây trong những tháng hè. Cuộc sống ở đây đã để lại cho các cháu nhiều kỷ niệm khó quên về lòng vị tha, về tình tương trợ, về giá trị lao động chân tay và đời sống cộng đồng...

Cộng đồng thuộc về phái Tân giáo mà các con tôi thì được ảnh hưởng rất nhiều bởi Phật giáo, thế nhưng chúng đã hòa nhập mà không gặp một trở lực nào về đạo giáo. Trước bữa ăn, người ta trang nghiêm cám ơn tạo hóa đã cho mặt đất, ánh sáng để làm sinh sôi nảy nở mọi vật để nuôi dưỡng con người. Tưởng một kinh cầu như vậy thì ai cũng có thể đọc được vì nó thuận lý. Cho đến nay các cháu, khi có dịp, vẫn ghé về đây thăm bạn bè... Đây là động cơ thứ hai thúc đẩy chúng tôi đến đây để tìm hiểu thêm về đời sống cộng đồng.

Nếu đi bằng máy bay thì chỉ mất khoảng hai tiếng đồng hồ, nhưng vì những năm tháng chạy đua ở cái kinh thành ánh sáng này nên chúng tôi đã chọn phương tiện đường bộ nghĩa là tàu điện hầm, xe buýt, tàu thuỷ, tàu lửa, taxi, như thế chúng tôi có thể tìm lại được cái cảm giác bát ngát của không gian và cái

[1] auto-stoppeur (hitcher) : người đi đường bằng cách xin quá giang xe hơi.

[2] Issy-les-Moulineaux : thị xã ngoại ô tây nam Paris

[3] Gare du Nord, một trong những nhà ga lớn của Paris

[4] Đây là phần việc của tôi.

nhở nhơ của thời gian... Cuộc hành trình phải mất đến 26 tiếng đồng hồ, cái may là chúng tôi đã bắt gặp đúng lúc giờ khởi hành của các chuyến xe phụ, nếu không chắc phải còn dài hơn. Tại sao phải vội vàng khi đi nghỉ ngoi ? Từ Issy [2] đến Ga Bắc [3], chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình hết sức thong thả, thong thả đến độ sém nữa nhớ chuyến đầu tiên, nhưng chúng tôi quyết định nếu bị nhỡ tàu thì ngủ lại tại khách sạn gần ga chứ nhất thiết không chạy. Từ Ga Bắc, chúng tôi lấy tàu đi Calais, dùng buýt đến Douvre, ở đó chỉ cần “ một bước ” là sang Anh. Ở đây chúng tôi thất vọng vì khi bước vào tàu thủy mà lại có cảm tưởng như đi shopping ở Samaritaine, hành khách không có quyền ra bông để ngắm trời mây non nước. Ở Anh, từ ga chính chúng tôi lấy tàu lửa đi lên Glasgow (xứ Scotland). Từ Glasgow lấy xe lửa rồi tàu thuỷ đi Belfast.

Đoạn đường từ Glasgow đến Belfast là cả một phóng thích cho tinh thần và nghỉ ngoi cho nhãm quan. Ở đây chỉ có những đồi thảo nguyên mượt mà bát ngát và một loài hoa duy nhất liền biệt khắp nơi : hoa kim tước chi (genêt), loài hoa không hương nhưng có sắc vàng rực rỡ, thân xác cần cỗi bám chặt lấy miên đá sỏi như dân vùng này đã bám chặt lấy đồi trọc và biển xanh. Những cụm hoa vàng san sát chạy ngược đường tàu trong một không gian bàng bạc màu xanh nhiều sắc thái... đây đó một vài chấm trắng của các đàn cừu đang gặm cỏ, chúng nhàn nhã chậm chạp đến độ như bất động, từ xa chúng như những đám hoa trắng tô điểm cho cảnh vật bớt đơn điệu. Nhà cửa ở đây thấp và thường được xây cất trên các sườn đồi, không có hàng giậu bít bùng ngọt ngọt mặc cho du khách thường ngoạn thoả thuê. Như để tránh khuấy động miền không gian tĩnh mịch, nhà cửa chỉ thuần có hai màu : mái đen và tường trắng, “ chiêu châm đưa chân ngày ” nhưng sương đêm đã bắt đầu xuống : Scotland giữa mộng và thực...

Từ Belfast chúng tôi lấy tàu hỏa và taxi để đến Holiwood, nơi dinh cơ của cộng đồng được trải dài trên 20 mẫu tây chạy dọc theo bờ biển phía đông đối diện với thành phố Belfast. Ở đây đêm đêm đứng trước biển bạn sẽ thấy thành phố rực sáng, bồng bềnh như nổi trôi theo vận nước.

Thoạt đầu hai chữ cộng đồng và khuyết tật đã làm tôi ngân ngại không ít, nhưng đã trót thì phải trét, cứ thử một chuyến xem sao.

Ở đây thời gian như chùng lại vì nhịp sống chậm rãi của mọi người và không gian như bát ngát thêm ra bởi bầu trời bao la đậm mùi gió biển. Đất rộng người thưa, cộng đồng là một tập thể gồm 30 gia đình, tất cả là 200 người trong đó có khoảng 80 người khuyết tật. Họ sinh hoạt bình thường như mọi người trong xã hội chúng ta, nhưng nhịp độ chậm rãi. Mỗi gia đình nhận một số người khuyết tật tùy theo khả năng của họ, gia đình đông con thì nhận ít hơn những gia đình ít con. Mỗi người một phần việc, nhưng tất cả đều hướng về một mục đích chung duy nhất : thương yêu dùm bọc những người khuyết tật và tập cho họ đạt được một đời sống ít nhiều tự lập. Còn những người khuyết tật thì họ rất sung sướng khi nhận lãnh một phần việc nào đó. Khi đi viếng nhà máy giặt, chúng tôi gặp một người khuyết tật ngồi tại bàn giấy để kiểm kê áo quần, ông ta đã sống ở đây trên 15 năm. Khó khăn lắm nhưng ông ta đã cố gắng và hăng diện thốt lên : “ It's my job ” [4]. Nghe nó cảm động làm

sao ! Duy chỉ có những người mang bệnh nặng thì sinh sống ở những ngôi nhà lớn hơn và có những chuyên viên săn sóc. Sống ở đây, chúng tôi như lạc vào một thế giới khác, nó thiếu vắng một cái gì, và chúng tôi cảm thấy ngường ngượng khi tự cung cấp lấy những phẩm vật cần thiết hàng ngày mà không phải móc ví. Trừ gian hàng bán tặng phẩm và sách vở lý thuyết cho các du khách, ở đây sự luân chuyển của đồng tiền hoàn toàn vắng bóng, tuy hàng quán vẫn mở cửa mọc mòi...

Mỗi gia đình có một cái giỏ lớn, có một cuốn sổ ghi những thứ họ lấy. Bạn đến cửa tiệm (hình thức như một hợp tác xã) tự lấy mọi thứ, thịt, gạo, bánh mì, mì gói, dầu mỡ, xì dầu (chưa thấy có nước mắm)... ghi vào sổ và không trả tiền... Nếu bạn cần dùng những thứ khác thì ghi tên bạn trên bảng đen với những thứ bạn cần, ngày mai bạn có thể được cung cấp, với điều kiện là cộng đồng có thể và những mặt hàng đó không phải là xa xỉ phẩm. Về giày dép và áo quần thì có một gian hàng ở Holiwood, bạn cũng có thể cung cấp theo kiểu này. Gian hàng này do cộng đồng quản lý và đồng thời cũng bán hàng hoá cho những người ngoài cộng đồng. Những thứ không cần thiết bạn có thể mua lấy hoặc ở Belfast hoặc ở Holiwood, nhưng với túi tiền của bạn... Cây trái, rau quả, bơ sữa bạn có thể đến một nhà kho gần nông trại tự cung cấp lấy, còn xà lách thì cứ ra vườn mà nhổ, phần này thì khỏi trả tiền mà cũng không phải ghi sổ. Tò mò tôi hỏi người bạn già, thế nhỡ có ai lạm dụng thì sao ? Nở một nụ cười trên khuôn mặt nhăn nheo như quả thị héo, bà bảo : " *Ở đây, hầu như mọi người đều ăn coi nổi ngồi coi hương* ". Trong 30 năm sống ở đây bà chỉ thấy có 2 gia đình bị cộng đồng từ chối và phải đổi qua một cộng đồng khác. Đẹp nhỉ.

Buổi sáng, mọi sinh hoạt bắt đầu. Cha mẹ đưa các cháu đến trường. Các cháu lớn thì đi học ở Belfast, thường thì được học trong các trường theo phái Rudolf Steiner [5]. Có xe ca đưa đi đón về, và cha mẹ bắt tay vào công việc hàng ngày. Người nào việc này, họ làm việc lẩn lộn với người khuyết tật. Họ thầm lặng, ít chuyện trò. Chúng tôi không hiểu đây là thói quen của những người vùng Bắc Âu hay là thái độ của những người sống biệt lập lâu năm. Chúng tôi quen dần với những người bệnh hoạn và thấy họ gần như là những người bình thường...

Những người sống trong cộng đồng thường biết nhiều nghề, ví dụ như một bác sĩ cũng biết vắt sữa bò, một giáo sư vẽ cũng biết dệt thảm... để có thể thay thế cho nhau trong những lúc cần thiết. Cộng đồng được chia ra nhiều nhóm phụ trách những công việc khác nhau : nhóm giặt ủi, nhóm lượm và phân phát áo quần, tất cả đều được trang bị hết sức tân tiến. Ở đây, người ta lợi dụng mọi tiến bộ của khoa học kỹ thuật, duy chỉ có phần canh tác là người ta theo phương cách *xanh lục*. Đất đai phải được nghỉ ngoi 7 năm trước khi trồng trọt hoa màu và... cỏ cho trâu bò ăn. Vì thế nên cộng đồng còn được sử dụng nhiều miền đất ở xa do chính phủ trợ cấp. Nhóm phụ trách điện

[5] Steiner (1861-1925), người Áo, khởi xướng phong trào *Xanh lục*. Ông chủ trương liên hệ giáo dục với thiên nhiên một cách mật thiết.

[6] Nếu bạn muốn thử sống kinh nghiệm này, thì hè này cộng đồng cần người hái quả đấy !

[7] Bà huyện Thanh Quan.

nước, nhóm phụ trách cây xăng. Xe cộ thì có hai loại, một loại do cộng đồng mua, hoàn toàn do cộng đồng sử dụng, loại thứ hai là do tư nhân mua, họ có quyền dùng riêng nhưng họ phải sẵn sàng để cộng đồng trưng dụng khi cần thiết cấp bách. Nhóm coi về sản xuất thực phẩm, nhóm dệt, nhóm phụ trách về các bệnh xá, nhóm phụ trách về thể dục, phục hồi chức năng, có phòng nha khoa, nhãn khoa, có thư viện, có phòng nghe nhạc...

Mọi công việc, nhất là tay chân đều có sự tham gia của những người khuyết tật. Người ta làm việc hết sức thư thả để các bệnh nhân có thể theo kịp. Mục đích của sản xuất tự túc là mục đích phụ, mục đích chính vẫn là sự tập tành cho những người ốm đau trở lại cuộc sống hữu ích bình thường. Phân bù lỗ do trợ cấp của chính phủ. Ở đây không có vấn đề lương bổng.

Cuối tuần, các nhóm cử người đi họp để xem xét lại mọi việc, và đề ra những sáng kiến và nhu cầu mới, những người đại diện này được luân phiên cử ra. Trong cộng đồng này có 3 người già nhất, sống trong hai ngôi nhà riêng biệt, người già nhất đã hơn 90 tuổi, thì có một người già " trẻ " hơn ở chung để chăm lo mọi việc, thế nhưng Monica, người già nhất, chẳng bao giờ vắng mặt trong các cuộc họp, buổi đi lễ và các buổi hòa nhạc. Bà ta là người Áo và rất yêu âm nhạc. Những thay đổi lớn của cộng đồng đều được sự góp ý và đồng ý của ba " thái hậu ", người ta vẫn trìu mến gọi ba bà như vậy. " Kính lão đắc thọ " là vậy đó [6].

Nằm trên bờ biển Ireland, tâm hồn thư thái dิu dặt theo nhịp sóng, thế nhưng nghiệp chướng vẫn cứ dắt dẫn tôi về với âm vang của Thái Bình Dương, về với kỷ niệm của những ngày thơ ấu xa xưa mà trong đó hình ảnh của cha tôi hằng ngự trị. Đầu đây vang vọng tiếng người : " *Tập thể làm chủ, làm việc tuỳ sức ăn tiêu tuỳ cần* ".

Mơ ước của những người đi trước là thế đó, và chúng tôi, những người đến sau, mất hướng, và chỉ còn biết :

*Dùng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta.* [7]

Belfast, 3.3.99

PHAN TAM KHÈ

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Con mèo của Schrödinger (2)

Hàn Thuỷ

Bản thể, hiện tượng và hiện thực

Lần trước đã trình bày cùng bạn đọc *nghịch lý* về con mèo của Schrödinger, nghịch lý này là một sự suy diễn từ những *kết quả thí nghiệm có vẻ nghịch lý* chung quanh hai bộ mặt hạt và sóng của lượng tử. Sự suy diễn này có ‘*hợp pháp*’ không? *Có lẽ là hợp pháp* nếu các quy luật của cơ học lượng tử là cơ bản và đầy đủ, trong nghĩa nó giải thích được *thế giới vật chất quanh chúng ta* và các quy luật biến chuyển khác của nó ở quy mô lớn hơn, chẳng hạn các quy luật hoá học. Nếu hợp pháp thì phải giải quyết nghịch lý này bằng bản thân cơ học lượng tử. Nếu không thì còn có gì khác? Như đã trình bày lần trước, những câu hỏi này là một vết thương còn mở và còn nhức nhối, tập thể các nhà vật lý học và các nhà triết học còn đang tranh cãi. Cuộc động não tập thể từ hơn nửa thế kỷ này không thể không liên quan tới các vấn đề cơ bản nhất của nhận thức luận (*épistémologie*). Người viết không có tham vọng tham dự tranh cãi ở đây, mà chỉ xin tóm tắt các lập trường khác nhau với cố gắng trung lập tối đa, nhưng dĩ nhiên với cách hiểu của mình và với những định kiến không thể tránh khỏi của mình.

Nhưng để có thể tiếp tục, cần thiết xác định vài khái niệm - thuật ngữ triết học cho phép diễn tả phần nào các lập trường đó :

BẢN THỂ (*être*) : Có thể nói bản thể là cái hiện hữu tự nó, cái xác thật tự nó, độc lập với tri giác, nhận thức hay ảo tưởng của con người. Bản thể là gì, có thể biết hay nghiệm thấy bản thể hay không, cho tới nay, là một vấn đề siêu hình. Khó nói gì thêm, cùng lầm có thể trích thơ Bùi Giáng :

*Thưa rằng nói nữa là sai
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào*

Người cớ có thể thêm một cách cục mịch rằng ‘*bản thể*’ là cái chữ người ta đặt ra để triết lý với nhau.

HÌNH THỰC (*réel, réalité*) : Nguyên nghĩa là *cái nhìn thấy được*. Trong khái niệm ‘*hiện tượng*’ có phần chủ quan, liên hệ tới nhận thức của con người; nhưng lại có phần khách quan, vì người ta không thể đồng nhất hiện tượng và ảo ảnh. Nói chung thông thường người ta dùng chữ *hiện tượng* để chỉ cái phần không phải là ảo ảnh của cái nhận thức được. Hiện tượng, do đó, là cái biểu diễn và nhận thức được của bản thể, có thể nói là *một cách khách quan*, hay ít nhất *một cách liên - chủ quan* (*inter-subjectif*), nếu chủ quan thì mọi người đều chủ quan như nhau). Ngoài ra mỗi triết gia lại quan niệm về hiện tượng một cách riêng trong hệ thống triết học của mình. Thu

hợp trong phạm vi khoa học, có thể nói hoạt động khoa học chung quy là lập ra những giả thuyết, lý thuyết mạch lạc và chặt chẽ để quan sát, nghiên cứu và đi đến giải thích các hiện tượng của đời thường.

MÔ HÌNH (*modèle*) : Những giả thuyết và lý thuyết mạch lạc, chặt chẽ đó, khi áp dụng vào một hiện tượng thu hẹp nhất định, cho phép xác định những tham số định lượng và những phương trình liên hệ các định lượng này với nhau, trong đó có sự biến chuyển của chúng theo thời gian. Nói chung lại, có thể gọi đó là những *mô hình*. Mô hình không đồng nhất với hiện tượng ở chỗ nó là cái biểu diễn chủ quan phổ quát của hiện tượng. Nó là cái ngôn ngữ dùng để trao đổi giữa người và người, nó chỉ hoàn toàn phổ quát trong khoa học tự nhiên, hoàn toàn phổ quát vì đó là ngôn ngữ toán, đến độ nó cũng là ngôn ngữ để trao đổi giữa người và máy tính. Nhưng lại chủ quan, vì nó dựa trên những tiên đề của những hệ thống toán học do con người sáng tạo.

HÌNH THỰC (*réel, réalité*) : Theo nguyên nghĩa là ‘chính nó’ (*la chose*), dùng như tính từ để chỉ cái phân bì vững, cái phân hiện hữu tự nó của một hiện tượng, hay cũng để chỉ đặc tính của một hiện tượng có thực. Dùng như danh từ để chỉ một bộ phận hay gộp tất cả các hiện tượng của thế giới, trong nghĩa không phải là ảo ảnh.

Khủng hoảng nhận thức trong cơ học lượng tử

Trong các thế kỷ 18 và 19, thời hoàng kim của khoa học cổ điển, người ta không ngờ gì về mục đích của khoa học là tìm hiểu cái bản thể của tự nhiên. Hay nói cách khác, với các nhà bác học thời ấy thì thế giới hiện thực và thế giới bản thể là một, trong khoa học không ai phân biệt hiện tượng và bản thể. Thượng đế không còn là một giả thiết mà khoa học cần đến. Toán học không tách rời vật lý học và được coi là những khám phá tinh tuý nhất về tự nhiên mà không phải là sự sáng tạo của các nhà toán học.

Không gian ba chiều hiển nhiên nằm đó, độc lập với mọi hiện tượng ; thời gian trôi đều dặn khắp nơi, độc lập với không gian ; và ở mỗi lúc, mỗi hiện tượng đều có thể khuôn trong một vùng không gian cục bộ hạn hẹp ; ngoại lệ duy nhất : *lực hấp dẫn vũ trụ tác động giữa các vật thể tại khắp nơi trong vũ trụ một cách tức thời, độc lập với thời gian*. Quy luật nhân quả được hiểu theo nghĩa mạnh : mọi nhân đều có quả, theo những quy luật nhất định đã được khám phá, hoặc người ta tin chắc sẽ được khám phá ; và *mọi quả đều có nhân*, không có gì tự nhiên xuất hiện. Những khái niệm này, tuy không được phát biểu quá ngắn ngủi như trên, đã đi vào văn hoá thế giới, nằm sâu trong giáo dục phổ thông, và được chúng ta chấp nhận dễ dàng vì thực ra cho đến ngày nay người đã học hết chương trình trung học vẫn không thấy có gì khác.

Đến đây cần thiết mở ngoặc ngoài để : thiết tưởng một quan niệm như vậy, cộng với tinh thần khiêm tốn biết rằng những vấn đề nhân văn phức tạp không thể giải quyết bằng khoa học (nhưng lại càng không thể giải quyết bằng những thái độ phản khoa học), là quá đù và vẫn quá cần thiết trong

quảng đại nhân loại. Vì kể cả ở mức lãnh đạo cao nhất trên thế giới không thiếu những người tin vào nhiều điều nhảm nhí như phong thuỷ, tử vi, tướng số, thần giao cách cảm, chữa bệnh bằng bàn tay, vân vân. Điều này xảy ra khá phổ biến, nhưng mỉa mai thay lại đặc biệt trầm trọng trong những nước đã và đang gọi là theo chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa xã hội ‘khoa học’, như ở Liên Xô dưới thời Brejnev, và ở Việt Nam hiện nay. Lại còn phải liệt kê trong số những người này một vài vị ‘lãnh đạo’ cao nhất về... khoa học ! Cũng có thể họ không tin những chuyện nhảm nhí, nhưng họ làm như tin để lừa bịp lãnh đạo chính trị hòng kiếm vài miếng đinh chung, và đem cái quá khứ bằng cấp khoa học của mình làm bằng, nếu như thế lại càng khốn khổ khốn nạn hơn. Cũng phải phân biệt những điều nhảm nhí nói trên và niềm tin tôn giáo đích thực đã và vẫn đang làm nền móng cho luân lý của đại bộ phận nhân loại. Đóng ngoặc.

Cuối thế kỷ 19 nổ ra những cuộc khủng hoảng trong tư tưởng khoa học, khủng hoảng nền tảng trong toán học, và khủng hoảng trong vật lý học về vận tốc cố định của ánh sáng. Tới nay có thể nói các khủng hoảng của thế kỷ 19 đã được vượt qua bằng cách thay đổi phần nào những niềm tin vững chắc nói trên. Người ta đã hiểu rằng không gian toán học là sự sáng tạo của các nhà làm toán, có thể thích hợp hay không với hiện thực. Thuyết tương đối đã kết hợp không gian, thời gian, vật chất và năng lượng trong một cấu trúc mới, giải thích được những vấn đề mà thuyết Newton không giải thích được, đặc biệt bác bỏ được giả thiết lực hấp dẫn vũ trụ độc lập với thời gian (người ta cho rằng chính Newton đã rất không thoả mãn với điều này và đó là lý do ông đã yên lặng trong một thời gian dài trước khi công bố thuyết của ông dưới áp lực của bạn bè). Có thể nói chính thuyết tương đối lại hoàn chỉnh và tăng cường mạnh hơn nữa khái niệm nhân quả, vì nó quan niệm mọi hiện tượng đều xảy ra một cách cục bộ trong không-thời-gian, không còn biệt lệ của lực hấp dẫn vũ trụ : trọng trường cũng truyền đi trong không gian theo vận tốc ánh sáng. Như thế, trong thuyết tương đối, quy luật nhân quả theo nghĩa mạnh đã phát biểu ở trên vẫn được giữ nguyên, và còn phải thêm vào : *tác động từ nhân tới quả, theo bất cứ quy luật vật lý nào, cũng cần có thời gian.*

Nhưng rồi, với cơ học lượng tử, lại nảy ra cuộc khủng hoảng mới trong nhận thức. Tiêu biểu bằng hình tượng con mèo của Schrödinger đã trình bày trong số trước. Nay có thể nói một cách nghiêm chỉnh hơn là khủng hoảng được tập trung trên hai vấn đề, đó là vấn đề đo lường và vấn đề giải thích cơ học lượng tử.

VẤN ĐỀ ĐO LUỒNG : Đo lường, trong cơ học lượng tử, tức là phải khuếch đại từ những tác động rất tenuous giữa các lượng tử (vì không có gì phủ nhận được rằng toàn thể hiện thực, kể cả các thiết bị đo lường và giác quan, là tập hợp bởi các lượng tử) thành một hiện tượng do giác quan con người cảm nhận được, ở bước cuối cùng. Dù bước cuối cùng này là góc quay của một đồng hồ đo, hay dòng chữ do một máy tính điện tử in ra. Những gì xảy ra ở giữa bước đầu và bước cuối ? Khi nào thì hiện tượng bắt đầu trong thời gian ? Tại sao và như

thế nào lượng tử, từ hình thái một phân bố xác suất tiềm thê (sóng) trở thành hiện thực trong không-thời-gian (hạt), tức là có thể nói xác suất tiềm thê bỗng nhiên trở thành một (hoàn toàn hiện hữu) tại một điểm, và thành số không (hoàn toàn không hiện hữu) tại khắp các nơi khác ? nói khác đi, tại sao có sự giảm sóng (*réduction du paquet d'onde*) ? Đo lường là sự cần thiết để suy từ kích thước vi mô ra tới kích thước đời thường, nhưng có cái gì không ổn vì khái niệm đo lường trong cơ học lượng tử cần đến khái niệm ‘giảm sóng’, một khái niệm thực ra là rất ‘nhân tạo’, còn bí hiểm và khó chấp nhận hơn cả khái niệm ‘trọng trường độc lập với thời gian’ thời Newton.

VẤN ĐỀ GIẢI THÍCH CƠ HỌC LƯỢNG TỬ : Lượng tử trước khi bị đo lường nó là cái gì ? có thể mô tả hình thái hiện hữu của nó hay không ? Và suy rộng ra, có hay không có một hiện thực độc lập với con người, một hiện thực có tính bản thể ? nếu có thì phải mô tả hiện thực ấy như thế nào ? Sau hơn nửa thế kỷ với biết bao cố gắng mà vẫn chưa thành công, cũng không thể không đặt câu hỏi : tri thức con người, về lý thuyết, có thể trả lời những câu hỏi nói trên hay không ? Như vậy vấn đề giải thích cơ học lượng tử bao gồm và sâu rộng hơn vấn đề đo lường, được nêu ra ở đoạn trên một cách tương đối kỹ thuật. Nhưng ngược lại, nếu không có vấn đề đo lường (và việc nó chưa được giải quyết ổn thỏa), thì có lẽ cũng không đặt ra những vấn đề sau, hoặc chúng sẽ được đặt ra một cách khác. Và vì cơ học lượng tử, đúng ra phải nói cộng với thuyết tương đối, có thể giải thích được mọi hiện tượng của đời thường, nhiều tác giả đã đánh đồng vấn đề giải thích cơ học lượng tử và vấn đề giải thích hiện thực.

Giải thích hiện thực có nghĩa là đưa ra được một quan niệm rõ ràng về bản thể của thế giới vật chất, và từ đó mô tả được các hiện tượng như là những biểu hiện của bản thể mà các giác quan cũng như tri thức con người nắm bắt được, một cách gần đúng, vì có những giới hạn về sự chính xác của các công cụ đo lường. Thí dụ như vũ trụ quan thời Newton, nếu không có khủng hoảng, và thí dụ như vũ trụ quan của thuyết tương đối, nếu không có những nghịch lý của lượng tử. Chính đây mới là cách đặt vấn đề chung cho mọi người, và đi tiếp theo một bước nữa người ta cũng nhận thấy nhiều nhà nghiên cứu khoa học nhân văn đang sử dụng *một cách giải thích cơ học lượng tử nào đó của một số nhà vật lý học nào đó, tại một thời điểm nào đó*, để làm chỗ dựa hoặc để minh họa cho những suy tư của mình trên những vấn đề triết học hoặc nhân văn. Dĩ nhiên họ hoàn toàn có quyền làm việc đó, nhưng có lẽ những người đọc họ nên cẩn thận, làm chỗ dựa hoặc minh họa thì được, nhưng làm điểm khởi đầu thì có lẽ hơi mỏng manh. Vì có nhiều quan điểm giữa các nhà vật lý học, và vì bản thân một nhà vật lý học cũng có thể thay đổi quan điểm theo thời gian.

Vấn đề giải thích cơ học lượng tử hiện nay chưa có trả lời dùt khoát, tuỳ thuộc từng trường phái mà có những lập trường khác nhau (ở đây thu vào vài trường phái cho gọn chứ thực ra như vậy rất khiên cưỡng, nói mỗi người một ý thì đúng hơn). Và dĩ nhiên việc tìm hiểu các trường phái này rất phức tạp do những thái độ văn hoá triết học tiềm ẩn khác nhau của họ, do đó cùng một ngôn từ mà ý nghĩa lại có thể không giống nhau.

Trong những nhà khoa học ở mỗi lập trường khác nhau này đều có những người đã đóng góp lớn cho vật lý học, ở đâu cũng có giải Nobel.

Đồng thuận tối đa trên lập trường tối thiểu

Vì trước tiên phải nói rằng, mặc dù những lập trường khác nhau trong nhận thức luận, họ lại có sự đồng thuận rất lớn trong hoạt động khoa học. Từ việc đặt tên, xếp loại các đối tượng nghiên cứu, tới những thủ tục thí nghiệm, những phương pháp tính toán đều có đồng thuận, vì thế kết quả thí nghiệm hay kết quả tính toán của một người đều có thể được những người khác lập lại hay kiểm tra lại. Không cần phải đồng ý với nhau về triết học vẫn có thể cộng tác với nhau về khoa học. Nhưng dù sao như thế cũng phải có một thế giới quan tối thiểu chung từ đó mới cùng nhau nhận định những đối tượng nghiên cứu giống nhau. Nói theo Kuhn thì cái ‘*hệ ý niệm*’ tối thiểu chung đó hiện nay là gì ? (‘*hệ ý niệm*’ là tạm dịch chữ ‘*paradigme*’ theo Kuhn, chữ này được ông lấy lại từ ngôn ngữ học và mở rộng nghĩa. Trong ngôn ngữ học thì phải dịch là ‘*từ hệ*’, đối lập với ‘*syntagme*’ là ‘*từ đoạn*’. Cùng một thuật ngữ có thể dịch hai cách khác nhau trong hai phạm trù nghiên cứu khác nhau không ? vấn đề đó xin để chư quân tử luận bàn).

Nói là lập trường tối thiểu nhưng thật ra tầm quan trọng của nó không tối thiểu, đó là nền tảng cho những tiến bộ khoa học kỹ thuật vừa kỳ diệu vừa ghê gớm, đã làm thay đổi toàn bộ sinh hoạt vật chất của con người trên thế giới. Có thể liệt kê sự đồng thuận tối đa đó như sau :

- ◆ Trước hết khoa học chỉ bàn về các hiện tượng, nằm trong một thế giới hiện thực có thể gọi là hiện thực duy nghiệm (*réalisme empirique*), bàn luận về bản thể không nằm trong phạm vi hoạt động của khoa học, ít ra là trong nghĩa hẹp và với trình độ hiện nay.
- ◆ Sự biến chuyển từ trạng thái này tới trạng thái kia của hiện thực duy nghiệm có thể được mô tả bằng mô hình toán, có nhiều mô hình toán khác nhau nhưng cho cùng một kết quả, thường người ta hay nói tới phương trình Schrödinger vì nó ‘tự nhiên’ nhất, và vì các mô hình khác hoàn toàn tương đương nên cũng không thêm bớt gì đối với người ‘ngoại đạo’ chỉ muốn tìm hiểu trong phạm vi nhận thức luận. Mô hình toán không có tính chất gì là bản thể mà chỉ là những dụng cụ tính toán.
- ◆ Trong thí nghiệm, phải chấp nhận sự khác biệt giữa lượng tử và dụng cụ đo lường, nghĩa là chấp nhận không giải thích sự giảm sóng và những quy luật xác suất của nó.
- ◆ Quy luật nhân quả phải được uốn nắn lại một cách mềm dẻo hơn. Có nhân quả có quả, nhưng ở quy mô lượng tử, có thể có quả mà không có nhân (trong một thời gian vô cùng ngắn, hạt và phản hạt có thể tự nhiên nảy sinh và biến đi, vi phạm quy luật bảo tồn năng-lượng-vật-chất). Thêm nữa từ nhân tới quả là bất xác định về bản chất. Ở đây lẽ ra phải bàn nhiều về chữ ‘bất xác định’ (*incertitude*), không thể hiểu là ‘bất định’ (*indéterminisme*) như báo chí có khi dùng. Cuối cùng, ghê

gór hơn, là phải chấp nhận có những ảnh hưởng đi nhanh hơn ánh sáng, nghĩa là *không cục bộ* trong không-thời-gian của thuyết tương đối. (Những ảnh hưởng này có thực, nhưng lại chỉ có thể xảy ra một cách ngẫu nhiên, không thể dùng để truyền tin ngược thời gian, vì thế không thể có việc ‘quả đi trước nhân’. Những vấn đề rất lý thú này nằm chung quanh nghịch lý EPR, do Einstein, Podolsky và Rosen đặt ra, được giải quyết dứt điểm bởi định lý của Bell (1965) và thí nghiệm của Aspect (1982). Xin xem thêm trong sách đã dẫn lần trước.)

Các lập trường khác nhau về nhận thức

1. TRƯỜNG PHÁI COPENHAGEN:

Trung tâm nghiên cứu tại Copenhagen do Bohr chỉ đạo đã là cái nôi của cơ học lượng tử. Có thể nói lập trường của Bohr và Heisenberg, sau này người ta thường gọi là của trường phái Copenhagen, là đúng vững chắc và toàn bộ trên địa hạt duy nghiệm, nghĩa là giữ những tiên đề tối thiểu như đã nói ở đoạn trên, và chỉ tối thiểu mà thôi. Phát triển ra thì có thể nói, đối với Bohr và những người theo ông, không có bản thể, mà chỉ có hiện tượng, và hiện tượng là không thể tách rời đối tượng nghiên cứu là lượng tử và khung cảnh trong đó nó được khảo sát. Mỗi khung cảnh có những quy luật riêng, vì thế lượng tử khi là hạt khi là sóng tuỳ thuộc điều kiện thí nghiệm, chính vì điều kiện thí nghiệm là một thuộc tính của lượng tử, không có cái gì gọi là bản thể của lượng tử độc lập với điều kiện thí nghiệm. Vì thế nói đến con mèo trong cái hộp đen là chuyện vô tích sự.

Có người chế nhạo rằng : “ *nếu ta không nhìn thì mặt trăng không có đó* ”. Một nhà bác học khác khi giải thích quan điểm của trường phái Copenhagen viết “ *phải nói : nếu ta không nhìn thì có thể mặt trăng không có đó* ”. Như nhà thơ Bùi Giáng bâng khuâng :

*Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không ?
Ta đi còn gửi đôi dòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù ?*

Lá rơi có dội ở trong sương mù ? sương mù, không nghe tiếng lá rơi, sao biết có lá rơi ? và sao biết có lá ? cũng tựa như một người khác đã hỏi : rùng sâu cây đổ không ai nghe, liệu có phát tiếng kêu răng rắc ? Con mèo trong hộp kín sao biết nó sống hay chết ? sao biết có con mèo ?

Phút giải lao chấm dứt, xin mời quý độc giả về chỗ ngồi của hiện thực.

Những người nghiên cứu về vật lý lượng tử vẫn biết điểm yếu kém, cái khiên cưỡng của lập trường tối thiểu đã liệt kê ở trên chính là điểm thứ ba, cho dụng cụ đo lường một vai trò tiên quyết trong lý thuyết. Trong khi đó không thể chối cãi là dụng cụ đo lường cũng là vật chất như những vật chất khác, được cấu tạo bởi một tập hợp lượng tử ; chẳng lẽ khi tôi chụp mặt trăng, dùng máy ảnh như một dụng cụ đo lường, thì đã gửi vào nó một cái gì khác bí hiểm (tâm hồn tôi ? cái thân của tôi ?

cái khí của tôi ? ý chí ? sức sống ???). Vì vậy nhiều nhà nghiên cứu quyết khởi đi từ quan điểm tổng quát rằng mọi sự đều bắt đầu từ các lượng tử, dụng cụ đo lường chỉ là sự phóng đại những phản ứng đầu tiên giữa lượng tử bị đo và những lượng tử gặp đầu tiên trong máy đo, và không có con người thì vũ trụ này vẫn thế. Lượng tử có thể được mô hình hoá bằng một trường xác suất tiềm thể, các lượng tử phản ứng với nhau để sinh ra những lượng tử khác, hay/và hấp thụ hoặc sản sinh năng lượng, cũng là ngẫu nhiên theo những quy luật xác suất nhất định. Lập trường đó có lẽ không thực tế vào chục năm trước đây, nhưng hiện nay các phương tiện tính toán cũng như thí nghiệm đã tiến vượt bậc, và hướng nghiên cứu này đã đạt được những kết quả khả quan trong vài năm gần đây, đã tính toán được một số trường hợp, và đã làm được những thí nghiệm cho những kết quả tương thích với tính toán.

Những người này nhìn con mèo của Schrödinger ra sao ? Theo họ, các lượng tử trong vũ trụ luôn luôn tác động với nhau, ở quy mô lượng tử không thể ngăn chặn tuyệt đối sự tác động ấy, vì vậy vấn đề không phải ở con mèo, mà ở cái hộp. Không có cái hộp nào tách biệt được con mèo, lợ khí độc và tia phóng xạ không cho tác động với những lượng tử khác, vì bản thân cái hộp cũng là một tập hợp các lượng tử. Những nghiên cứu lý thuyết khi ấy cho biết rằng tác động giữa một vật thể và môi trường chung quanh nó đưa tới một hiện tượng gọi là ‘phá liên kết’ (*décohérence*) làm triệt tiêu rất nhanh trạng thái ‘nửa nọ nửa kia’ của một vật thể, vật thể càng lớn thì thời gian đó càng ngắn. Trong trường hợp con mèo thì thời gian đó vô cùng ngắn, tới độ không thể đo được. Phương trình sóng của hệ thống *mèo+lợ khí độc+tia phóng xạ* chỉ có giá trị khi chưa bị phá liên kết, và thời gian này rất ngắn, vì thế không cần đợi đến lúc mở hộp ra có người nhìn vào, mèo mới chấm dứt tình trạng vừa sống vừa chết, tác động của môi trường đủ làm việc đó.

Vấn đề đo lường coi như đã có hướng giải quyết, còn lại sự bí ẩn tại sao tương tác giữa các lượng tử lại theo những quy luật xác suất ngẫu nhiên. Có lẽ đây là mấu chốt của sự bất đồng ý kiến giữa Einstein và Bohr, đưa tới câu nói nổi tiếng của Einstein “*Thượng Đế không chơi trò súc sắc*”. Câu nói này hàm ý cho rằng lý thuyết cơ học lượng tử như Bohr quan niệm là không đầy đủ. Tại sao vậy ?

2. LÝ THUYẾT CƠ HỌC LUỢNG TỬ LÀ KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Einstein, Louis de Broglie, và Schrödinger và sau này Bohm rồi tới hiện nay là Roger Penrose là những người chủ trương như thế. Lập trường này cũng được tiêu biểu bằng xác định ngắn gọn : “ có những biến số ẩn giấu ” (*théorie des variables cachées*). Có thể giới bản thể khách quan và có những tham số (*paramètres*) chưa biết hoạt động trong thế giới bản thể khiến cho các biến cố (*événements*) ở quy mô lượng tử có vẻ như xuất hiện một cách ngẫu nhiên, nhưng nếu ta biết được các tham số ấy thì có thể xác lập những quy luật cơ bản hoàn toàn tất định. Khi Schrödinger đặt ra nghịch lý con mèo chính vì ông nghĩ rằng cần một lý thuyết sâu hơn lý thuyết lượng tử mới giải quyết được, nhưng hình như những kết quả gần đây

cho thấy nghịch lý này có thể được giải quyết bởi bản thân cơ học lượng tử. Cái tham số chưa biết đó, trong trường hợp này, chính là ảnh hưởng của môi trường, bao gồm cả vũ trụ.

Để minh họa có thể lấy thí dụ ném hòn súc sắc : khi ta ném súc sắc, có vẻ như các con số từ một tới sáu sẽ được chọn lựa một cách ngẫu nhiên, và sau nhiều lần ném thì số lần xuất hiện của mỗi kết quả gần bằng nhau. Thế nhưng khi con súc sắc được ném ra với một trạng thái đầu tiên nào đó và xoay nảy trên bàn cho tới khi dừng lại nó đều bị chi phối bởi những quy luật vật lý cổ điển, và mọi người đều tin rằng nếu biết được những tham số vật lý của mỗi lần ném thì sẽ tính toán được kết quả một cách tất định. Cho tới nay có nhiều cố gắng để thành lập các mô hình trong đó các biến cố ở quy mô lượng tử xuất hiện một cách tất định. Có thể nói chưa thành công, nhưng đây là một hướng nghiên cứu để tìm hiểu tự nhiên hoàn toàn hợp tình hợp lý, vì còn nhiều vấn đề phải giải quyết trước khi kết hợp (với những thay đổi cần thiết) được thuyết tương đối và cơ học lượng tử một cách hoàn hảo, đặc biệt vấn đề có những ảnh hưởng ngẫu nhiên di nhanh hơn ánh sáng.

Tùy theo từng người có thể chấp nhận hay không sự ngẫu nhiên trong những quy luật cơ bản nhất, nhưng nếu có một mô hình tất định thì có lẽ việc giải thích cơ học lượng tử được dễ dàng hơn. Lại phải nói thêm rằng mô hình ấy, nếu có, cũng sẽ rất phức tạp, vì người ta đang nghiên cứu trong những không-thời-gian nhiều hơn bốn chiều, trong đó lượng tử là những sợi dây luôn luôn rung động, vân vân.

3. TRI GIÁC CON NGƯỜI TẠO RA THẾ GIỚI HIỆN TƯỢNG

Đến đây bài đã quá dài, và người viết cảm thấy mình đã quá lạm dụng giấy mực để trình bày những gì tìm hiểu được, chắc chắn có nhiều sai sót, về cơ học lượng tử. Nhưng cũng không thể bỏ quên một loại lập trường đã được nhiều bộ óc ưu tú bảo vệ trong buổi ban đầu khi suy luận về vấn đề đo lường, có lẽ vì quá bàng hoàng trước những hiện tượng lượng tử, như Eugene Wigner, von Neumann... Những người này đã kết luận là phải cho ý thức của con người một vai trò đặc biệt, không có nó thì vũ trụ là hỗn mang, chính vì có ý thức con người khảo sát nó thì mới có các *hiện tượng*, thì vũ trụ mới là vũ trụ. Xin hiểu theo nghĩa đen, chứ không phải theo nghĩa bóng, hàm ý là các *mô hình* mô tả vũ trụ được xây dựng bằng ý thức con người, nếu thế thì ai cũng có thể chấp nhận được. Lập trường này hình như không còn ai theo trong các nhà vật lý học, nhất là với những kết quả hiện đại trong vật lý học thiên văn, trong các nghiên cứu để giải quyết vấn đề đo lường ; nhưng thẳng hoặc vẫn được một số tác giả nhắc đến và sử dụng. Xin kết luận là không có con người vẫn có mặt trăng, rừng sâu cây đổ không ai nghe vẫn phát tiếng kêu rắc ; nói khác đi có thể thành một bài thơ hay, nhưng không có ích lợi gì thực tiễn.

Hàn Thuý

Chuyện của “ Chíp ”

truyện ngắn

Phan Huyền Thư

Có tiếng chuông điện thoại. Tôi liếc đồng hồ treo tường. Mười một giờ mười lăm. Mẹ tôi ngồi dậy hỏi đứa nào. Tôi bảo cái Hạnh đợi con ở Queenbee. Mẹ tôi bảo “Ở nhà”. Tôi chui đầu vào chăn. Mẹ tôi hỏi “Mày tính với thằng Cường thế nào”. “Con sẽ lấy nó”. “Bao giờ?”. “Bao giờ cảm thấy O.K.”. “Thế thằng Quang?”. “Con thích nó”. “Mày định lảng nhảng đến bao giờ?”. “Con không biết”. “Nhỡ thằng Cường biết thì sao?”. “Có lẽ biết rồi. Cùng lầm là out...”. “Tao cấm...”. “Mẹ ơi nghĩ làm gì cho mệt. Những chuyện mong manh ấy mình con giải quyết được rồi”. “Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mà...”.

Chống chân xuống giường, Hạnh bảo “Thay đồ”. “Chờ cơm cạn tao hấp nốt cơm nguội rồi đi”. “Bảy lăm”. “Được hả”. “Ừ”! Hôm qua có đứa xui tao con bảy sáu. May mà không đánh”. “Bảy giờ đi đâu?”. “Ngồi yên rồi biết”.

“Nếu bố mày biết mày vào Bar với tao thì sao?”. “Tao không biết”. “Sao còn đi?”. “Cùng lầm là dòn. Tao không sợ đòn, chỉ sợ mẹ tao rên”. “Giống tao quá. Mẹ mày có bảo kiếp trước nợ mày không? ”.

Tôi và Hạnh. Hai đứa chúng tôi là hai “chứng nhân lịch sử” về sự suy đồi đạo đức. Đạo đức có chuẩn mực không hay là nó thay đổi theo thời cuộc. Ông tôi bảo “Ngày xưa vì yêu bà mà tao bị khai trừ ra khỏi Đảng. Tao với bà mày “hủ hoá” ra bố mày... Rồi ông quay sang duyệt tiếp tâm lý Mỹ, thể loại hai tư trên hai tư có tác dụng như keo con voi dính chặt ông vào ghế duồng già. Bố tôi đáp “Thì con bị kỷ luật trước toàn trường với một tuần quét nhà vệ sinh vì tội nhìn mẹ cái Nhi trong giờ sinh hoạt Đoàn của Khoa chứ đâu”. Nói rồi bố tôi liếc đồng hồ gọi điện thoại cho lái xe đến đón. (Hai sáu trên ba mươi ngày họp tại Nhà hàng). Mẹ tôi bảo : “Mày sướng quá hoá rõ. Mày không đọc báo à. Yêu đương lảng nhăng mất mạng như chơi. Gặp phải thằng liều thì phí cơm tao nuôi mày”. Tôi bắn lân đáp : “Con chẳng yêu thằng nào. Đàn ông bây giờ thằng làm ra mười nghìn tiêu trăm nghìn. Thằng làm

ra tiền triệu thì tiêu tùng nghìn. Thằng chẳng làm ra đồng nào thì trốn vào sách vở học hành. Toàn ngáp vặt với cãi nhau những vấn đề ngay cả Bill Clinton cũng không dám nghĩ”. Bố tôi bảo : “Thế con Nhi nó si thằng nào quá, vác hết của nả cho giai bà có chịu không?”. Mẹ tôi đay : “Việc gì phải mượn nó, của nả nhà này cũng có người đang khuân dần khuân mòn đi hộ rồi”. Bố tôi dàn hoà : “Mấy con mẹ phệ hôm nay không rủ bà đến Câu lạc bộ khiêu vũ cổ điển à? ”.

Hạnh bảo tôi : “Tao định đi Úc”. “Du học à?”. “Mày đi với tao đi”. “Sao? Chán à?”. “Ừ, mỏi quá. Hai cụ nhà tao muốn tao wedding”. “Thằng nào thế?”. “À! Một thằng mới về bộ ngoại giao. Theo tao đoán có lẽ nó... gác cổng. Hôm qua nó đến nhà gặp tao : “Hê-nô – Hao-A-diu”. Tao bảo : “Canh thu”. Nó trợn mắt không hiểu, tao nhắc lại : “Canh thu – Canh rau ngọt” (1). Mặt nó đỏ gay. Tôi thắc mắc : “Nhân tài nước Nam nhiều như lá mùa thu – rụng đâu hết?”. “À! thằng này có họ với xếp khá lăm. Nghe đâu mới học hết lớp bốn trường làng, đi Nga về, luyện tiếng Anh cấp tốc tại trung tâm... Thế mày có định đi Úc với tao không?”. “Tao chưa biết. Đạo này tao có dễ thở hơn tí chút... Mày biết con Nga không?”. Hạnh nghĩ ngợi : “Con Nga nào nỉ?”. “Con Nga điệu chứ còn con nào?”. “Thằng cha giám đốc – bố nó – có một vợ hai con ở Sài Gòn. Nó vác bụng rồi mà không cưới được...”.

Mẹ tôi luôn môm bảo : “Nhìn con Nga mà thèm. Nết na là thế. Giản dị, sạch sẽ. Nó không nhiều bàng cấp như các cô mà nó đi làm công ty, lương một vé...”. Tôi đáp : “Mẹ ơi bây giờ đừng tin vào hình thức. Bọn giản dị, sạch sẽ : sơ mi cắm thùng, tóc tết đuôi sam, ra vào viện C như đi chợ. Thư ký thì hôn nhau choết móm với giám đốc. Lỗi tại không có kiến thức cá nhân. Xử lý thông tin lại chậm...”. Mẹ tôi bảo : “Mày ra trước gương xem nào. Đầu tóc rối bù, áo quần vá chõ này thêu chõ nọ. Không rách cũng cố cào ra cho rách. Tao có để mày thiếu gì đâu mà mày ăn mặc như bêu riếu tao. Yêu đương thì chẳng rõ ràng gì sất”. Tôi bảo : “Mẹ đừng bắt con phải giống ai. Đặc biệt là con Nga. Con sợ mẹ lại ân hận”.

Khi chuyện cái Nga vỡ lở. Tôi có một tuần an dưỡng, không phải nghe mẹ tôi ca ngợi nó. Nhưng một tuần sau mẹ tôi lại bảo : “Mày phải chọn lựa cẩn thận không lại giống cái Nga...”. Tôi van vỉ : “Mẹ ơi, mẹ thương con. Một mình con đánh vật với cuộc sống của con đã phờ người rồi. Ngày nào mẹ cũng khuấy tung lên với hàng vốc lời khuyên, với những chuyện không đâu... con chắc điên mất”. “Kệ xác mày! Không biết kiếp trước tao nợ gì mày...”. Tôi chống cằm : “Mẹ ơi! Thế yêu mà không lấy có phải kiếp này nợ nhau không?”. Mẹ tôi bảo : “Có lẽ đúng”. Chết cha! Chẳng lẽ kiếp sau Quang lại là con tôi à?

Cơm nước xong. Mẹ tôi bày lê bảo tắt đài rồi bắt đầu tụng kinh. Tôi thay quần áo ra ngoài. Cường đã đợi sẵn. Chúng tôi đi vào Thảo viên. Đèn tối mờ. Căng mắt mới nhìn thấy lối đi. Gọi là “viên” mà lại giống chuồng ngựa. Một dãy san sát toàn ô ngăn gỗ. Đi qua nghe thấy lục đục... Cường gọi : “Hai cam vắt”. Tôi đòi về. Cường bảo : “Trả lời anh câu này rồi anh cho về”. “Câu gì?”. “Lấy anh không?”. Tôi gật đầu. Cường bảo : “Tốt. Về thôi”.

ĐIỂM PHIM

Tôi về đến nhà thì bắt đầu Ô-sin. Nếu gặp cái Hạnh thế nào nó cũng bảo “ Mày học tập con Nga về trước chín giờ đấy à ”. Cho mà xem. Nhưng tôi không gặp nó mà là Quang. Trong Quang có vẻ mệt mỏi. Quang hỏi tôi : “ Người kia cũng yêu Nhi à ? ”. Tôi gật đầu. Quang lại hỏi : “ Thế Nhi có yêu anh không ? ”. Tôi hỏi : “ Quan trọng lắm không ”. Quang bảo : “ Nhi không trả lời à ? ”. Tôi lí nhí : “ Nhi thích anh lắm. Muốn gặp hàng ngày ”. Quang thở phào hỏi : “ Thế Nhi có đồng ý là vợ anh không ? ”. Tôi gật đầu. Quang bất ngờ “ thom ” vào má tôi thì thầm : “ Anh yêu Nhi phát điên ”. Tim tôi đập thình thịch.

Nằm nghe nhạc mãi không ngủ được. Mẹ tôi về từ Câu lạc bộ khiêu vũ cổ điển. Nhìn mẹ tôi biết ngay vừa nhảy điệu Pasô “ Chú ếch xanh ” (bài kết truyền thống thuộc quyền sở hữu của Câu lạc bộ). Tôi kể chuyện buổi tối, mẹ tôi giãy nẩy : “ Sao mày dám... ”. Tôi trấn an : “ Mum ơi, bọn đàn ông bây giờ nói chuyện cười xin như không ấy mà. Nó hứa suông với con gái mẹ thế để con gái mẹ cứ cum cúp mà chờ đợi. Nó đã cưới ngay đâu mà lo. Yêu bấy giờ mà không nhắc chuyện cưới thì có vẻ như không đứng đắn. Nhưng mà lấy nhau xong cắp bồ nhoè nhoẹt thì lại mốt ”. Bố tôi vừa về đến nhà tưởng tôi động chạm gì hỏi : “ Nhi, mày vừa nói gì ? ”. Tôi toe toét : “ Oh ! No. Dady. How are you ? ” (2)

Tôi không biết cuộc sống của tôi bằng cách nào mà trôi đi nhanh thế. Mở mắt ra : “ Hôm nay đã là một ngày mới ”. Nếu tính trung bình tuổi thọ là sáu mươi thì tôi chỉ còn có mười ba ngàn năm trăm lẻ năm lần thức dậy vào buổi sáng như hôm nay. Hôm nay. Một buổi sáng cuối thu. Mây xám. Mưa phùn. Gió. Nhìn qua khung cửa sổ những cành cây thưa lá lúi rúi dựi vào nhau. Dưới đường người đi thưa thớt co ro trong những tấm áo mưa kín mít. Sống trên đời được hưởng là mấy cái mưa mà co ro kín mít ? Trễ nải không muốn ăn sáng, tôi thay đồ lao xuống đường chờ xe buýt đi học (tất nhiên là không mặc áo mưa). Ngày hôm nay sẽ là ngày cũ. Ngày mai mới là một ngày mới. Tôi quyết định sẽ gặp Cường và Quang đính chính lại sự thật, để kết thúc vở kịch “ Cầu hôn ”. Ngày mai đã là ngày mới ! Tôi. Hạnh và các bạn nữa, còn bao nhiêu việc để làm, để sống. Nếu không, tôi sẽ không còn nhiều cơ hội nghe câu : “ Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mày ” vào những lúc mẹ bất lực trước cái ngang ngạnh dờ hơi của tôi (không khéo tôi lại dùng đúng câu ấy với con tôi sau này). Không ! Phải khác đi. Phải thay đổi nhanh chóng lên. Năm hai nghìn đến rồi. Nay, thế kỷ hai mươi mốt, ta đợi nhà ngươi !

Có tiếng chuông đồng hồ báo thức. Tôi chôm dậy. Hoá ra tôi vừa lảm nhảm những điều trên là ở trong mơ. Ngoài trời sáng trong veo chẳng mưa cũng chẳng mấy xám. Nhưng mà tôi vẫn nghĩ như thế. Ai thấy không ổn cứ việc hỏi :

“ Chẳng biết kiếp trước tao có nợ nần gì mày không ? ”.

Phan Huyền Thư

(trích từ tập truyện ngắn nhiều tác giả
MẨN NẮNG CUỐI NGÀY MƯA
NXB Hà Nội – 1996)

(1) Thank you very much ! (Cám ơn nhiều)
(2) Ô không đâu cha. Cha có khoẻ không ?

Còn một tí chỗ, tôi xin vắn tắt một cuốn phim Trung Quốc đang chiếu ở Pháp, rất đáng coi :

LES FEMMES DU LAC AUX AMES PARFUMEES

Đó là cái tựa đề tiếng Pháp hơi kỳ cục của cuốn phim mang tên Hán văn ngắn gọn : HƯƠNG HỒN NỮ. Hương Hồn là tên một cái hồ mang sự tích gắn liền với cái chết của hai cô gái. Cuốn phim cũng là câu chuyện của hai người đàn bà sống bên hồ Hương Hồn, câu chuyện số phận của người phụ nữ Trung Quốc ngày hôm nay ở một vùng nông thôn phụ cận thành phố Quảng Châu đang chạy đua kinh tế thị trường.

Bà Hương ở tuổi tứ tuần, là chủ một cửa hàng sản xuất dầu vùng nổi tiếng trong vùng (một nữ doanh nhân Nhật sẽ tới thăm và đề nghị hợp doanh). Bên cạnh một tay chồng vô tích sự, ngày đêm say khuất (sao mà đậm đà màu sắc dân tộc của ta thế !), bà phải cảng cá việc nhà, từ cơm nước cho chồng con, đến rửa ráy lau chùi cho thẳng con trai dở người, càng đến tuổi động cõi càng lén cõi động kinh dữ dội. Vậy là bà dùng tiền để mua một cô con dâu 17 tuổi, lặp lại cái kiếp luân hồi mẹ chồng con dâu mà chính bà đã trải qua : ở tuổi 13, bà Hương đã bị bán cho gia đình chồng và hai năm sau “ lấy ” chồng. Lối thoát duy nhất của người đàn bà đảm đang và tràn đầy sức sống ấy là vụng trộm yêu một tay tài xế “ trên tinh ”, có con với hắn. Nhưng “ anh ” không thể ly dị, và cuối cùng “ anh ” cũng truất chiếc xe cam nhông mà truy phong. Bà Hương sẽ vĩnh viễn giam mình và giam cô con dâu Hoan Hoan trong kiếp luân hồi, hay sẽ vùng lên cắt đứt giây oan nghiệp chướng ?

Xin mời các bạn tìm xem cho bằng được cuốn phim của Tạ Phi (Xie Fei). Nữ diễn viên (người Nội Mông) Tư-cẩm Cao-oa (Siqin Gaowa) thủ vai bà Hương vô cùng đặc sắc. Bà không lặng lẫy như Củng Lợi (Gong Li), Tạ Phi không được Hollywood ve vuốt như Trương Nghệ Mưu (Zhang Yimou) hay Trần Khải Ca (Chen Caige). Có lẽ vì vậy Hương Hồn Nữ đoạt giải Con gấu vàng ở Berlin từ năm 1993, mà đến bây giờ mới có công ty phát hành chịu đem ra chiếu. Kinh tế thị trường mà.

Tháng 6, các bạn nên tìm coi phim *Xiu Xiu* của nữ đạo diễn Joan Chen.

Kiến Văn

Diễn Đàn forum

Direcuteur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 7 324 * Prix : 25 F (3,81 €)

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan @wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử
ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, VPS, PDT, ABC,..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet/VIQR)